**CÔNG KHAI THÔNG TIN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2020**

**CÁC NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

| **TT** | **Trình độ đào tạo** | **Tên đề tài** | **Lớp** | **Họ tên người thực hiện** | | **Họ tên GVHD** | **Tóm tắt nội dung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. Đại học** | | | | | | | | |
| **KHỐI NGÀNH III** | | | | | | | | |
| **Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường** | | | | | | | | |
| 1 | Liên thông đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lập hồ sơ xả thải cho Trường Mầm non Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội | LĐH8M1 | Hoàng Diệu Quỳnh | Trâm | TS.Đoàn Thị Oanh | Tổng quan tài liệu Đề xuất và tính toán 02 phương án thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho Trường mầm non Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội công suất trung bình 50 m3/12h phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội. Lập hồ sơ đề án xả thải cho hệ thống xử lý 50m3/ngày đêm vào tuyến cống chính khu vực. Thể hiện bản vẽ các công trình xử lý |
| 2 | Liên thông đại học chính quy | Thiết kế trạm xử lý nước thải cho Nhà máy Kudora Việt Nam, công suất 1.500.000 sản phẩm/năm, khu Công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, thành phố Hà Nội | LĐH8M1 | Nguyễn Tuấn | Tuyên | ThS.Trương Đức Cảnh | Khóa luận đã đề xuất được toàn bộ về dây chuyền xử lý, đặc tính về nước thải và phương pháp xử lý nước thải nhà máy KUDORA Việt Nam công suất 1.500.000 sản phẩm/ năm khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội. Nước thải sinh hoạt của nhà máy có thông số đầu vào như sau: pH=6-8, BOD=250mg/l,SS=180mg/l, NO3- =80mg/l, PO43- = 8mg/l, dầu mỡ=40mg/l, coliform= 9,3x106 MPN/100ml. Quy trình công nghệ đề xuất đã đáp ứng được chất lượng nước đầu ra theo quy chuẩn hiện hành, QCVN 14:2008/BTNMT cột B. Các công trình trong phương án 1 bào gồm: Bể thu gom,bể điều hòa,bể Anoxic,bể Aerotank,bể lắng đứng,bể khử trùng,bể chứa bùn. Thiết kế và thể hiện các kết quả tính toán, nghiên cứu trên 06 bản vẽ kỹ thuật. Trong quá trình tính toán do công suất của nhà máy nhỏ và kích thước các bể tính ra cũng nhỏ. Nên em đã hợp khối các bể: Bể điều hòa, bể Anoxic,bể Aerotank, bể lắng đứng, bể khử trùng, bể lắng bùn lại với nhau thể hiện qua bản vẽ kỹ thuật. |
| 3 | Liên thông đại học chính quy | Thiết kế trạm xử lý nước thải cho Nhà máy sản xuất bản vi mạch dẻo, khu Công nghiệp Thăng Long, thành phố Hà Nội | LĐH8M1 | Lương Khánh | Duy | ThS.Trương Đức Cảnh | Khóa luận đã đề xuất được phương án xử lý cho nhà máy sản xuất bản vi mạch dẻo- Khu Công nghiệp Thăng Long và xử lý nước thải sinh hoạt cho 5500 công nhân của nhà máy. Đây là công trình xử lý sinh học do đó để duy trì hoạt động xử lý nước thải có hiệu quả đòi hỏi phải có sự quản lý và vận hành khoa học tạo điều kiện tối ưu cho hoạt động phân huỷ các chất ô nhiễm, đồng thời phát hiện các sự cố trong vận hành và xử lý kịp thời để tránh những tổn thất kinh tế cho doanh nghiệp và môi trường xã hội. |
| 4 | Liên thông đại học chính quy | Thiết kế trạm xử lý nước thải cho khu đô thị Phú xuyên, thành phố Hà Nội. | LĐH8M1 | Lê Ngọc | Đức | TS.Nguyễn Hồng Đăng | Đã thiết kế được 02 phương án xử lý nước thải cho khu đô thị Phú xuyên, thành phố Hà Nội + 6 bản vẽ CAD |
| 5 | Liên thông đại học chính quy | Thiết kế trạm xử lý nước thải cho Nhà máy sản xuất và chế tạo, gia công các thiết bị điện, điện tử công suất 67.000.000 sản phẩm/năm, thuộc Công ty Katolec, thành phố Hà Nội | LĐH8M1 | Bùi Thị | Hồng | ThS.Trương Đức Cảnh | Khóa luận đã đề xuất được toàn bộ về dây chuyền xử lý, đặc tính về nước thải và phương pháp xử lý nước thải nhà máy sản xuất chế tạo, lắp rấp linh kiện điện tử PCB công xuất 4850 m3/ng.đ. với 2300 công nhân Qua quá trình nghiên cứu và tính toán em xin được đề xuất công nghệ xử lý thích hợp cho hệ thống xử lý nước thải cho nhà máy như sau: - Với phương án 1: Hố thu gom : thể tích bể = 75,78 m3 Bể điều hòa : thể tích bể = 337,5 m3 . Trong đó chiều dài bể là: 9m, chiều rộng bể là: 7,5m, chiều cao bể là: 5m. Bể điều hòa có tác dụng làm ổn định lưu lượng dòng vào, làm đồng đều nồng độ các chất ô nhiễm Bể lắng I: Thể tích bể là = 303,12 m3. Trong đó chiều cao bể là: 10,5m, Đường kính máng thu là 9,5m. Bể lắng II: thể tích bể = 1047,06 m3. Trong đó chiều cao bể là: 8,4m, Đường kính bể là 8m. Bể Aerotank: có thể tích bể là 1311,4 m3. Trong đó: chiều dài = 20m ; chiều rộng = 24 m ; chiều cao bể = 6m.  Bể khử trùng: Khử trùng bằng Clo. Dung tích thùng chứa Clo = 400 lít. Với lượng clo là: 0,099 kg/h - Với phương án 2 Bể tách dầu mỡ:thể tích bể = 21,9 m3. Bể tự hoại: thể tích bể =96 m3. Bể thu gom: thể tích bể =7,3 m3. Bể lắng cát đứng:24,8 m3. Bể điều hòa:43,2 m3. Bể lắng đứng sơ cấp:23,7 m3. Bể SBR và bể chứa bùn:301,1 m3. Bể khử trùng:7,3 m3. Đây là công trình xử lý sinh học do đó để duy trì hoạt động xử lý nước thải có hiệu quả đòi hỏi phải có sự quản lý và vận hành khoa học tạo điều kiện tối ưu cho hoạt động phân huỷ các chất ô nhiễm, đồng thời phát hiện các sự cố trong vận hành và xử lý kịp thời để tránh những tổn thất kinh tế cho doanh nghiệp và môi trường xã hội. Nội dung của dây chuyền xử lý nước thải sinh hoạt được thực hiện dựa vào tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để nước sau xử lý đạt QCVN 14-MT: 2015/BTNMT (Cột B1 bảng 1), cho phép thải vào hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng theo quy định. |
| 6 | Liên thông đại học chính quy | Thiết kế trạm xử lý nước thải cho Nhà máy sản xuất chế tạo, lắp rắp linh kiện điện tử PCB thuộc công ty TNHH điện tử Meiko, khu công nghiệp Thăng Long, thành phố Hà Nội | LĐH8M1 | Dương Thị Thu | Trang | ThS.Trương Đức Cảnh | Khóa luận đã đề xuất được toàn bộ về dây chuyền xử lý, đặc tính về nước thải và phương pháp xử lý nước thải nhà máy sản xuất chế tạo, lắp rấp linh kiện điện tử PCB công xuất 4850 m3/ng.đ. với 2300 công nhân Qua quá trình nghiên cứu và tính toán em xin được đề xuất công nghệ xử lý thích hợp cho hệ thống xử lý nước thải cho nhà máy như sau: - Với phương án 1: Hố thu gom : thể tích bể = 75,78 m3 Bể điều hòa : thể tích bể = 337,5 m3 . Trong đó chiều dài bể là: 9m, chiều rộng bể là: 7,5m, chiều cao bể là: 5m. Bể điều hòa có tác dụng làm ổn định lưu lượng dòng vào, làm đồng đều nồng độ các chất ô nhiễm Bể lắng I: Thể tích bể là = 303,12 m3. Trong đó chiều cao bể là: 10,5m, Đường kính máng thu là 9,5m. Bể lắng II: thể tích bể = 1047,06 m3. Trong đó chiều cao bể là: 8,4m, Đường kính bể là 8m. Bể Aerotank: có thể tích bể là 1311,4 m3. Trong đó: chiều dài = 20m ; chiều rộng = 24 m ; chiều cao bể = 6m.  Bể khử trùng: Khử trùng bằng Clo. Dung tích thùng chứa Clo = 400 lít. Với lượng clo là: 0,099 kg/h - Với phương án 2 Bể tách dầu mỡ:thể tích bể = 21,9 m3. Bể tự hoại: thể tích bể =96 m3. Bể thu gom: thể tích bể =7,3 m3. Bể lắng cát đứng:24,8 m3. Bể điều hòa:43,2 m3. Bể lắng đứng sơ cấp:23,7 m3. Bể SBR và bể chứa bùn:301,1 m3. Bể khử trùng:7,3 m3. Đây là công trình xử lý sinh học do đó để duy trì hoạt động xử lý nước thải có hiệu quả đòi hỏi phải có sự quản lý và vận hành khoa học tạo điều kiện tối ưu cho hoạt động phân huỷ các chất ô nhiễm, đồng thời phát hiện các sự cố trong vận hành và xử lý kịp thời để tránh những tổn thất kinh tế cho doanh nghiệp và môi trường xã hội. Nội dung của dây chuyền xử lý nước thải sinh hoạt được thực hiện dựa vào tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để nước sau xử lý đạt QCVN 14-MT: 2015/BTNMT (Cột B1 bảng 1), cho phép thải vào hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng theo quy định. |
| 7 | Liên thông đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước hồ Tây trên địa bàn quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2020 | LĐH8M1 | Đỗ Thị | Bích | ThS. Trịnh Kim Yến | - Thu thập tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội hiện trạng môi trường của quận Tây Hồ, Hà Nội. - Tiến hành khảo sát thực tế và lập kế hoạch quan trắc chất lượng nước Hồ Tây + Thời gian lấy mẫu dự kiến là: Tháng 05 năm 2020 + Tần suất: 1 đợt lấy mẫu + Vị trí lấy mẫu: 10 mẫu ở 10 vị trí + Tiến hành phân tích các chỉ tiêu: • Đo nhanh: nhiệt độ, pH, DO, độ đục. • Phân tích trong phòng thí nghiệm: các chỉ tiêu: TSS, COD, BOD5 , NH4+, NO2-, NO3- ,Cl- , PO43-, T-Fe, Pb, Cu, Coliforms. - Đánh giá chất lượng môi trường nước thông qua chỉ số môi trường nước WQI và luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm. - Đánh giá độ lặp lại của các phương pháp phân tích các thông số phân tích trong phòng thí nghiệm tại 1 vị trí (tính RSD%). |
| 8 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Giai đoạn 2025-2035) | ĐH2CM1 | Hà Xuân | Vịnh | ThS.Nguyễn Thị Bình Minh | Sau khi tính toán thiết kế đề tài “Quy hoạch hệ thống thoát nước thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Giai Đoạn 2025-2035)” ta có kết quả: Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải. Có đưa ra 2 phương án, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì ta chọn được phương án vạch tuyến 2 là phương án tối ưu hơn có chi phí đầu tư và chi phí vận hành thấp hơn nhiều so với phương án 1. Đặc điểm kỹ thuật của phương án:  -Trạm xử lý đặt ở phía Tây Nam thị trấn, nằm song song hướng gió chính.  - Tuyến cống chính được đặt theo hướng dốc chính từ Đông Nam lên Tây Bắc và tuyến cống phụ từ Bắc xuống Nam. Chi phí:  -Suất đầu tư : Gđt = 13946,4 (tr vnđ).  -Vốn đầu tư vận chuyển 1 m3 nước thải đế trạm xử lý : 546,85 (vnđ/m3)  -Chi phí quản lý 1 năm : 690,3 (tr vnđ/năm) Về nôi dung thiết kế trạm xử lý: Có 2 phương án cho trạm xử lý được đề xuất, sau khi tính toán kỹ thuật và khái toán kinh tế thì chọn được phương án 2 là phương án tối ưu hơn. Trong đó, công trình xử lý sinh học phương án 2 là lọc sinh học nhỏ giọt dễ dàng thiết kế và tiết kiệm được quỹ đất. Hệ thống xử lý bùn cơ học, tiết kiệm diện tích, hiệu quả và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.Nước sau xử lý đạt QCVN 14-2015/BTNMT (cột A-Bảng 1), cho phép nước thải sau khi xử lý được xả vào nguồn nước được đùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Chi phí đầu tư xây dựng, chi phí quản lý:  -Suất đầu tư : GĐT = 45542,4 (tr vnđ).  -Giá thành xử lý 1 m3 nước thải 4907,2 (vnđ/m3).  -Chi phí quản lý 1 năm 7983,6 (tr vnđ/năm). |
| 9 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống cấp nước thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Giai đoạn 2025-2035) | ĐH2CM1 | Nguyễn Quang | Thám | ThS.Nguyễn Thị Bình Minh | Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng hệ thống cấp nước của thành phố Vĩnh Yên tỉnh Vĩnh Phúc. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được tiến hành vạch ra 2 phương án cấp nước sinh hoạt. Tính toán thiết kế thủy lực mạng lưới cấp nước sinh hoạt theo 2 phương án. Tính toán thiết kế trạm xử lý theo 2 phương án và bố trí các công trình trong trạm xử lý nước cấp. Khái toán hệ thống cấp nước và công trình xử lý nước cấp theo 2 phương án.  Lựa chọn phương án tối ưu để thi công  Sau khi so sánh ưu nhược điểm giữa các phương án cấp nước và xử lý, xét đến độ phù hợp với kết cấu cư dân, các ngành công nghiệp, khu công nghiệp trên thành phố và độ phù hợp với sự phát triển của thành phố trong tương lai, em đã lựa chọn phương án cấp nước mạng vòng với chiều dài đường ống 20989m, chọn phương án xử lý 1 với chi phí cho 1m3nước là 668 đồng. |
| 10 | Đại học chính quy | Nghiên cứu, xác định hàm lượng một số kim loại nặng (Cd, Cu, Pb, Hg, As) trong hàu (*Saccostrea* sp.) tại vùng viển ven vờ huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. | ĐH4K | Nguyễn Thị Như | Quỳnh | TS. Lê Thu Thủy | - Thu thập, tổng hợp và phân tích tài liệu có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu - Lấy mẫu, vận chuyển và bảo quản mẫu về phòng thí nghiệm - Xử lý mẫu hàu - Phân tích, xác định hàm lượng KLN cadimin (Cd), đồng (Cu), chì (Pb), thủy ngân (Hg), asen (As) trong hàu đang sinh trưởng, phát triển tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định trong  - Đánh giá mức độ tích lũy kim loại nặng (Cd, Cu, Pb, Hg, As) trong hàu tại vùng biển ven bờ huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định  So sánh kết quả phân tích được với một số tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định ở trong nước và quốc tế |
| 11 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH4K | Tô Thị | Linh | TS.Vũ Văn Doanh | - Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại 3 Tổ dân phố: Tổ dân phố Phú Long, Tổ dân phố Phú Thành, Tổ dân phố Phú Thịnh. - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 3 Tổ dân phố: Tổ dân phố Phú Long, Tổ dân phố Phú Thành, Tổ dân phố Phú Thịnh. - Đánh giá nhận thức cộng đồng về công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn 3 Tổ dân phố: Tổ dân phố Phú Long, Tổ dân phố Phú Thành, Tổ dân phố Phú Thịnh. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn trên địa bàn 3 Tổ dân phố: Tổ dân phố Phú Long, Tổ dân phố Phú Thành, Tổ dân phố Phú Thịnh. |
| 12 | Đại học chính quy | Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho khu đô thị Hà Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội | ĐH4T | Lưu Thị Kim | Anh | ThS.Nguyễn Phương Tú | Đồ án tốt nghiệp “Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Khu đô thị Hà Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ. Nội dung đồ án được thể hiện qua 3 chương và 6 bản vẽ; đề xuất, tính toán thiết kế 2 phương án sử dụng công nghệ xử lý nước thải khác nhau: phương án 1 sử dụng A – O kết hợp MBBR, phương án 2 sử dụng bể SBR và tính toán khái toán cho hai phương án đề xuất để nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, cho phép thải vào mạng lưới thoát nước chung của thành phố. Trên cơ sở so sánh, đề tài đề xuất sử dụng phương án 1 xử lý phương án 1 là phương án được lựa chọn cho Khu đô thị Hà Phong. Ước tính chi phí xử lý 1 m3 nước thải là 6,075 (VND/ngày). |
| 13 | Đại học chính quy | Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa | ĐH4T | Phạm Thị Phương | Mai | TS.Hoàng Thị Huê | 1.Đánh giá hiện trạng phát sinh, thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa và đánh giá công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Nga Sơn 2. Dự báo khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn 2020-2030 3. Ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. 4. Đề xuất giải pháp cải thiện dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa |
| 14 | Đại học chính quy | Đánh giá ảnh hưởng của tỷ lệ bã mía thủy phân và bã sắn đến sinh trưởng và năng suất nấm bào ngư tím | ĐH5M3 | Nguyễn Phương | Thảo | TS. Nguyễn Thị Phương Mai | - Tổng quan tài liệu liên quan đến khóa luận  - Sử dụng phương pháp cấy truyền và giữ giống để nhân giống sản xuất trong quá trình nuôi cấy. - Ứng dụng trồng nấm sò tím trên giá thể bã sắn và bã mía thủy phân với các chỉ tiêu đánh giá: sự sinh trưởng và phát triển của nấm sò tím, tỷ lệ nhiễm bệnh trên bịch nấm, xác định độ ẩm của giá thể trong quá trình nuôi trồng nấm. - Sử dụng phương pháp thống kê, xử lý số liệu, vẽ đồ thị, phân tích để phân tích kết quả thu được trong bố trí thí nghiệm. |
| 15 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2030 | ĐH5M6 | Lê Thị | Thu | ThS. Trương Đức Cảnh | Qua những kết quả tính toán hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2020 – 2030 tôi đã đề xuất 02 phương án thu quy hoạch thu gom và 02 phương án xử lý, đồng thời thể hiện kết quả tính toán trên bản vẽ bằng phần mềm QGIS và Autocad, cụ thể như sau: ❖ Về phương án thu gom CTRSH: Tôi đã đề xuất được 02 phương án thu gom − Phương án 1: thu gom CTRSH có phân loại tại nguồn. Số xe đẩy tay gồm có: 661 xe đẩy tay thu gom CTR hữu cơ, 390 xe đẩy tay thu gom CTR vô cơ. Số xe nén ép rác cần dùng là 10 xe. Tổng chi phí cho hệ thống thu gom CTR trong giai đoạn 2020 – 2030 là: 460.155.882.250 vnđ. − Phương án 2: thu gom CTRSH không phân loại tại nguồn. Số xe đẩy tay gồm có: 946 xe . Số xe nén ép rác cần dùng là 8 xe. Tổng chi phí cho hệ thống thu gom CTR trong giai đoạn 2020 – 2030 là: 413.318.769.236 vnđ. ❖ Về phương án xử lý CTRSH:Tôi đã đề xuất được 02 phương án xử lý − Phương án 1: xây dựng khu ủ phân compost kết hợp BCL hợp vệ sinh. Tổng kinh phí là: (vnđ). − Phương án 2: xây dựng BCL hợp vệ sinh. Tổng kinh phí là: 44.008.129.257 (vnđ) Xét các chi phí phương án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý trên kết hợp với lợi nhuận từ việc bán CTR tái chế và bán phân compost, tôi nhận phương án 2 có ưu thế hơn cả. Hệ thống quản lý CTR sinh hoạt kết hợp thu gom có phân loại tại nguồn và xử lý theo hình thức ủ phân compost kết hợp BCL hợp vệ sinh giúp tiết kiệm quỹ đất, đem lại hiệu quả kinh tế cao cũng như giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động tại địa phương. |
| 16 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống thoát nước mưa, nước sinh hoạt khu vực 9,16ha, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội | ĐH6M1 | Hoàng Hồng | Dơn | TS. Nguyễn Thu Huyền | Đã tính toán, thiết kế được hệ thống thu gom nước thải và thu gom nước mưa cho khu vực 9,16ha xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức Đã tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải với mức chi phí của 2 phương án là: tổng chi phí của phương án 1: 3123673600 đồng, tổng chi phí của phương án 2: 3365873600 đồng. Sau khi so sánh hiệu quả xử lý và vốn đầu tư của hai phương án ta thấy phương án 1 có nhiều ưu điểm hơn, nên lựa chọn phương án 1 là hợp lý. |
| 17 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống thoát nước thải sinh hoạt cho khu đô thị trung tâm thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, công suất 4600 m3/ngày đêm | ĐH6M1 | Hoàng Thanh | Dương | TS. Nguyễn Hồng Đăng | Đã thiết kế được 02 phương án xử lý nước thải sinh hoạt cho khu đô thị trung tâm thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, công suất 4600 m3/ ngày đêm và 07 bản vẽ CAD. |
| 18 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho khu nhà ở xã hội cao tầng Bảo Ngọc tại lô đất N02, khu G3 thuộc khu đô thị N10 quận Long Biên, thành phố Hà nội công suất 565 m3/ngđ | ĐH6M1 | Nguyễn Thị Huyền | Trang | ThS. Mai Quang Tuấn | Nội dung đồ án được thể hiện qua 3 chương và 7 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT  Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khái toán chi phí và lựa chọn phương án 1 với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án 1 như sau: Ước tính chi phí phương án 1 xử lý 1 m3 nước thải là 8260đồng với niên hạn sử dụng là 20 năm, diện tích mặt bằng xây dựng khoảng 276 m2. So với chi phí phương án 2 xử lý là 8228 đồng nhưng với diện tích xây dựng khoảng 444m2 |
| 19 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Phạm Trần | Nam | ThS. Nguyễn Thị Bình Minh | Qua quá trình tìm hiểu, thiết kế đề tài: “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Đồng Hới tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020-2030” Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải: Đề xuất 2 phương án, sau quas trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì chọn phương án 1 là tối ưu hơn. Đặc điểm kỹ thuật 2 phương án: - Trạn xử lý đặt phía tây bắc của thành phố, đặt theo hướng gió chính. - Để tận dụng triệt để địa hình ta đặt dọc tuyến cống chính chạy theo hướng Đông Tây, Nam Bắc. Các tuyến cống lưu vực chạy dọc theo trục đường phố chảy về tuyến cống chính. - Chi phí + Giá thành xây dựng: 2696,3 triệu đồng + Vốn đầu tư vận chuyển 1 m3 nước thải: 224445,8 đồng Về Nội dung thiết kế trạm xử lý: Đề xuất 2 phương án, sau khi tính toán kỹ thuật và khái toán kinh tế thì chọn được 2 phương án là phương án tối ưu nhất. Đặc điểm của phương án - Phương Pháp xử lý: + Phương pháp xử lý cơ học: Bể lắng ngang + Phương pháp xử lý sinh học: Bể aerotank + Hệ thống xử lý bùn bằng phương pháp cơ học, tiết kiệm diện tích và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. - Chi phí + Chi phí đầu tư: 26.135.072.000 đồng + Chi phí quản lý hằng năm: 1.840.682.700 đồng + Chi phí đầu tư cho 1 m3 nước thải: 4993,07 đồng |
| 20 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống cấp nước thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Trần Thị | Thủy | TS. Nguyễn Hồng Đăng | - Phương án mạng lưới cấp nước: + Về mặt kĩ thuật: cả 2 phương án đều đảm bảo cấp nước đầy đủ. Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và các nhu cầu khác của người dân. + Về mặt chi phí, phương án 1 có giá thành cao hơn phương án 2. Tuy nhiên, lựa chọn phương án 1 để có thể đảm bảo độ an toàn, đáp ứng cung cấp nước liên tục đầy đủ cho người dân, giảm chi phí xây dựng sửa chữa và tăng thời gian sử dụng. - Phương án thiết kế trạm xử lí: Lựa chọn phương án 1 để tiết kiệm chi phí và xây dựng trạm. Để hệ thống xử lí nước được hoạt động hiệu quả và ổn định, em xin đưa ra một số đề xuất sau: - Thực hiện tốt các vấn đề quy hoạch, thiết kế hệ thống xử lí nước cấp sao cho phù hợp với quy hoạch chung của thành phố và công suất đáp ứng như cầu phát triển trong tương lai. - Khi thi công cần có biện pháp an toàn, đảm bảo chất lượng của vật liệu xây dựng theo đúng kĩ thuật. - Đảm bảo công tác quản lí và vận hành đúng theo hướng dẫn kĩ thuật. - Thường xuyên quan trắc chất lượng nước cấp xử lí nước đầu vào bể xác định lưu lượng và chất lượng có đạt điều kiện xử lí đàm bảo chất lượng đầu ra phù hợp theo QCVN 02:2009/BYT - Nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, chống thất thoát |
| 21 | Đại học chính quy | Thiết kế mô hình xử lý tái sử dụng nước thải khu Ký túc xá Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thành nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt sử dụng công nghệ màng lọc quy mô phòng thí nghiệm | ĐH6M1 | Tạ Văn Anh | Quang | ThS. Nguyễn Phương Tú | Công nghệ xử lý tái sử dụng nước thải bằng màng lọc UF và RO cho chất lượng nguồn nước sau xử lý đảm bảo an toàn đối với nguồn nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo  So sánh với việc thải trực tiếp lượng nước thải KTX ra môi trường, thì có thể nói việc sử dụng mô hình xử lý nước thải là vô cùng hữu ích và cần thiết do những lợi ích về môi trường mà mô hình xử lý này mang lại. Việc mỗi ngày một lượng lớn nước thải sinh hoạt thải ra ngoài chưa qua xử lý có thể gây rất nhiều tác hại đến môi trường, đặc biệt là môi trường đất và môi trường nước.  Các ưu điểm của hệ thống xử lý gồm có: + Giảm thiểu nguồn nước thải ra môi trường. + Giảm tác động xấu đến môi trường như ô nhiễm nguồn nước, nguồn đất. + Góp phần tiết kiệm nguồn nước sạch đang ngày càng khan hiếm hiện nay. |
| 22 | Đại học chính quy | Đánh giá hiệu quả của mô hình xử lý tái sử dụng nước thải khu Ký túc xá Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thành nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt sử dụng công nghệ màng lọc quy mô phòng thí nghiệm | ĐH6M1 | Giang Huyền | Trang | ThS. Nguyễn Phương Tú | Nội dung nghiên cứu. - Lấy mẫu, phân tích các chỉ tiêu đầu vào của nguồn nước thải lấy tại khu KTX trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, so sánh với quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT để đưa ra sơ đồ công nghệ xử lý phù hợp. - Phân tích các chỉ tiêu nguồn nước sau màng lọc UF và sau toàn bộ hệ thống xử lý. - Nghiên cứu, đánh giá sự thay đổi hàm lượng các chỉ tiêu của nước trong mô hình tái sử dụng nước thải thành nước sinh hạt quy mô PTN. - Khái toán sơ bộ lợi ích kinh tế cho mô hình đã đề xuất. |
| 23 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đánh giá hiệu quả mô hình xử lý nước thải mực in Công ty TNHH Jeil Kovi Vina, quy mô phòng thí nghiệm | ĐH6M1 | Hà Thị Hồng | Hạnh | TS. Nguyễn Thu Huyền | Kết quả phân tích các chỉ tiêu của nước thải lấy tại hố gom nhà máy có hàm lượng nhỏ hơn so với dự báo đánh giá tác động môi trường của nhà máy. Do đó, vận hành mô hình theo hai mẫu đầu vào giả định pha theo kết quả phân tích và theo ĐTM. - Mô hình xử lý nước thải mực in vận hành ổn định, đảm bảo cho nghiên cứu đánh giá phân tích mẫu nước sau xử lý cho Đề tài Khóa luận Tốt nghiệp này: + Kết quả phân tích nước đầu ra trong đợt vận hành ngày 01/06/2020 với nước đầu vào pha theo ĐTM có hiệu suất với BOD5 đạt 95,98%; COD đạt 95,11%; TSS đạt 72,29%; kiểm soát pH đạt 99%; độ màu theo cảm quan là không đạt. + Kết quả phân tích nước đầu ra trong đợt vận hành ngày 04/06/2020 với nước đầu vào pha theo kết quả phân tích mẫu nước thải lấy tại nhà máy có hiệu suất với BOD5 đạt 89%; COD đạt 88,55%; TSS đạt 79,41%; kiểm soát pH đạt 99%; độ màu phân tích theo cảm quan là đạt được mức cần thiết. - Các kết quả phân tích các chỉ tiêu của nước đầu ra được tham khảo, trích dẫn trong báo cáo đa số đều nằm trong ngưỡng cho phép dựa theo quy định tại cột A, QCVN 40:2011/BTNMT (Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước thải Công nghiệp). Chỉ có độ màu được phân tích bằng cảm quan nên chưa có thông số chính xác. Vì vậy, có thể phát triển mô hình phòng thí nghiệm lên thành một hệ thống xử lý nước thải mực in nói chung và có thể là ngành công nghiệp hóa chất nói riêng. |
| 24 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đề xuất mô hình xử lý nước thải mực in của Công ty TNHH JEIL KOVI VINA KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, quy mô phòng thí nghiệm. | ĐH6M1 | Nguyễn Thị | Hà | TS. Nguyễn Thu Huyền | Trong quá trình thực hiện Khóa luận Tốt nghiệp em đã hoàn thiện được việc tính toán, gia công và lắp đặt được mô hình xử lý nước thải mực in với quy mô phòng thí nghiệm. Những thông số được lựa chọn và tính toán theo TCVN 7957:2008. Tuy nhiên, có một số thông số đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với yêu cầu xử lý và đảm bảo hệ thống không bị quá tải. Những thay đổi này đều nằm trong giới hạn cho phép và không ảnh hưởng nhiều đến kích thước mô hình. Mô hình hoàn chỉnh thu được gồm các công trình: + Bể điều hòa. + Bể keo tụ - tạo bông. + Bể lắng đứng đợt 1. + Bể Aerotank. + Bể lắng đứng đợt 2. Bên cạnh đó em đã xây dựng được sổ tay vận hành mô hình. Suốt quá trình vận hành thử nghiệm, mô hình hoạt động ổn định, đảm bảo phục vụ tiến độ nghiên cứu của Khóa luận Tốt nghiệp.  + Các công trình được thiết kế, gia công trong mô hình hoạt động phù hợp với lưu lượng được tính toán, đảm bảo được chức năng hoạt động, hiệu suất xử lý đặt ra. Không xảy ra trường hợp vượt quá tải trọng thủy lực của từng công trình. + Không xảy ra sự cố hay trục trặc, rò rỉ hóa chất ảnh hưởng đến hoạt động của mô hình và vấn đề an toàn tại phòng thí nghiệm. Qua đó cho thấy mô hình hoạt động tốt và hoàn toàn phù hợp để đề xuất xây dựng hệ thống xử lý cho nguồn nước thải mực in. |
| 25 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải mực in của Công ty TNHH Jeil Kovi Vina KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | ĐH6M1 | Hà Quang | Đạo | TS. Nguyễn Thu Huyền | Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của KCN Khánh Phú, Ninh Bình và nhà máy sản xuất của công ty Jeil Kovi Vina, vấn đề xử lý chất thải càng được các đơn vị chú trọng. Có nhiều phương pháp khác nhau để xử lý nước thải mực in của nhà máy Jeil Kovi Vina, mỗi phương pháp có những ưu nhược điểm riêng. Dựa vào những điều kiện thực tế đã khảo sát tại nhà máy cùng với các số liệu chất lượng nước đã quan trắc, em lựa chọn thiết kế 2 phương án như sau:  Với đối tượng nước thải có thông số thiết kế: Đầu vào: Q = 15 m3/ngày đêm, COD = 2256 mg/l, BOD = 893 mg/l, SS = 100 mg/l. Yêu cầu nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT với thông số: COD ≤ 75 mg/l, BOD ≤ 30 mg/l, SS ≤ 50 mg/l. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của KCN Khánh Phú, Ninh Bình và nhà máy sản xuất của công ty Jeil Kovi Vina, vấn đề xử lý chất thải càng được các đơn vị chú trọng. Có nhiều phương pháp khác nhau để xử lý nước thải mực in của nhà máy Jeil Kovi Vina, mỗi phương pháp có những ưu nhược điểm riêng. Dựa vào những điều kiện thực tế đã khảo sát tại nhà máy cùng với các số liệu chất lượng nước đã quan trắc, em lựa chọn thiết kế 2 phương án như sau:  Với đối tượng nước thải có thông số thiết kế: Đầu vào: Q = 15 m3/ngày đêm, COD = 2256 mg/l, BOD = 893 mg/l, SS = 100 mg/l. Yêu cầu nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT với thông số: COD ≤ 75 mg/l, BOD ≤ 30 mg/l, SS ≤ 50 mg/l. |
| 26 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho Khu công nghiệp thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An giai đoạn 1 công suất 2000 m3/ngày đêm | ĐH6M1 | Cấn Thị Thu | Uyên | ThS. Mai Quang Tuấn | Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho Khu công nghiệp thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An giai đoạn 1 công suất 2000 m3/ngày đêm” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu khác đã nêu rõ. Nội dung khóa luận được thể hiện qua 3 chương và 10 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để sau nước xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT, cho phép thải ra rạch Bà Báng chảy ra sông Thủ Thừa. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khai toán chi phí và lựa chọn phương án I với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án I như sau:  Bảng 3.15: Bảng tổng kết các công trình xử lý của công nghệ theo phương án 1 Tên công trình Thông số Ghi chú Bể gom L×B×Hxd = 7×6×5 Đặt song chắn rác, Bơm Bể điều hòa L×B× Hxd =11,8×9,9×5 Bơm chìm, đĩa phân phối khí Cụm bể keo tụ tạo bông L×B× Hxd = 3,1× 3,1×5 Động cơ khuấy Bể lắng đứng đợt I D× Hxd =7,2×5 Hệ thống gạt bùn Bể Anoxic L×B×Hxd =7,2×5,1×5 L×B× Hxd = 7,2×5,1 ×5 Máy khuấy chìm Bể MBBR L×B× Hxd = 5,4×3,6×5 Hệ thống ống phân phối khí Bể Aeroten L×B× Hxd =8,3×10,8×5 Bơm chìm, đĩa phân phối khí Bể lắng đứng đợt II D× Hxd = 7,2×5 Hệ thống gạt bùn Bể khử trùng L×B× Hxd = 5,4×2,3×4 3 ngăn Bể chứa bùn L×B× Hxd = 6,2×5,1×5 Chứa bùn |
| 27 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Khánh Phú, tỉnh Ninh Bình | ĐH6M1 | Vũ Thị Thu | Huyền | ThS. Nguyễn Thị Bình Minh | Đồ án tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải cho Công ty  TNHH Đầu tư Thương mại Khánh Phú, tỉnh Ninh Bình” được hoàn thành dựa trên kiến  thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ. Nội dung đồ án được thể hiện qua 3 chương và các bản vẽ bản vẽ, đã thiết kế, tính  toán phương án thoát nước thải, thoát nước mưa, 02 phương án xử dụng công nghệ khác  nhau: phương án 1 sử dụng A-O kết hợp MBBR, phương án 2 sử dụng MBR và tính toán  khái toán cho hai phương án để xuất để nước sau xử lý đạt QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột  😎, cho phép thải vào hệ thống thoát nước thành phố. Trên cơ sở so sánh, đề tài đề xuất sử dụng phương án thiết kế thoát nước và phương  án xử lý số 1 là phương án được lựa chọn cho trường đại học Phenikaa. Ước tính chi phí xử lý 1 m3 nước thải là 7838 đồng với niên hạn sử dụng là 20 năm,  diện tích mặt bằng xây dựng khoảng 250 m2 |
| 28 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải cho Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm Lever xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên công suất 400 m3/ngày đêm | ĐH6M1 | Nguyễn Thị Hồng | Ngọc | ThS. Phạm Đức Tiến | Đã thiết kế được 02 phương án xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải cho Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm Lever xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên công suất 400 m3/ngày đêm + 06 bản vẽ CAD |
| 29 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống cấp nước quận Kiến An, thành phố Hải Phòng | ĐH6M1 | Phạm Đức | Sơn | TS. Nguyễn Hồng Đăng | Thiết kế được 02 hệ thống cấp nước cho quận Kiến An, thành phố Hải Phòng + 06 bản vẽ CAD |
| 30 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải tại Công ty TNHH ToTo Việt Nam Công suất 250 m3/ngày đêm (KCN Thăng Long II, Mỹ Hào, Hưng Yên) | ĐH6M1 | Đặng Thị | Hoa | TS. Nguyễn Hồng Đăng | Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải tại Công ty TNHH ToTo Việt Nam công suất 250 m3/ngđ (KCN Thăng Long II,Mỹ Hào, Hưng Yên)”, được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học trên trường cùng với sự tìm hiểu thêm các nguồn thông tin khác có liên quan. Trên cơ sở đó, tiến hành đề xuất, tính toán 02 phương án xử lý nước thải, lập hồ sơ xả thải vào nguồn nước và chọn phương án 1 để thực hiện và thể hiện trên 06 bản vẽ. Tóm tắt nội dung phương án thiết kế trạm xử lý nước thải đã chọn : Các công trình đơn vị trong phương án bao gồm: Ngăn tiếp nhận Bể điều hòa Bể thiếu khí Bể hiếu khí MBBR Bể lắng đứng Bể tiếp xúc Bể chứa bùn Ước tính chi phí để xử lý 1 m3 nước thải theo phương án này là 7839,5 vnđ/m3, niên hạn sử dụng là 20 năm, diện tích mặt bằng xây dựng TXL khoảng 280 m2. |
| 31 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2020-2030) | ĐH6M1 | Đỗ Thành | Đô | ThS. Mai Quang Tuấn | Qua quá trình tìm hiểu, tính toán, tìm hiểu và so sánh ta đưa ra nhận xét như sau: - Phương án mạng lưới cấp nước: + Về mặt kĩ thuật, Cả 2 phương án đều đảm bảo cung cấp nước đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và các nhu cầu khác của dân thành phố. +Ưu điểm 2 phương án  Cả 2 phương án đều có ưu điểm là, các tuyến ống chính của mạng lưới được nối với nhau thành các vòng khép kín, liên tục nên đảm bảo cấp nước an toàn.  +Nhược điểm: Cả 2 phương án đều có nhược điểm là, kinh phí xây dựng và quản lý mạng lưới tốn kém. Tổng chiều dài tuyến ống lớn. +Về mặt an toàn, lâu dài: Phương án mạng lưới cấp nước dạng hỗn hợp có độ tối ưu hơn mạng lưới dạng vòng. Đảm bảo cấp nước đến mọi khu vực trong thành phố. + Về mặt chi phí:  Phương án 1 có tổng chi phí xây dựng mạng lưới đường ống là: 177943.8 (triệu đồng) Phương án 2 có tổng chi phí xây dựng mạng lưới đường ống là: 164123.6 (triệu đồng) => Lựa chọn phương án 1 để có thể đảm bảo độ an toàn, đáp ứng cung cấp nước liên tục và đẩy đủ cho người dân, giảm chi phí sửa chữa và tăng thời gian sử dụng. - Phương án thiết kế trạm xử lý nước cấp: +Về mặt kĩ thuật: Cả 2 phương án đều đảm bảo chất lượng đầu ra. + Về mặt chi phí xây dựng:  Phương án 1: 258930 (triệu đồng) Phương án 2: 357798 (triệu đồng) => Với chi phí xây dựng như trên. Xét trên phương diện ưu nhược điểm của bể trộn và bể phản ứng ta lựa chọn phương án 1 bao gồm các công trình xử lý bể trộn cơ khí, bể phản ứng cơ khí, bể lắng lamen, bể lọc nhanh là phương án xây dựng. |
| 32 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước thải khu đô thị Teelhomes Tràng An, xã Tràng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam giai đoạn 2020 - 2030 | ĐH6M1 | Trần Thị Hồng | Gấm | ThS. Mai Quang Tuấn | Sau khi đã tính toán các công trình, ưu nhược điểm của các bể và khái toán kinh tế chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn để thiết kế trạm xử lý nước thải với công suất 700 m3/ngđ. Sau quá trình tính toán kĩ thuật, khái toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu để làm mạng lưới thoát nước cho khu đô thị. - Trạm xử lý đặt ở phía Nam thành phố, nằm cuối hướng gió chính - Tuyến cống chính chạy dọc theo trục đường chính vuông góc với tuyến đường chính hướng dốc từ Bắc sang Nam để thu nước. Chi phí: - Tổng chi phí cho phương án 1 là: 1 253 350 000 đồng |
| 33 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Vũ Thị Minh | Hằng | ThS. Nguyễn Thị Bình Minh | Sau khi tính toán thiết kế đề tài: “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2020-2030”, ta có kết quả sau: Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải: Đề xuất 2 phương án, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khai toán kinh tế thì chọn phương án 1 là tối ưu hơn Đặc điểm kỹ thuật của phương án: - Trạm xử lý đặt ở phía Tây Nam của thành phố, nằm cuối hướng gió chính - Để tận dụng triệt để địa hình ta đặt dọc tuyến cống chính chạy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam. Các tuyến cống lưu vực chạy dọc theo trục đường phố chảy về tuyến cống chính - Chi phí: + Giá thành xây dựng: 2696,35 (triệu đông)  + Vốn đầu tư vận chuyển 1 m3 nước thải: 224445,8 đồng Về nội dung thiết kế trạm xử lý: Đề xuất 2 phương án, sau khi tính toán kỹ thuật và khái toán kinh tế thì chọn được phương án 2 là phương án tối ưu hơn.  Đặc điểm của phương án: - Phương pháp xử lý: + Phương pháp xử lý cơ học: Bể lắng ly tâm + Phương pháp xử lý sinh học: Bể MBBR + Hệ thống xử lý bùn bằng phương pháp cơ học, tiết kiệm diện tích và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh - Chi phí: + Chi phí đầu tư: 21,279 triệu đồng + Chi phí quản lý hàng năm: 2854,8 triệu đồng + Chi phí đầu tư cho 1 m3 nước thải: 5510 đồng |
| 34 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Dương Xuân | Hoàng | ThS. Nguyễn Thị Bình Minh | Đề tài “Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 – 2030” là phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy hoạch chung của địa phương. Đề tài khóa luận tốt nghiệp trên đã được thực hiện dựa trên cơ sở các tài liệu điều tra, thu thập, tổng hợp, tính toán. Sau khi hoàn thành, khóa luận đã đạt được một số thành quả sau: - Trình bày tổng quan về khu vực nghiên cứu là thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Nắm bắt hiện trạng thu gom và xử lý rác ở địa phương để đưa ra giải pháp phù hợp. - Đề xuất và tính toán chi tiết hai phương án thu gom chất thải rắn. + Phương án 1: Thu gom không phân loại tại nguồn. + Phương án 2: Thu gom có phân loại tại nguồn. - Đề xuất tính toán chi tiết hai phương án xử lý chất thải rắn. + Phương án 1: Thực hiện Tái chế một phần và chôn lấp với bãi chôn lấp hợp vệ sinh. (sau khi đã qua sàng lọc rác có thể tái chế) + Phương án 2: Xử lý rác thải với 3 hướng là ủ phân compost đối với thành phần rác hữu cơ; tái chế các thành phần có khả năng tái chế; chôn lấp các chất vô cơ trơ. - Đề xuất sơ bộ dây chuyền xử lý nước rỉ rác từ BCL. - Khái toán chi tiết và lựa chọn phương án. Phương án thu gom: Lựa chọn phương án thu gom 2 (phân loại rác tại nguồn). Phương án xử lý: Lựa chọn phương án xử lý CTR 2 (Bãi chôn lấp kết hợp ủ phân compost). - Thể hiện kết quả tính toán trên phần mềm đồ họa Autocad. |
| 35 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Nguyễn Thị | Huyền | ThS. Phạm Đức Tiến | Đề tài “ Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2020 – 2030” là phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển và quy hoạch chung của thành phố.  Đề tài khóa luận tốt nghiệp đã được thực hiện trên cơ sở các tài liệu điều tra, thu thập, tổng hợp, tính toán theo các tài liệu chính thống. Sau khi hoàn thành, khóa luận tốt nghiệp đã có được một sô thành quả như sau:  1. Trình bày tổng quan về khu vực thực hiện khóa luận là thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nắm bắt hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở thành phố để đưa ra giải pháp phù hợp.  2. Đề xuất và tính toán chi tiết hai phương án thu gom chất thải rắn  - Phương án 1: Thu gom không phân loại tại nguồn.  - Phương án 2: Thu gom có phân loại tại nguồn.  3. Đề xuất tính toán chi tiết hai phương án xử lý chất thải rắn  - Phương án 1: Tái chế các thành phần có khả năng tái chế và thực hiện chôn lấp hoàn toàn lượng CTR còn lại với bãi chôn lấp hợp vệ sinh  - Phương án 2: Xử lý rác t hải với 3 hướng là ủ phân Compost đối với thành phần CTR hữu cơ, tái chế các CTR có khả năng tái chế và tiến hành chôn lấp thành phần CTR còn lại.  4. Đề xuất sơ bộ dây chuyền xử lý nước rỉ rác từ BCL.  5. Khai toán chi tiết và lựa chọn phương án. |
| 36 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Lê Thu | Hường | ThS. Phạm Đức Tiến | Khóa luận tốt nghiệp “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2030” được hoàn thành dựa trên sự hiểu biết, kiến thức học được cùng với nguồn thông tin, tài liệu đã nêu.Trên cơ sở đề xuất, lựa chọn, so sánh 2 phương án đã tìm ra được phương án tối ưu nhất cho thành phố Tuyên Quang. |
| 37 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống cấp nước cho khu vực thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Hoàng Bá | Khánh | ThS. Nguyễn Thị Bình Minh | Đề tài “Quy hoạch hệ thống cấp nước cho khu vực Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Giai đoạn 2020 – 2030” đã thực hiện được những nội dung sau: - Đã đề xuất và tính toán thiết kế 02 phương án cấp nước cho thành phố Điện Biên Phủ. Sau khi khái toán kinh tế, xem xét các yếu tố lựa chọn, đã chọn được phương án tối ưu là phương án 2 – mạng vòng với tổng chi phí là 10875,338 (tr.đồng) - Đã đề xuất và tính toán thiết kế 02 dây chuyền xử lý nước cấp cho thành phố Điện Biên Phủ. Sau khi khái toán kinh tế, xem xét các yếu tố lựa chọn, đã chọn phương án tối ưu là dây chuyền 1, với giá thành cho 1m3 là 2246 (đồng/m3) - Sau khi tính toán, sử dụng phần mềm AutoCAD đã thể hiện được kết quả trên 06 bản vẽ: + Sơ đồ vạch tuyến mạng lưới (02 phương án) + Mặt bằng trạm xử lý + Chi tiết bể phản ứng có lớp cặn lơ lửng kết hợp bể lắng ngang + Chi tiết bể lọc nhanh một lớp vật liệu lọc + Cao trình sơ đồ công nghệ |
| 38 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Nguyễn Anh | Kiên | ThS. Nguyễn Thị Bình Minh | Khóa luận tốt nghiệp: “Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố Việt Trì,tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2020 – 2030”.Ta vạch tuyến mạng lưới và thiết kế trạm xử lý theo 2 phương án. Qua quá trình tính toán, tìm hiểu và so sánh ta đưa ra nhận xét như sau: - Phương án mạng lưới cấp nước: + Về mặt kĩ thuật: Cả 2 phương án đều đảm bảo cung cấp nước đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và các nhu cầu khác của dân thành phố. + Ưu điểm 2 phương án: Mạng lưới dạng hỗn hợp có ưu điểm hạn chế bớt việc sử dụng quá nhiều đường ống. Mạng lưới dạng vòng đảm bảo cấp nước liên tục và đầy đủ cho mọi địa điểm cả kể khi có đoạn ống bị rò rỉ hư hỏng. + Nhược điểm: Với những khu dân cư nhỏ lẻ sử dụng mạng cụt khi đầu đoạn ống có sự cố thì khu dân cư sẽ bị mất nước. Mạng lưới dạng vòng bao gồm nhiều vòng khép kín, cho nên yêu cầu nhiều đường ống hơn dãn đến chi phí quản lý cao, khó phát hiện sự cố hơn.  + Về mặt chi phí:  Phương án 1 có tổng chi phí xây dựng mạng lưới đường ống là 305711,5 (trđ).  Phương án 2 có tổng chi phí xây dựng mạng lưới đường ống là 247625,74 (trđ).  => Lựa chọn phương án 2 để vừa có thể đảm bảo độ an toàn, đáp ứng cung cấp nước liên tục và đẩy đủ cho người dân, vừa giảm chi phí xây dựng mạng lưới dường ống. Dễ dàng quản lý và phát hiện sự cố đối với những thị trấn khu dân cư nhỏ sử dụng mạng cụt. - Phương án thiết kế trạm xử lý nước cấp: + Về mặt kĩ thuật: Cả 2 phương án đều đảm bảo chất lượng đầu ra. Bể trộn có tấm chắn khoan lỗ và bể phản ứng có lớp cặn lơ lửng: Dễ vận hành và quản lý, không cần máy móc phức tạp. Bể trộn cơ khí và bể phản ứng cơ khí: So với phương pháp trộn thủy lực, trộn cơ khí có nhiều ưu điểm hơn, có thể điều chỉnh cường độ khuấy trộn theo ý muốn, thời gian khuấy trộn ngắn nên dung tích bể trộn nhỏm tiết kiệm được vật liệu xây dựng. Nhược điểm chính là cần có máy khuấy và các thiết bị cơ khí khác, đòi hỏi trình độ quản lý, vận hành cao. + Về mặt chi phí xây dựng:  Phương án 1: 273383 triệu đồng. Phương án 2: 271239 triệu đồng. => Với chi phí xây dựng xấp xỉ nhau, xét trên phương diện ưu nhược điểm của bể trộn và bể phản ứng ta lựa chọn phương án 1 là phương án xây dựng. |
| 39 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống xử lý nước thải khu đô thị sinh thái Quốc Oai, thành phố Hà Nội công suất 8000m3/ngày đêm | ĐH6M1 | Nguyễn Tùng | Lâm | ThS. Phạm Đức Tiến | Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải cho nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm Lever xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ.  Nội dung khóa luận được thể hiện qua 3 chương với và 6 bản vẽ với chương 2 là tính toán theo 2 phương án đề xuất thiết kế hệ thống xử lý nước thải để nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu ra Cột B bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT cho phép thải vào hệ thống thoát nước theo quy định và chương 3 là Lập hồ sơ xả thải cho Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm Lever.  Sau khi tính toán phương án đề xuất, khai toán chi phí em lựa chọn phương án 1 là phương án xử lý chính với các công trình xử lý: Bể gom, thiết bị tách rác tĩnh, thiết bị tách cát, bể điều hòa, bể keo tụ tạo bông, bể lắng đứng đợt 1, bể UASB, bể aerotank trộn, bể lắng đứng đợt 2, bể khử trùng, bể nén bùn. Ước tính tổng chi phí cho phương án 1 là 2.656.538.500 đ/400 m3/ngày đêm. - Kiến nghị: Để khóa luận tốt nghiệp mang tính thực tiễn cao hơn, các kết quả tính toán về công trình và thiết bị sử dụng có tính khả thi trong hệ thống xử lý, khóa luận đề xuất một số kiến nghị như sau:  Tiếp tục tính toán, thiết kế chi tiết đối với dây chuyền xử lý. Đưa ra những giải pháp cho các sự cố xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống, sự cố đối với từng công trình xử lý trong hệ thống xử lý nước thải của nhà máy. |
| 40 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước thành phố việt trì tỉnh phú thọ giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Nguyễn Thị | Liễu | ThS. Phạm Đức Tiến | Sau khi tính toán thiết kế đề tài “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - giai đoạn 2020-2030” ta có được kết quả: Sau quá trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu: - Trạm xử lý nằm cuối hướng gió chính. - Tuyến cống chính được đặt theo hướng dốc từ Tây Bắc sang Đông Nam của thành phố để thu nước từ các tuyến cống góp lưu vực đưa về trạm xử lý. Chi Phí: + Giá thành xây dựng: 34620 (triệu đồng) + Vốn đầu tư vận chuyển 1 m3 nước thải đến trạm xử lý: 629455 (đồng/m3). Sau khi đã tính toán các công trình và khái toán kinh tế chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Trong đó, dây chuyền xử lý phương án 1 áp dụng công trình xử lý cơ học là bể lắng ngang, công trình sinh học áp dụng bể MBBR. Hệ thống xử lý bùn:bể nén bùn, bể metan và sân phơi bùn. - Chi phí đầu tư xây dựng, chi phí quản lý: + Suất đầu tư: 49016 ( triệu đồng). + Giá thành quản lý 1 m3 nước thải: 407 (đồng). + Chi phí xử lý 1 m3 nước thải: 2350 (đồng). Kiến nghị: Do thời gia thực hiện khóa luận có hạn, để mang tính thực tiễn cao hơn, khóa luận đề xuất một số kiến nghị sau: - Đề cập một số sự cố và đưa ra giải pháp giải quyết trong quá trình vận hành. - Lập hướng dẫn sử dụng và bảo hành hệ thống. - Bổ sung thêm các tài liệu về công nghệ MBBR và aerotank đẩy để việc tính toán và so sánh được chính xác hơn. |
| 41 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2030 | ĐH6M1 | Nguyễn Khánh | Ly | ThS. Nguyễn Thị Bình Minh | Trong quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp những nội dung đã hoàn thành được gồm: Thu thập các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vạch tuyến mạng lưới cấp nước theo 2 phương án, tính toán thuỷ lực cho giờ dùng nước lớn nhất và giờ dùng nước lớn nhất có cháy, lựa chọn mạng lưới vòng làm mạng lưới cấp nước cho thị trấn Lăng Cô và tính toán chi phí xây dựng đường ống. Từ đó vẽ được 02 bản vạch tuyến cấp nước. Từ chất lượng nước nguồn đã đánh giá được các chỉ tiêu cần xử lý và đưa ra dây chuyền xử lý phù hợp với kinh tế và kỹ thuật. Tính toán và thiết kế chi tiết các công trình đơn vị trong dây chuyền xử lý đề xuất. Khái toán giá thành xây dựng trạm xử lý và giá thành xử lý 1m3 nước. Các bản vẽ cho hệ thống xử lý gồm: 01 bản mặt bằng, 01 bản cao trình, 01 bản vẽ chi tiết bể trộn, 01 bản vẽ chi tiết bể lọc nhanh. |
| 42 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh~~,~~ giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M1 | Nguyễn Thị Ngọc | Mai | ThS. Phạm Đức Tiến | Khóa luận tốt nghiệp “ Quy hoạch hệ thống thoát nước thành phố Tây Ninh tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2020-2030” được hoàn thành dựa trên những kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu thông tin và các tài liệu tham khảo đã nêu rõ. Nội dung khóa luận được thể hiện qua 3 chương và 8 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để nước sau xử lý đạt cột A QCVN 14: 2008/BTNMT, cho phép thải ra rạch Tây Ninh. Hai phương án vạch tuyến có độ dài trung bình cống tương đương nhau, tuy nhiên phương án 1 được lựa chọn vì sử dụng ít bơm và tiết kiện chi phí hơn phương án 2. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khái toán chi phí và lựa chọn phương án 1 với kết quả các công trình hệ thống xử lý theo phương án 1 như sau: Bảng tổng kết các công trình xử lý theo phương án công nghệ 1 STT Công trình Thông số thiết kế Giá trị (m) 1 Ngăn tiếp nhận LxBxH 2,3x2x2 2 Mương dẫn LxBxH 2,5x1,4x1 3 Song chắn rác LxBxH 2,5x1,6x1,1 4 Bể lắng cát LxBxH 10x1,4x1,3 5 Bể điều hòa LxBxH 25x12,5x8,5 6 Bể lắng ly tâm D - H 21,4 – 4,8 7 Bể SBR LxBxH 18x15x6,5 8 Máng trộn LxBxH 7,2x1,6x1,12 9 Bể chứa bùn LxBxH 10x7x5,5 10 Máy ép bùn khung bản LxBxH 6,14x2,3x1,8 |
| 43 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống cấp nước thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M2 | Mạnh Thị | Thúy | ThS. Lương Thanh Tâm | Với đề tài nghiên cứu điều kiên tự nhiên và hiện trạng cấp nước của thị trấn Thanh Chương trên cơ sở tài liệu thu thập được tiến hành vạch tuyến 2 phương án cấp nước. tính toán thủy lực cho giờ dùng lớn nhất có cháy, tính toán dược chi phí xây dựng mạng lưới đường ống. Mạng vòng chi phí đường ống là 2,3 tỉ đồng, mạng cụt chi phí là 1,8 tỉ đồng, từ đó triển khai bản vẽ cho mạng lưới cấp nước theo dạng vòng tuy chi phí dạng vòng đắt hơn nhưng để đảm bảo được việc cấp nước cho hộ dân dạng vòng sẽ đảm bảo hơn dạng cụt khi mạng lưới gặp vấn đề sẽ dễ giải quyết hơn. Đã lựa chọn nguồn nước mặt là sông Lam để cấp nước cho hệ thống thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Đánh giá được chất lượng nguồn nước, xác định được hóa chất đưa vào xử lý là phèn nhôm. Đưa ra 2 sơ đồ dây chuyền công nghệ để lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp. Đã tiến hành tính toán thiết kế chi tiết, và tính toán chi phí xây dựng trạm xử lý cho 2 phương án : + Phương án 1 dùng bể trộn đứng, bể phẩn ứng xoáy hình phễu, bể lắng ngang với chi phí 6905,75 (triệu đồng) + Phương án 2 dùng bể trộn có vách ngăn, bể phản ứng kiểu vách ngăn, bể lắng trong có lớp cặn lơ lửng với chi phí 7548,59 (triệu đồng). Sau khi phân tích ưu nhược điểm của từng phương án, kết hợp các cơ sở đã nêu trên, đã lựa chọn dây chuyền công nghệ của phương án 1 là dây chuyền công nghệ xử lý nước hợp lý để thiết kế trạm xử lý cho hệ thông xử lý bao gồm: 1 mặt bằng trạm xử lý, 1 bản cao trình trạm xử lý, 1 bản vẽ bể lắng ngang, 1 bản vẽ bể lọc nhanh, 1 bản bể trộn đứng. |
| 44 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy Hanwha Aero Engines tại Lô CN1-02B-4-8 KCN Công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội | ĐH6M2 | Mai Ngọc Xuân | Trang | ThS. Bùi Thị Thanh Thủy | Khóa luận tốt nghiệp “ Thiết kế hệ thống xử lý khí thải cho nhà máy Hanwha aero engines tại lô CN1-02B-4-8 KCN Công nghệ cao I, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội” Đã hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìn iều thông tin các nguồn tài liệu đã nêu rõ. Nội dung của khóa luận được trình bày qua 3 chương và 6 bản vẽ tính toán hệ thống xử lý khí thải đạt TCTDHN 01:2014/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với 1 số chất hữu cơ theo quy định. Sau khi nhận xét tính toán phương án và đề suất, khái toán chi phí và lựa chọn phương án 1 với kết quả các công trình như sau: Ước tính chi phí xử lý cho 1 m3 khí thải là 0,65 đồng với diện tích xây dựng khoảng 30 m2. So với phương án 2 phí xử lý cho 1 m3 khí thải là 1,04 đồng với diện tích xây dựng khoảng 50 m2 |
| 45 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2020 - 2030 | ĐH6M2 | Vũ Thị Thu | Hằng | TS. Nguyễn Hồng Đăng | Xây dựng được 02 phương án quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú thọ giai đoạn 2020-2030 + 06 bản vẽ CAD |
| 46 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước thành phố Tân An, tỉnh Long An giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M2 | Nguyễn Thị Cẩm | Ly | TS. Nguyễn Hồng Đăng | Với đề tài nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng hệ thống thoát nước của Thành phố Tân An, tỉnh Long An.Trên cơ sở tài liệu thu thập được tiến hành vạch tuyến hai phương án thoát nước thải sinh hoạt theo nguyên tắc vạch tuyến. Sau khi khái toán kinh tế cả hai phương án, chọn phương án thoát nước 2 làm phương án thực hiện.  Tóm tắt nội dung phương án thiết kế mạng lưới thoát nước đã chọn:  Đặt tuyến cống chính tại trung tâm bản đồ quy hoạch, có 1 tuyến cống chính để thu nước thải. Các tuyến cống nhánh vuông góc với tuyến cống chính.  Chiều dài tuyến cống chính A7 – TXL là 1492 m. Trong đó có đặt 2 bơm nước thải. Khái toán kinh tế toàn bộ mạng lưới, tổng chi phí là 3498,15 triệu đồng Đưa ra 2 phương án xử lý nước thải sinh hoạt và bố trí công trình trạm xử lý nước thải với công suất là 45000 m3/ngđ Tính toán công suất trạm xử lý, đề xuất hai phương án xử lý, tính toán các công trình trong trạm xử lý nước thải theo 2 phương án. Sau khi khái toán kinh tế cả hai phương án, chọn phương án 1 làm phương án thực hiện. Tóm tắt nội dung phương án thiết kế trạm xử lý nước thải đã chọn : Các công trình phương án 1 bao gồm : Ngăn tiếp nhận Bể nén bùn Song chắn rác Sân phơi cát Bể lắng cát ngang Bể Mêtan Bể lắng ly tâm đợt 1  Bể anoxic Bể aerotank Bể lắng ly tâm đợt 2 Bể tiếp xúc Khái toán kinh tế chi phí đầu tư xây dựng và chi phí đầu tư thiết bị cho phương án 1 là 25563,8 triệu đồng |
| 47 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn cho thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6M2 | Phạm Thị | Nga | ThS. Mai Quang Tuấn | Phương án 2- Phân loại rác thải tại nguồn : Thuận tiện cho công tác phân loại sau cùng và đẩy mạnh tái chế chất thải, giảm lượng chất thải, giảm khối lượng chất phế thải phải chuyển đến các BCL và nâng cao chất lượng của sản phẩm được tái chế. Phương án 1 - Thu gom không có phân loại rác thải tại nguồn: Rác thải bị trộnlẫn vào nhau làm cho việc phân loại sau này chất thải rất tốn kém và chất lượng tái chế của chất thải bị giảm. Phương án xử lý: So sánh hiệu quả xử lý rác của cả 2 phương án ta thấy phương án 2 hiệu quả xử lý , vốn đầu tư và chi phí vận hành của phương án 2 ít hơn phương án 1, diện tích ít hơn phù hợp với địa phương hơn, Việc phân loại rác tại nguồn làm giảm thiếu lượng rác gây ảnh hưởng tới môi trường. Do đó lựa chọn phương án thu gom 2 (phân loại tại nguồn) kết hợp phương án 2 (BCL hợp vệ sinh và khu phân ủ compost) là hợp lý, là phương án thiết kế. Tổng dự toán chi phí cho toàn bộ phương án thu gom và xử lý 10 năm là: 317.038.030 ( 103 VNĐ) |
| 48 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu vực 04 phường Mường Thanh, Tân Thanh, Nam Thanh và Noong Bua, thuộc thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giai đoạn 2020 - 2030 | ĐH6M2 | Trần Thị | Ngần | ThS. Lương Thanh Tâm | Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng hệ thống thoát nước của 04 phường Mường Thanh, Tân Thanh, Nam Thanh, Noong Bua trên cơ sở các tài liệu thu thập được tiến hành vạch ra 2 phương án thoát nước thải sinh hoạt. Đặt TXL ở gần sông Nậm Rốm là nơi có cao độ + 481 m. Đặt 2 tuyến cống chính để thu nước thải cho từng phương án. Chọn phương án 2 với mạng lưới kết hợp làm phương án để thoát nước thải sinh hoạt với chi phí cho phương án là 17.954.188.200.00 đồng nhỏ hơn so với phương án 1 là 18.152.302.305.000 đồng. Đưa ra 2 phương án xử lý nước thải và bố trí công trình trong trạm xử lý nước thải với công suất trạm là 8000 m3/ngđ. Tính toán thiết kế các công trình trong trạm xử lý nước thải theo 2 phương án, chọn phương án 1 làm phương án thực hiện với tổng chi phí đầu tư cho phương án là 10.053.012.075 đồng nhỏ hơn so với phương án 2 là 10.539.520.100 đồng. Khái toán kinh tế hệ thống thoát nước bao gồm phần mạng lưới thoát nước và các công trình trong trạm xử lý nước thải. |
| 49 | Đại học chính quy | Quy hoạch mạng lưới thoát nước cho phường 1, phường 2, phường 4, phường 9 thuộc thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2020-2030 | ĐH6M2 | Chu Thị | Quỳnh | TS. Vũ Thị Mai | Sau khi tính toán, thiết kế đề tài “Quy hoạch mạng lưới thoát nước cho 04 phường phường 1, phường 2, phường 4, phường 9 thuộc Thành phố Cà Mau - giai đoạn 2020 – 2030” ta có kết quả sau: Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải dành cho 04 phường trên đưa ra 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, nhận thấy khai toán kinh tế thì chọn phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Đặc điểm kỹ thuật của phương án: Trạm xử lý đặt ở phía Đông Bắc của thành phố, nằm cuối hướng gió chính Để lợi dụng triệt để địa hình ta đặt 2 tuyến cống chính. Các tuyến cống lưu vực chạy dọc theo trục các đường phố về tuyến cống thoát nước Về nội dung thiết kế trạm xử lý: Có 2 phương án cho trạm xử lý được đề xuất, sau khi tính toán kỹ thuật và khai toán kinh tế thì chọn phương án 2 là phương án tối ưu hơn. Trong đó dây chuyền xử lý phương án 2 áp dụng công trình xử lý cơ học là bể lắng đứng, công trình sinh học áp dụng bể SBR. Hệ thống xử lý bùn cơ học, tiết kiệm diện tích, hiệu quả và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. |
| 50 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt cho phường Cheo Reo, Hòa Bình, Đoàn Kết, Sông Bờ thuộc thị xã Ayun Pa, huyện Ayun Pa, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2020 – 2030 | ĐH6M2 | Bùi Thị | Thanh | ThS. Lương Thanh Tâm | Trên cơ sở tài liệu thu thập được tiến hành vạch tuyến 2 phương án thoát nước thải sinh hoạt và đưa ra 2 phương án xử lý nước thải sinh hoạt và bố trí công trình trạm xử lý nước thải với công suất là 7000 m3/ngđ. - Sau khi xem xét, tính toán và phương án đề xuất, khai toán chi phí lựa chọn phương án thiết kế mạng lưới thoát nước đã chọn là phương án 1 và phương án thiết kế các công trình xử lý nước thải là phương án 1 như sau : + Đặt tuyến cống chính tại trung tâm bản đồ quy hoạch, có 1 tuyến cống chính để thu nước thải + Chiều dài tuyến cống A12 – TXL là 5931 m + Khái toán kinh tế toàn bộ mạng lưới là 5823,52 triệu đồng + Khái toán kinh tế chi phí đầu tư xây dựng và chi phí đầu tư thiết bị cho phương án 1 là 5238,532 triệu đồng |
| 51 | Đại học chính quy | Nghiên cứu khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than cho hộ gia đình địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, quy mô phòng thí nghiệm. | ĐH6M2 | Nguyễn Thị Thanh | Tâm | TS. Đoàn Thị Oanh | Sau một thời gian nghiên cứu, khóa luận “Nghiên cứu khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than cho hộ gia đình địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, quy mô phòng thí nghiệm” đã đạt được những kết quả sau: Khóa luận đã đánh giá được: Hiệu quả xử lý của mô hình hệ thống xử lý khí thải đốt than thông qua các thí nghiệm với vật liệu V2O5/TiO2 được chế tạo và thử nghiệm tại nhiều điều kiện khác nhau, xử lý được khí như NO¬x. Sau đó đưa ra các đánh giá sau: - Đã khảo sát được ảnh hưởng của nhiệt độ chế tạo vật liệu đến khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than và thấy rằng nền nhiệt có hiệu suất xử lý tốt nhất cho vật liệu là 550oC - Đã khảo sát được ảnh hưởng của tỉ lệ vật liệu V2O5/TiO2 liệu đến khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than cho kết quả tỉ lệ khối lượng V2O5/TiO2 tối ưu là 3,5% V2O5: 96,5% TiO2 - Đã khảo sát được ảnh hưởng của thời gian nghiền vật liệu V2O5/TiO2 liệu đến khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than với thời gian nghiền mang lại hiệu suất xử lý phù hợp nhất là 4 giờ  - Đã khảo sát được ảnh hưởng của lưu lượng đến khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than với lưu lượng dòng khí thích hợp cho hệ thống xử lý khí là 80 lit/phút. - Đã khảo sát được ảnh hưởng của khối lượng vật liệu đến khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than cho kết quả khối lượng vật liệu phù hợp với mô hình hệ thống xử lý khí là 0,2g - Đã khảo sát được ảnh hưởng của chế độ đèn đến khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than cho kết quả đèn vàng mang lại hiệu suất xử lý cao nhất trong 3 loại đèn đưa vào trong thí nghiệm. - Đã khảo sát được ảnh hưởng của cường độ chiếu sáng đến khả năng xử lý khí NOx của mô hình xử lý khí thải đốt than với cường độ chiếu sáng thích hợp cho gia tăng hiệu suất xử lý và hiệu quả kinh tế với người sử dụng là 36.000 lux đèn vàng. |
| 52 | Đại học chính quy | Nghiên cứu chế tạo mô hình xử lý khí thải đốt than cho hộ gia đình trên địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, quy mô phòng thí nghiệm | ĐH6M2 | Lê Nam | Anh | TS. Đoàn Thị Oanh | Khóa luận tốt nghiệp đề tài “Nghiên cứu chế tạo mô hình xử lý khí thải đốt than cho hộ gia đình trên địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, quy mô phòng thí nghiệm” đã thực hiện được các kết quả như sau:  - Đã điều tra, khảo sát tình hình đốt than trên địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho kết quả khách quan và chính xác. - Chế tạo được mẫu vật liệu V2O5/TiO2 Anatase ứng dụng cho mô hình xử khí thải đốt than đảm bảo khí thải ra môi trường đạt quy chuẩn cho phép. - Tính toán, thiết kế, đưa ra bản vẽ chi tiết của mô hình xử lý. - Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết kế mô hình xử lý khí thải đốt than. - Vận hành mô hình xử lý khí thải đốt than cho hộ gia đình trên địa bàn phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, quy mô phòng thí nghiệm. - Sản phẩm cuối cùng là một mô hình hoàn chỉnh bảo yêu cầu đề ra và điều kiện hoạt động ở quy mô phòng thí nghiệm. - Mô hình xử lý khí thải đốt than phù hợp nhất cho hộ gia đình đang sử dụng than tổ ong có lượng than đốt trung bình 0,5kg/h (bếp than 1 viên) . Ngoài ra, có thể ứng dụng mô hình cho những hộ gia đình khác nhằm mục đích làm giảm nồng độ các khí độc hại có trong khí thải đốt than. |
| 53 | Đại học chính quy | Nghiên cứu khả năng xử lý khí CO, SO2 của mô hình xử lý khí thải đốt than cho hộ gia đình trên địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, quy mô phòng thí nghiệm. | ĐH6M2 | Trần Thị Linh | Ly | TS. Đoàn Thị Oanh | Đề tài “Nghiên cứu khả năng xử lý khí CO, SO2 của mô hình xử lý khí thải đốt than cho hộ gia đình địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, quy mô phòng thí nghiệm” đã đạt được các kết quả: u Đã lựa chọn nhiệt độ 5500C để chế tạo vật liệu cho hiệu suất đạt 70,38% đối với khí CO và 37,14% đối với khí SO2. u Đã chế tạo được các vật liệu VT10a, VT20a, VT30a, VT40a, VT50a, VT60a. Lựa chọn tỷ lệ khối lượng V2O5/TiO2 anatase tối ưu là 3,5% V2O5:96,5%TiO2 ứng với vật liệu VT30a, cho hiệu suất đạt 76,34% đối với khí CO và 47,22% đối với khí SO2. u Đã lựa chọn được thời gian nghiền vật liệu tối ưu là 4h, cho hiệu suất đạt 82,64% đối với khí CO và 64,10% đối với khí SO2. u Đã lựa chọn được lưu lượng thích hợp cho hệ thống xử lý khí là 80l/min, cho hiệu suất đạt 82,84% đối với khí CO và 65,79% đối với khí SO2. u Đã lựa chọn khối lượng vật liệu tối ưu là 0,2g, cho hiệu suất đạt 87,95% đối với khí CO và 81,08% đối với khí SO2. u Kết quả nghiên cứu đã thu được đèn vàng mang lại hiệu suất xử lý cao nhất trong 3 loại đèn được thử nghiệm, cho hiệu suất đạt 92,71% đối với khí CO và 85,56% đối với khí SO2. u Kết quả nghiên cứu thu được cường độ chiếu sáng mang lại hiệu suất xử lý cao nhất là ở 36.000lux, cho hiệu suất đạt 95,40% đối với khí CO và 97,89% đối với khí SO2. Như vậy, sau khi thử nghiệm ở tất cả các điều kiện tối ưu thì nồng độ khí CO, khí SO2 đầu ra đã đạt Hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): về chất lượng không khí trong nhà và QCVN05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh. Một lần nữa khẳng định rằng con đường nghiên cứu của chúng ta đang đi đúng hướng hứa hẹn sẽ đem lại ý nghĩa khoa học và hơn thế nữa là xử lý được khí thải độc hại gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. |
| 54 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống thoát nước và xử lý nước thải nơi tái định cư và dân cư khu chế xuất 1 thuộc khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn | ĐH6M2 | Lê Thị Ngọc | Ánh | ThS. Mai Quang Tuấn | Nội dung khóa luận được thể hiện qua 3 chương và các bản vẽ đã tính toán, thiết kế. Hai phương án được đề xuất nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) cho phép thải vào hệ thống thoát nước sinh hoạt chung theo quy định. - Phương án 1: + Thiết kế gọn gàng. + Chi phí: 1.299.937.000 VNĐ. - Phương án 2: + Sử dụng nhiều công trình, tốn diện tích thiết kế. + Chi phí: 2.555.507.000 VNĐ. |
| 55 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải cho khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh công suất 500m3/ngày đêm | ĐH6M2 | Trần Đức | Lương | TS. Vũ Thị Mai | Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập hồ sơ xả thải cho khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh công suất 500 m3/ngày đêm’’ được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu khác đã nêu rõ. Nội dung khóa luận được thể hiện qua 4 chương, 6 bản vẽ, hồ sơ xả thải, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung để sau nước xử lý đạt cột A QCVN 40: 2011/BTNMT, cho phép xả ra kênh. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khai toán chi phí và lựa chọn sử dụng công nghệ theo phương án 2 (Phương án xử lý nước thải bằng công nghệ sử dụng vật liệu tổ hợp nano kim loại hóa trị 0 trên nền vật liệu nano sắt 0) để áp dụng xử lý nước thải cho khu công nghiệp Hanaka. Ước tính chi phí xử lý 1 m3 nước thải là 4687,4 đồng với niên hạn sử dụng là 20 năm, diện tích mặt bằng xây dựng khoảng 800 m2. |
| 56 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lập hồ sơ xả thải cho khối nhà hỗn hợp thuộc dự án tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ ở cầu Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội | ĐH6M2 | Nguyễn Thị | Nga | TS. Vũ Thị Mai | Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lập hồ sơ xả thải cho khối nhà hỗn hợp thuộc dự án tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng, và căn hộ ở cầu Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ. Nội dung đồ án được thể hiện qua 3 chương và 20 bản vẽ, đã tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải theo 2 phương án công nghệ khác nhau: phương án 1 AO kết hợp MBBR, phương án 2 dùng công nghệ SBR để nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) và lập đề án xả thải cho phép xả nước thải sau khi qua hệ thống xử ly được đấu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố phía Đông Nam khu vực tòa nhà.  Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khái toán chi phí và phương án 1 là được lựa chọn cho tòa nhà.  Ước tính chi phí xử lý 1 m3 nước thải là 6755 đồng với niên hạn sử dụng là 20 năm, diện tích mặt bằng xây dựng khoảng 90 m2.  Ngoài ra, chi phí phân tích mẫu nước và giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt định kì dự toán 23.125.628 đồng/năm. Thời hạn giấy phép xả thải của dự án là 3 năm. |
| 57 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống thoát nước thải cho Khu resort nghỉ dưỡng tiêu chuẩn quốc tế 5 sao kết hợp tuyến phố thương mại, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận | ĐH6M2 | Hoàng Thanh | Trường | ThS. Mai Quang Tuấn | Qua quá trình tìm hiểu, phân tích, đánh giá sản xuất sạch hơn cho Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam, khóa luận đưa ra một số kết luận sau: 1. Tìm hiểu được công nghệ sản xuất, các nguyên liệu, nhiên liệu đưa vào của nhà máy. 2. Đã hoàn thành quy trình đánh giá sản xuất sạch hơn cho công ty với 27 giải pháp sản sạch hơn. Trong đó có 9 giải pháp có thể thực hiện ngay. Nhìn chung các giải pháp SXSH được đề xuất để áp dụng cho nhà máy đều mang lại lợi ích về kinh tế, kỹ thuật và môi trường cho nhà máy. 3. Trong số các giải pháp khả thi về mặt kinh tế. Tổng chi phí đầu tư là 73,670,000 vnđ và tổng chi phí lợi ích trong 1 năm là 7,336,000,000 vnđ. Vì vậy, việc áp dụng SXSH vào nhà máy là điều cần thiết. Điều này sẽ giúp nhà máy hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, tạo một thương hiệu sạch góp phần nâng cao uy tín của nhà máy trong thị trường sản xuất nhựa nguyên sinh trong và ngoài nước |
| 58 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lập đề án xả nước thải vào nguồn tiếp nhận cho dự án chung cư cao cấp Panorama Hoàng Mai, thành phố Hà Nội~~,~~ công suất 850 m3/ngày đêm | ĐH6M2 | Trần Thị | Uyên | ThS. Nguyễn Phương Tú | Tên đề tài: Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lập đề án xả nước thải vào nguồn tiếp nhận cho dự án chung cư cao cấp Panorama Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; công suất 850 m3/ngày đêm. Ø Nội dung nghiên cứu - Tính toán cụ thể hai phương án thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho dự án, khái toán chi phí kinh tế cho cả hai phương án sau đó so sánh và lựa chọn ra phương án thiết kế phù hợp nhất cho dự án. - Thể hiện bản vẽ kỹ thuật các phương án thiết kế cho dự án. - Thu thập thông tin, tổng hợp và lập bản đề án xả nước thải vào nguồn tiếp nhận cho dự án. Bản đề án được triển khai đúng format theo yêu cầu quy định tại mẫu số 35 thông tư số 27:2014/BTNMT. Ø Kết luận  Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lập đề án xả nước thải vào nguồn tiếp nhận cho dự án chung cư cao cấp Panorama Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; công suất 850 m3/ngày đêm” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ.  Nội dung khóa luận được thể hiện qua 3 chương, 5 bản vẽ 3D màu và 7 bản vẽ kỹ thuật, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khái toán chi phí và lựa chọn phương án 1 với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án 2. Ước tính chi phí phương án 1 xử lý 1 m3 nước thải là 3196.7 đồng với niên hạn sử dụng là 20 năm, diện tích mặt bằng xây dựng khoảng 250m2. So với chi phí phương án 2 xử lý là 3376.9 đồng nhưng với diện tích xây dựng khoảng 235m2. Phương án 1 vẫn sẽ mang tính tối ưu hơn đối với phương án 2. |
| 59 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống thoát nước cho khu đô thị mới Kim Chung, Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội công suất 15000 m3/ngày đêm | ĐH6M2 | Khổng Thị | Nhung | ThS. Bùi Thị Thanh Thủy | Đồ án tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống thoát nước cho khu đô thị mới Kim Chung, Di Trạch, huyện Hoài Đức, Hà Nội công suất 15000 m3/ngđêm” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ. Nội dung đồ án được thể hiện qua 3 chương và 8 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải sau xử lý đạt cột B QCVN 14-MT:2015/BTNMT, cho phép thải vào hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng theo quy định. Đồ án đã đề xuất và tính toán được 2 phương án vạch tuyến thoát nước thải khu đô thị, đề xuất và tính toán 2 phương án xử lý nước thải. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khai toán chi phí và lựa chọn phương án 1 với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án 1 ước tính chi phí phương án 1 xử lý 1 m3 nước thải là 9500 đồng, chi phí phương án 2 xử lý 1 m3 nước thải là 10187 đồng. |
| 60 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lí nước thải sinh hoạt và lập hồ sơ xả thải cho khu du lịch văn hóa và nghỉ dưỡng Lạc Thủy, xã Phú Lão huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình công suất 1000 m3/ngày đêm | ĐH6M2 | Dương Thị Thúy | Huyền | TS. Nguyễn Hồng Đăng | Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng của khu du lịch văn hóa và nghỉ dưỡng Lạc Thủy. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, tiến hành đề xuất 02 phương án xử lý nước thải và bố trí công trình trong trạm xử lý với công suất 1000 m3/ngày đêm. Tính toán thiết kế các công trình trong trạm xử lý nước thải theo 2 phương án và chọn phương án 1 làm phương án thực hiện với tổng đầu tư chi phí cho phương án là 1,923,794,596 đồng nhỏ hơn phương án 2 là 2,152,189,048 đồng. Lập hồ sơ xả thải cho khu vực trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là mương dẫn dọc tuyến đường chùa Tiên. Khai toán kinh tế các công trình trong trạm xử lý nước thải. |
| 61 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lí nước thải và lập hồ sơ xả thải cho khu công nghiệp Trà Kha thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu công suất 2000 m3/ngày đêm | ĐH6M2 | Bùi Thị | Lanh | TS. Nguyễn Hồng Đăng | Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lí nước thải và lập hồ sơ xả thải cho khu công nghiệp Trà Kha thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, công suất 2.000 m3/ngày đêm” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu khác đã nêu rõ. Nội dung khóa luận được thể hiện qua 2 phần chính và 6 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để sau nước xử lý đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT, xin cấp phép thải ra sông Bạc Liêu. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khai toán chi phí và lựa chọn phương án I với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án I Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lí nước thải và lập hồ sơ xả thải cho khu công nghiệp Trà Kha thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, công suất 2.000 m3/ngày đêm” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu khác đã nêu rõ. Nội dung khóa luận được thể hiện qua 2 phần chính và 6 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để sau nước xử lý đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT, xin cấp phép thải ra sông Bạc Liêu. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khai toán chi phí và lựa chọn phương án I với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án I Khóa luận tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lí nước thải và lập hồ sơ xả thải cho khu công nghiệp Trà Kha thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, công suất 2.000 m3/ngày đêm” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu khác đã nêu rõ. Nội dung khóa luận được thể hiện qua 2 phần chính và 6 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để sau nước xử lý đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT, xin cấp phép thải ra sông Bạc Liêu. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khai toán chi phí và lựa chọn phương án I với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án I |
| 62 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý khí thải cho Nhà máy "Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các máy móc, trang thiết bị y tế, dụng cụ và đồ dùng y tế, các loại bán thành phẩm có liên quan-giai đoạn 3" tại Lô 44A-44B-44C KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội | ĐH6M2 | Lê Thị | Linh | ThS. Bùi Thị Thanh Thủy | Đề tài “Thiết kế hệ thống xử lý khí thải cho dự án nhà máy Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các máy móc trang thiết bị y tế, dụng cụ và đồ dùng y tế, các loại bán thành phẩm có liên quan-giai đoạn 3 tại Lô 44A-44B-44C Khu Công Nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội” đã cơ bản hoàn thành được một số công việc sau: Tính toán hệ thống xử lý khí thải của ba xưởng sản xuất, chế tạo, lắp ráp các máy móc trang thiết bị y tế, dụng cụ và đồ dùng y tế, các loại bán thành phẩm có liên quan. Phân tích và đề xuất dây chuyền công nghệ xử lý khí thải nhà máy. Tính toán, thiết kế một số thiết bị chính trong 2 dây chuyền công nghệ và lựa chọn phương án 1 là phương án tối ưu. 7 bản vẽ thể hiện sơ đồ công nghệ, chi tiết một số thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ |
| 63 | Đại học chính quy | Tính toán thiết kế hệ thống thoát nước cho dự án nhà ở xã hội số 02 tại khu đô thị phía Đông phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn | ĐH6M2 | Nguyễn Văn | Nam | ThS. Mai Quang Tuấn | Khóa luận tốt nghiệp “Tính toán thiết kế hệ thống thoát nước cho Dự án nhà ở xã hội số 02 tại Khu đô thị phía đông, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ. Nội dung khóa luận được thể hiện qua 3 chương và các bản vẽ bản vẽ, đã thiết kế, tính toán phương án thoát nước thải, thoát nước mưa, 02 phương án xử dụng công nghệ khác nhau: phương án 1 sử dụng A-O kết hợp MBBR, phương án 2 sử dụng SBR và tính toán khái toán cho hai phương án để xuất để nước sau xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (Cột B), cho phép thải vào hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng theo quy định. Trên cơ sở so sánh, đề tài đề xuất sử dụng phương án thiết kế thoát nước và phương án xử lý số 1 là phương án được lựa chọn cho tòa nhà. Ước tính chi phí xử lý 1 m3 nước thải là 7208 đồng với niên hạn sử dụng là 20 năm, diện tích mặt bằng xây dựng khoảng 360 m2. |
| 64 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống thoát nước cho tòa nhà hỗn hợp N01 – T6,7 (tòa nhà HAN JARDIN), phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | ĐH6M3 | Nguyễn Thị Ngọc | Thúy | ThS. Lương Thanh Tâm | Nội dung khóa luận được thể hiện qua 3 chương và các bản vẽ đã thiết kế, tính toán phương án thoát nước sinh hoạt trong tòa nhà, thoát nước mưa, 02 phương án xử lý nước thải tập trung sử dụng công nghệ khác nhau: phương án 1 sử dụng MBBR, phương án 2 sử dụng SBR và tính toán khái toán cho hai phương án đề xuất để nước sau khi xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (Cột B), cho phép thải vào hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng theo quy định. Theo tính toán, phương án 1 có nhiều ưu điểm hơn phương án 2. Ngoài ra, chi phí xây dựng vận hành của phương án 1 thấp hơn 58.860.000 VNĐ so với phương án 2. Đây là cơ sở để lựa chọn phương án 1 là phương án thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho tòa nhà. |
| 65 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định quý II năm 2020 | ĐH6M3 | Lê Thảo Lan | Anh | TS. Lê Thu Thủy | Thu thập số liệu: Thu thập thông tin về đặc điểm tự nhiên, xã hội và tình hình phát triển kinh tế thành phố Quy Nhơn.Tìm ra các nguyên nhân gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước ven bờ thành phố Quy Nhơn. Các yếu tố gây ảnh hưởng đến chất lượng nước biển ven bờ của thành phố. Lấy mẫu, phân tích: Số lần quan trắc lấy mẫu: 1 đợt, 15 vị trí (Tọa độ vị trí địa lý các điểm lấy mẫu được xác định bằng thiết bị GPS cầm tay) Các thông số đo nhanh tại hiện trường: DO, pH, nhiệt độ, đô mặn … Đánh giá độ lặp  Phân tích Chất lượng môi trường nước thông qua việc phân tích các thông số: (NH4+ tính theo N); Nitrat (NO3- tính theo N); COD, Clorua (Cl-); Sulfat (SO42-); Mn; Fe, As; Hg; Zn. Luận giải nguyên nhân ô nhiễm |
| 66 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Cà Lồ đoạn chảy qua huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M3 | Lê Hương | Giang | ThS. Đỗ Thị Hiền | Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực tế, quan trắc và phân tích nước sông Cà Lồ tại 10 vị trí: Phân tích 10 chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước: pH, độ đục, DO, BOD5, COD, tổng Coliform, NH4+, NO2-, NO3-, PO43-,Cl-, TSS. Tổng chất rắn lơ lửng và độ đục có hàm lượng cao. Hàm lượng COD và BOD5 đều nằm không vượt quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Hàm lượng NO2- vượt quy chuẩn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Hàm lượng amoni (NH4+) thấp. Hàm lượng NH4+, NO3-, PO43-,Cl- và tổng Coliform đều phát hiện nhưng với nồng độ thấp và đều nằm trong quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT. |
| 67 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua địa phận tỉnh Nam Định 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M3 | Lê Thị | Hạnh | PGS.TS. Lê Thị Trinh | - Đánh giá hiện trạng các điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua địa phận tỉnh Nam Định.  - Nghiên cứu đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua địa phận tỉnh Nam Định bằng các phương pháp phân tích phòng thí nghiệm.  - Đánh giá chất lượng nước sông thông qua chỉ số WQI, và quy chuẩn QCVN08-MT: 2015/BTNMT. So sánh kết quả nghiên cứu với kết quả quan trắc các năm trước và đưa ra nhận xét.  - Luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ và cải thiện môi trường nước cho lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua địa phận tỉnh Nam Định. |
| 68 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M3 | Nguyễn Thị | Trang | ThS. Đỗ Thị Hiền | Nghiên cứu cho thấy sông Cầu đoạn chảy qua thành phố Bắc Ninh bị ảnh hưởng từ nhiều nguồn thải và các nguyên nhân gây ô nhiễm khác nhau. Chất lượng nước sông đang bị ô nhiễm, được thể hiện qua các nhóm thông số dinh dưỡng (NO2-,NH4+), thông số hữu cơ (BOD5, COD), TSS và kim loại nặng (Pb). Trong đó, Hàm lượng BOD5 vượt quy chuẩn từ 1,18 đến 1,29 lần, hàm lượng COD vượt quy chuẩn từ 1,28 đến 1,92 lần. Hàm lượng TSS vượt quy chuẩn từ 2,00 đến 3,33 lần, hàm lượng kim loại nặng (Pb) vượt quy chuẩn 1,45 đến 3,38 lần. Hàm lượng nhóm các thông số dinh dưỡng NO2- vượt quy chuẩn từ 1,21 đến 9,1 lần và hàm lượng NH4+ vượt 1,19 đến 1,86 lần so với quy chuẩn. Điều này chứng tỏ nước sông bị ô nhiễm chủ yếu do các nguồn nước thải từ hoạt động sinh hoạt, chăn nuôi, nông nghiệp, công nghiệp đổ trực tiếp ra sông. |
| 69 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Đuống đoạn chảy qua huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M3 | Nguyễn Thị | Hướng | ThS. Đỗ Thị Hiền | Nghiên cứu đã tiến hành quan trắc nước sông Đuống tại 10 vị trí và phân tích được các chỉ tiêu: pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, COD, BOD5, NH4+, PO43-, NO2-, NO3-, Cl-, Cu, Pb, tổng Coliform (TSS, COD, NH4+, PO43-, NO2-, Pb vượt QCVN 08-MT:2015/BTNMT). Trên cơ sở tính toán chỉ số chất luợng WQI đưa ra được kết luận nước sông Đuống sử dụng cho mục đích tưới tiêu và hoạt động sản xuất của huyện. Có thể thấy rằng, nguyên nhân gây ô nhiễm chủ yếu là nguyền nước thải sinh hoạt, sản xuất từ các hộ dân trên địa bàn.( các điểm NM4, NM5, NM6, NM7, NM9, NM10 có giá trị WQI nằm trong khoảng 26 – 50 đây là nước sử dụng cho mục đích giao thông thủy và các mục đích tương đương. Các điểm NM3, NM8 có giá trị WQI nằm trong khoảng 51 – 75 đây là nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu và mục đích tương đương khác. Các điểm còn lại: NM1, NM2 có giá trị WQI nằm trong khoảng 76 – 90 đây là nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp) |
| 70 | Đại học chính quy | Đánh giá ảnh hưởng của làng rèn truyền thống An Tiêm xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đến chất lượng nước sông N3 | ĐH6M3 | Lê Thị | Hồng | TS. Trịnh Thị Thủy | + Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên, hoạt động kinh tế, xã hội của làng nghề. + Điều tra thực tế xác định nguồn thải từ hoạt động của làng làng rèn truyền thống An Tiêm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nước sông N3. + Lấy 8 mẫu nước sông N3 trong đó có 1 mẫu nền để phân tích các thông số TSS, COD, BOD5, NO3; NO2-, NH4+, Tổng N, tổng P, PO43-, Cl, kim loại nặng (Pb, Fe, Cu,), coliform.  + Phân tích các mẫu nước sông N3 đã lấy + Đánh giá hoạt động của làng nghề rèn truyền thống An Tiêm, xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình có ảnh hưởng tới chất lượng nước sông N3. + Đề xuất một số biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. |
| 71 | Đại học chính quy | Xác định dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật họ Clo hữu cơ và Polyclo Diphenyl trong nước tại khu vực cửa Đáy | ĐH6M3 | Đinh Thị Thu | Hiền | PGS.TS. Lê Thị Trinh | - Tổng quan tài liệu: thu thập thông tin, số liệu về điều kiện kinh tế- xã hội, nguồn thải, thủy văn tại khu vực nghiên cứu. - Lấy mẫu nước tại khu vực cửa sông Đáy: Lấy mẫu từ sông Đáy (khoảng 2km trong sông) đến cửa Đáy (cách bờ biển 2km).  - Số mẫu được lấy: 15 mẫu. - Xử lý mẫu và phân tích mẫu nước để xác định hàm lượng OCPs và PCBs trong nước tại khu vực viên cứu. - Đánh giá độ lặp của phương pháp phân tích một số hợp chất OCPs và PCBs trong nước sông Đáy tại khu vực Cửa Đáy, Nam Định. - Đề xuất biện pháp ngăn ngừa nguy cơ phát thải và tích tụ của OCPs, PCBs trong nước tại khu vực nghiên cứu. |
| 72 | Đại học chính quy | Nghiên cứu chế tạo vật liệu composite sinh học từ nhựa polyamide 11 với sợi đay đã được biến tính bằng hợp chất silan hữu cơ | ĐH6M3 | Nguyễn Duy | Mạnh | 1- TS. Mai Văn Tiến 2- TS. Đỗ Văn Công | - Tổng quan tài liệu liên quan tới đề tài đồ án. - Nghiên cứu biến tính sợi đay bằng hợp chất silan hữu cơ ( khảo sát điều kiện tối ưu để biến tính sợi đay). - Nghiên cứu chế tạo vật liệu composite sinh học từ nhựa PA-11 với sợi đay biến tính (khảo sát điều kiện đơn phối liệu, điều kiện gia công chế tạo tới một số tính chất của vật liệu composite sinh học). - Phân tích một số đặc trưng tính chất của vật liệu compsite sinh học từ nhựa PA11 với sợi đay biến tính ( hình thái cấu trúc, độ bền cơ lý, độ ổn định nhiệt,...) - Tổng hợp số liệu báo cáo đồ án hoàn thiện. |
| 73 | Đại học chính quy | Nghiên cứu tổng hợp phụ gia oxi hóa, áp dụng thử nghiệm để tạo mẫu vật liệu nhựa PE có khả năng tự phân hủy | ĐH6M3 | Trần Tố | Uyên | TS. Mai Văn Tiến | - Tổng quan tài liệu có liên quan tới đồ án; - Nghiên cứu tổng hợp phụ gia oxi hóa có khả năng phân hủy nhựa polyethylen (PE);  - Ứng dụng phụ gia để chế tạo mẫu vật liệu nhựa PE có khả năng tự phân hủy; - Phân tích đánh giá quá trình phân hủy của mẫu vật liệu nhựa PE có chứa phụ gia |
| 74 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tích lũy hàm lượng một số kim loại nặng (Cu, Zn, Cr, As, Pb) trong trầm tích sông Thái Bình đoạn chảy qua thành phố Hải Phòng năm 2020 | ĐH6M3 | Nguyễn Vân | Anh | TS. Lê Thu Thủy | - Tổng quan tài liệu về đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, nguồn gốc kim loại nặng trong trầm tích sông, số liệu liên quan đến sông Thái Bình đoạn chảy qua thành phố Hải Phòng và các hoạt động kinh tế khu vực thành phố Hải Phòng. - Quan trắc, lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu của trầm tích sông Thái Bình đoạn chảy qua thành phố Hải Phòng trong 1 đợt quan trắc. Lấy mẫu tại 8 vị trí. Phân tích tại phòng thí nghiểm các thông số: Hệ số khô kiệt, độ ẩm, thành phần cấp hạt và hàm lượng các kim loại nặng: Cu, Zn, Cr, As, Pb. - Đánh giá mức độ tích lũy hàm lượng kim loại (Cu, Zn, Cr, As, Pb) trong trầm tích thông qua chỉ số tích lũy địa chất Igeo. |
| 75 | Đại học chính quy | Xác định hàm lượng hexabromobiphenyl trong mẫu bụi lắng bề mặt vật dụng và sàn nhà tại một số cơ sở thu gom tái chế rác thải điện tử trên địa bàn thành phố Hà Nội | ĐH6M3 | Bùi Phương | Nam | TS. Trịnh Thị Thắm | - Tổng quan về HBB: nguồn gốc, độc tính, lan truyền trong môi trường, các phương pháp xác định HBB và các nghiên cứu về HBB. - Khảo sát khu vực lấy mẫu, thiết kế phương án lấy mẫu. - Tiến hành lấy mẫu tại hiện trường: Địa điểm lấy mẫu: Các cơ sở thu gom, tái chế rác thải điện tử ở làng nghề Hà Nội: làng Triều Khúc, làng Xà Cầu. Tại mỗi làng nghề tiến hành lấy mẫu tại 5 cơ sở. Mỗi cơ sở lấy 2 mẫu bụi lắng: sàn nhà và vật dụng. Lượng bụi lắng cần lấy khoảng 20- 25 g/mẫu. - Phân tích trong phòng thí nghiệm: Tiến hành xác định hàm lượng HBB trong mẫu theo quy trình được xây dựng tại Phòng thí nghiệm của Phòng Quan trắc và Phân tích Môi trường lao động, Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường lao động- Viện Khoa học An toàn và Vệ sinh lao động, kết quả thu được như sau: + Hàm lượng HBB trong mẫu bụi lắng tại các cơ sở/ hộ gia đình sản xuất tại làng nghề Triều Khúc dao động từ 9,05ng/g đến 13,31ng/g. Hàm lượng HBB cao nhất tại vị trí lấy mẫu TK4, mẫu bụi được lấy trên bờ tường phân xưởng với lượng bụi cao và tập trung tại nhà xưởng sản xuất. + Hàm lượng HBB trong mẫu bụi lắng tại các cơ sở/ hộ gia đình sản xuất tại làng nghề Xà Cầu dao động từ 5,18ng/g đến 10,97ng/g. Hàm lượng HBB cao nhất tại vị trí lấy mẫu XC4, khu vực nhà xưởng thường xuyên đóng kín của do vậy bụi phát tán trong nhà xưởng này không được phân tán ra ngoài không khí mà bị quẩn bên trong nhà xưởng - Đề xuất một số giải pháp. |
| 76 | Đại học chính quy | Đánh giá hoạt tính kháng khuẩn của một số nấm lớn tại Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình và Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ đối với một số vi khuẩn gây bệnh | ĐH6M3 | Nguyễn Thị | Nga | TS. Lê Thanh Huyền | Qua một thời gian nghiên cứu nội dung thực hiện của đề tài đạt được kết quả: 1. Phân lập 8 hệ sợi nấm của 8 mẫu HB19.01, HB19.06, HB19.08, XS19L003, XS19L013, XS19T027, XS19T005 và LC; 2. Chọn ra được môi trường phù hợp để nhân giống hệ sợi nấm là MTHC và môi trường để lưu mẫu là môi trường PGA; 3. Khảo sát khả năng kháng khuẩn của 8 mẫu nấm đã thu thập trên môi trường (MPA) đã đạt được kết luận sau: Qua các thí nghiệm trên, nhận thấy mẫu LC có khả năng kháng lại được hầu hết 4 vi khuẩn kiểm định: E.coli, Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Bacillus subtilis để sinh trưởng phát triển trong môi trường có 4 chủng vi khuẩn xuất hiện đặc biệt ở 34oC và 37oC; 4. Đề xuất được biện pháp bảo tồn và lưu giữ hệ sợi nấm lớn |
| 77 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước ngầm tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Nguyễn Thị Mai | Anh | TS. Lê Thu Thủy | - Thu thập tài liệu, số liệu về chất lượng nước ngầm tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ trong những năm gần đây. - Quan trắc, phân tích chất lượng môi trường nước ngầm tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ : + Lấy mẫu: Số lần quan trắc lấy mẫu:1 đợt  + Các thông số đo nhanh tại hiện trường: DO, pH, nhiệt độ. + Chất lượng môi trường nước thông qua việc phân tích các thông số: Độ cứng tổng số (tính theo CaCO3); Amoni (NH4+ tính theo N); Nitrat (NO3- tính theo N); Clorua (Cl-); Sulfat (SO42-); Mn; Fe; tổng P; As; Pb; Chất rắn hòa tan. - Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường. - Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe cộng đồng. Tiến hành điều tra xã hội học trên đối tượng người dân sống trong khu vực huyện Phù Ninh. - Đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường nước khu vực. |
| 78 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Phan đoạn chảy qua huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Cao Thu | Ngân | ThS. Trịnh Kim Yến | - Thu thập tài liệu về: điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. - Khảo sát thực địa, lựa chọn vị trí lấy mẫu. - Tiến hành lấy mẫu và phân tích mẫu nước : + Tần suất : 1 đợt lấy mẫu. + Vị trí lấy mẫu : 10 vị trí. - Quan trắc chất lượng nước. +.Các chỉ tiêu đo nhanh: pH, nhiệt độ, DO. - Phân tích các chỉ tiêu trong phòng thí nghiệm: COD, BOD5, NH4+, NO2-, NO3- , PO43-, Cl-, TSS, tổng sắt, Coliform. - Đánh giá chất lượng nước mặt theo chỉ số WQI: quyết định 1460/QĐ-TCMT: Về việc ban hành hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN\_WQI) - Luận giải một số nguyên nhân gây ô nhiễm nước sông Phan. |
| 79 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước hồ Bạch Đằng trên địa bàn thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Lê Ngọc | Ninh | ThS. Nguyễn Thành Trung | -Đã tiến hành quan trắc, lấy mẫu tại 10 vị trí trên hồ Bạch Đằng trên địa bàn thành phố Hải Dương và phân tích được 17 chỉ tiêu chất lượng nước mặt cơ bản bao gồm: pH; nhiệt độ; độ đục; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); (DO), (COD), (BOD5), N-NH4+, N-NO3-, N-NO2-, P-PO43-; (Cl-); tổng sắt (Fe); chì (Pb); đồng (Cu), kẽm (Zn) và mật độ Coliform tổng số trong nước. - Các thông số như BOD5, COD, TSS, NH4+, Cl-, Fe, Cu, Pb, Zn, Coliform đều có giá trị nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép. Các thông số còn lại như N-NO2-, P-PO43- hầu hết cao hơn QCVN 08- MT:2015/BTNMT cột B1 từ 2 đến 3 lần.  - Đã áp dụng chỉ số WQI để đánh giá chát lượng nước hồ Bạch Đằng. Phân tích cho thấy WQI có giá trị từ 58 – 90 xác định nguồn nước hồ Bạch Đằng được sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác. - Đã so sánh được chất lượng môi trường cùng thời điểm của năm trước và với các đợt quan trắc khác trong năm. - Đã thiết lập được bản đồ phân vùng ô nhiễm tại hồ Bạch Đằng, thành phố Hải Dương. - Đã đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm và biện pháp xử lý vi phạm. |
| 80 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Nguyễn Gia | Phong | TS. Bùi Thị Thư | -Tổng quan tài liệu về điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội, hiện trạng môi trường của huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; số liệu quan trắc nước sông Thải Bình, đoạn chảy qua thành phố Hải Dương 6 tháng đầu năm 2020.  - Khảo sát thực tế và lập kế hoạch quan trắc môi trường nước sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Nam Sách. Tiến hành quan trắc, lấy mẫu 1 đợt, tại 10 vị trí.  Đánh giá độ lặp của phương pháp phân tích.  Các chỉ tiêu phân tích gồm: nhiệt độ, pH, độ đục, DO, BOD5, COD, NO3-, NO2- , Cl-, PO43- , Fe, Pb, Cu, TSS, tổng Coliform.  - Đánh giá chất lượng môi trường nước sông Thái Bình bằng chỉ số chất lượng môi trường nước WQI. - Luận giải nguyên nhân ô nhiễm nước sông Thái Bình oạn chảy qua huyện Nam Sách. |
| 81 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Đỗ Thị Thanh | Xuân | ThS. Trịnh Kim Yến | - Thu tập tài liệu về điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội hiện trạng môi trường của huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. - Tiến hành khảo sát thực tế và lập kế hoạch quan trắc chất lượng nước sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. + Vị trí lấy mẫu: 10 mẫu +Thời gian: tháng 5 năm 2020 +Tần suất quan trắc 1 đợt +Tiến hành phân tích các chỉ tiêu: ● Chỉ tiêu đo nhanh: pH, DO, nhiệt độ, độ đục. ● Chỉ tiêu trong PTN: TSS, NO2-, NO3-, PO43, Cl-, tổng Fe, COD, BOD5, Cu, Pb, Coliform. - Đánh giá độ lặp của phương pháp. - Đánh giá chất lượng nước sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. - Tính chỉ số WQI - Luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm. |
| 82 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Vũ Thị | Quỳnh | ThS. Đỗ Thị Hiền | Nghiên cứu tiến hành quan trắc lấy mẫu nước mặt phường Thụy Phương trong 1 đợt, tại 10 vị trí lấy mẫu và phân tích được các chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, Độ đục, DO, COD, BOD5, TSS, PO43-, NH4+, NO2-, NO3-, Cl-, Cu, Pb, Coliform. Kết quả phân tích cho thấy các chỉ tiêu như :Cl-, NO3-, NO2-, Cu, Coliform vẫn nằm trong quy chuẩn cho phép. Qua kết quả phân tích cho thấy nước mặt tại phường đang có dấu hiệu bị ô nhiễm Chì, tại các điểm quan trắc SN02, SN05, HO06, SH08. SH09 có hàm lượng Chì vượt quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 và cột A2 . Chất lượng nước mặt tại phường đang bị ô nhiễm hữu cơ điển hình như các thông số: TSS, COD, PO43- với các giá trị phân tích đều vượt quá quy chuẩn cho phép từ 1,06- 7,2 lần. Nguồn nước mặt bị ô nhiễm ở mức khá cao, lượng nước thải cùng rác thải không được xử lý kịp thời đã ảnh hưởng đến chất lượng nước cũng như cảnh quan môi trường, mỹ quan đô thị tại địa phương. |
| 83 | Đại học chính quy | Nghiên cứu chế tạo và khảo sát ảnh hưởng hạt nano SiO2 đến một số tính chất đặc trưng của vật liệu composite sinh học từ nhựa polyamide 11 với sợi đay | ĐH6M4 | Hoàng Minh | Châu | 1- TS. Mai Văn Tiến 2- TS. Đỗ Văn Công | - Tổng quan tài liệu về vật liệu composite trên cơ sở polyamide 11 và sợi đay. - Tổng quan tài liệu về hạt nano SiO2. - Phân tích thành phần cấu trúc của sợi đay trước và sau tổng hợp với hạt nano SiO2  - Chế tạo vật liệu polyme composite từ polyamide 11 và sợi đay kết hợp với hạt nano SiO2 bằng phương pháp trộn hợp nóng chảy trên máy trộn kín Haake. - Khảo sát đánh giá ảnh hưởng của sự có mặt nano SiO2 đến tính chất đặc trưng của vật liệu composite polyamide/ sợi đay bằng thông qua tính chất cơ học, tính chất nhiệt và sự thay đổi cấu trúc hình thái vật liệu composite bằng các phương pháp phân tích phổ hồng ngoại biến đổi Fourrier (FTIR), phân tích nhiệt trọng lượng (TGA) và chụp ảnh hiển vi điện tử quét (SEM) |
| 84 | Đại học chính quy | Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng xử lý hợp chất Nitơ trong nước thải sinh hoạt bằng chủng vi tảo Chlorella Vuigaris CNK quy mô phòng thí nghiệm | ĐH6M4 | Nguyễn Lâm | Anh | ThS. Nguyễn Thành Trung | - Đã đánh giá và phân tích các chỉ tiêu NH4+, COD, ntrat,nitrit…trong nước thải sinh hoạt đầu vào Khu dân cư ngõ 381 đường Nguyễn Khang Hà Nội nằm ở quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội, ( kết quả cho thấy các thông số như pH, tổng photpho, NO3- nằm trong quy chuẩn cho phép. Các thông số NH4+, COD cao hơn QCVN14:2008/BTNMT điều này chứng tỏ nguồn nước bị ô nhiễm bởi chất hữu cơ) - Đã chọn được chủng vi tảo Chlorella vulgaris CNK sử dụng xử lý Nito hữu cơ trong nước thải - Đánh giá thêm ảnh hưởng các yếu tố khác như nhiệt độ, ánh sáng… - Đã khảo sát được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng Vi tảo Chlorella vulgaris CNK gồm.  + Ảnh hưởng của pH đến sự sinh trưởng và xử lí các hợp chất chứa nito của vi tảo Chlorella tại pH=6, 7, 8, 9, giá trị pH=7 vi tảo chlorella vulgaris CNK có tốc độ sinh trưởng nhanh nhất, đồng thời tại pH =7 hiệu suất xử lý NH4+ cũng đạt giá trị cao nhất 54%. + Ảnh hưởng của mật độ tảo đến sự sinh trưởng và xử lí các hợp chất chứa nito của vi tảo Chlorella vulgaries CNK (Trong các mật độ tảo nghiên cứu thực hiện, TN3 có giá trị OD là 0,035 vi tảo chlorella vulgaris CNK có tốc độ sinh trưởng cao nhất so với các nghiệm thức còn lại, đồng thời cũng tại TN3 hiệu suất xử lý N-NH4+ đạt 70,46%.) + K/S nồng độ N-NH4 trong nước thải cho thấy, tại tỉ lệ nước thải 85% vi tảo chlorella vulgaris CNK có tốc độ sinh trưởng nhanh nhất, đồng thời tại tỉ lệ nước thải 85% hiệu suất xử lý N-NH4+ đạt 86%.  - Bước đầu đề xuất được công nghệ xử lí nito vô cơ trong nước thải sinh hoạt bằng Vi tảo Chlorella vulgaris CNK, tạo điều kiện thuận lợi cho các công đoạn xử lý tiếp theo |
| 85 | Đại học chính quy | Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại nặng trong trầm tích sông Thái Bình, đoạn chảy qua huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Dương Thị Hồng | Giang | TS. Bùi Thị Thư | -Tổng quan tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, hiện trạng chất lượng trầm tích sông Thái Bình đoạn chảy qua và huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.  - Khảo sát thực tế, lập kế hoạch quan trắc và xác định vị trí lấy mẫu.  - Lấy mẫu trầm tích sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương với tần suất quan trắc 01 đợt; số vị trí quan trắc là 10 vị trí; các thông số quan trắc (hệ số khô kiệt, thành phần cấp hạt, các nguyên tố kim loại nặng: Pb, Cu, Cd, Zn).  - Phân tích hàm lượng kim loại nặng trong trầm tích sông Thái Bình trong phòng thí nghiệm.  - Đánh giá mức độ tích lũy kim loại nặng trong trầm tích sông Thái Bình, đoạn chảy qua huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. |
| 86 | Đại học chính quy | Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại nặng trong trầm tích sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6M4 | Vương Thị | Hường | TS. Bùi Thị Thư | -Tổng quan tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, nguồn gốc kim loại nặng trong trầm tích sông, số liệu liên quan đến sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và các hoạt động kinh tế của huyện. - Khảo sát, đánh giá sơ bộ về chất lượng trầm tích sông Thái Bình và đoạn chảy qua huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. - Lấy mẫu trầm tích đáy sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Tần suất quan trắc: 1 đợt; Số vị trí quan trắc: 10 vị trí; Thông số phân tích: Hàm lượng chất hữu cơ, hệ số khô kiệt, thành phần cấp hạt và các nguyên tố kim loại nặng: Đồng (Cu), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Cadimi (Cd), Crom (Cr),... Đánh giá độ lặp lại của các phương pháp xác định các thông số phân tích trong phòng thí nghiệm tại một vị trí, xác định giá trị RSD%. Phân tích các thông số trong phòng thí nghiệm. - Đánh giá mức độ tích lũy hàm lượng kim loại (Cu, Pb, Cd, Zn, Cr,…) trong trầm tích sông Thái Bình đoạn chảy qua huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương thông qua chỉ số tích lũy địa chất Igeo. |
| 87 | Đại học chính quy | Xác định hàm lượng Poly diphenyl ete (PBDEs) trong mẫu bụi lắng trong nhà tại một số cơ sở tái chế nhựa trên địa bàn Thành phố Hà Nội | ĐH6M4 | Hoàng Thanh | Tâm | TS. Trịnh Thị Thắm | - Nghiên cứu và tổng quan tài liệu về các chất PBDEs và quy trình xử lý mẫu để phân tích PBDEs trong mẫu bụi; các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề nghiên cứu; - Tiến hành lấy mẫu tại hiện trường: lấy 10 mẫu bụi lắng tại các nhà xưởng sản xuất của làng nghề tái chế nhựa (5 mẫu ở làng triều khúc, 5 mẫu ở làng xà cầu) - Đánh giá độ tin cậy của quy trình xử lý mẫu bụi và phân tích PBDEs: xác định độ thu hồi và độ lặp lại của phương pháp phân tích PBDEs trong mẫu bụi, với độ thu hồi - Xử lý mẫu bụi và phân tích định lượng để xác điịnh PBDEs; - Đánh giá mức độ ô nhiễm PBDEs và đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe cộng đồng. |
| 88 | Đại học chính quy | Nghiên cứu tổng hợp chế phẩm oxy hóa phục vụ cho việc xử lý nước nuôi tôm vùng ven biển khu vực Thanh Hóa | ĐH6M4 | Trương Thị Khánh | Huyền | ThS. Phạm Phương Thảo | - Tổng quan các tài liệu về tình hình nghiên cứu chế tạo chế phẩm oxy hóa, ứng dụng để xử lý khử trùng nước nuôi trồng thủy hải sản;  - Nghiên cứu, khảo sát các điều kiện tới quá trình tổng hợp chế phẩm oxy hóa : Lựa chọn tỉ lệ hàm lượng các thành phần đơn phối liệu chế tạo chế phẩm oxy hóa để xử lý và khử trùng nước nuôi tôm - Thử nghiệm đánh giá khả năng làm sạch, khả năng khử trùng nước nuôi tôm ứng dụng để xử lý khử trùng nước nuôi tôm qua các chỉ tiêu cơ bản: COD, pH, độ đục, DO, PO43-, NH4+, Coliform. - So sánh, đánh giá hiệu quả của chế phẩm tổng hợp được với một số chế phẩm thương mại thực tế hiện nay trên thị trường. Ví dụ so sánh với Virkon - Bayer Đức. |
| 89 | Đại học chính quy | Nghiên cứu khả năng xử lý ion Cu2+ và Pb2+ trong nước của khoáng vật Halloysite | ĐH6M4 | Mai Thị | Lan | TS. Trịnh Thị Thủy | - Nghiện cứu về đặc trưng lý hóa của vật liệu tự nhiên : khảo sát hình thái cấu trúc và tính chất của vật liệu bằng các phương pháp như sử dụng kính hiển vi điện tử quét ( SEM) ; phương pháp nhiễu xạ Rơnghen X ( X- Ray) ; kính hiển vi điển tử truyền qua (TEM) - Đánh giá khả năng xử lý các ion Pb2+,Cu2+ trong nước của vật liệu. - Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xử lý các ion Pb2+,Cu2+ (dung lượng và hiệu suất hấp phụ) của vật liệu tự nhiên halloysite như: pH, thời gian hấp phụ, nồng độ ion kim loại nặng ban đầu, khối lượng chất hấp phụ và xây dựng các đường đẳng nhiệt hấp phụ kim loại nặng của vật liệu hạt hấp phụ chế tạo được, từ đó lựa chọn được điều kiện tối ưu để xử lý. |
| 90 | Đại học chính quy | Nghiên cứu khả năng xử lý ion Cd2+ và Zn2+ trong nước của khoáng vật Halloysite | ĐH6M4 | Phan Thị | Liễu | TS. Trịnh Thị Thủy | - Nghiện cứu về đặc trưng lý hóa của vật liệu tự nhiên : khảo sát hình thái cấu trúc và tính chất của vật liệu bằng các phương pháp như sử dụng kính hiển vi điện tử quét ( SEM) ; phương pháp nhiễu xạ Rơnghen X ( X- Ray) ; kính hiển vi điển tử truyền qua (TEM) - Đánh giá khả năng xử lý các ion Cd2+,Zn2+ trong nước của vật liệu. - Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xử lý các ion Cd2+,Zn2+ (dung lượng và hiệu suất hấp phụ) của vật liệu tự nhiên halloysite như: pH, thời gian hấp phụ, nồng độ ion kim loại nặng ban đầu, khối lượng chất hấp phụ và xây dựng các đường đẳng nhiệt hấp phụ kim loại nặng của vật liệu hạt hấp phụ chế tạo được, từ đó lựa chọn được điều kiện tối ưu để xử lý. |
| 91 | Đại học chính quy | Nghiên cứu, xác định hàm lượng một số kim loại nặng (Cd, Cu, Pb, Hg, As) trong vẹm (*Perna* sp.) tại đầm Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | ĐH6M4 | Đoàn Thị Trà | My | TS. Lê Thu Thủy | - Tìm hiểu, tổng hợp và phân tích tài liệu tổng quan về các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu - Xử lý mẫu động vật hai mảnh vỏ (mẫu sinh vật được kế thừa từ đề tài của TS. Lê Thu Thủy – Giảng viên Khoa Môi trường – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội).  -Phân tích, xác định hàm lượng cadimin (Cd), đồng (Cu), chì (Pb), thủy ngân (Hg), asen (As) có trong cơ chất của vẹm đang sinh trưởng, phát triển tại đầm Thị Nại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định trong đợt lấy mẫu tháng 03/2020, tại 8 vị trí bằng thiết bị phổ hấp thụ nguyên tử có ngọn lửa F-AAS, riêng As và Hg thực hiện phân tích trên ICP - So sánh kết quả phân tích được với một số tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định ở trong nước và quốc tế Đề xuất giả pháp bảo vệ môi trường |
| 92 | Đại học chính quy | Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ lá keo tai tượng (*Acacia mangium*) ứng dụng để xử lý phẩm màu azo trong nước | ĐH6M4 | Nguyễn Thị Kim | Phương | ThS. Phạm Phương Thảo | - Nghiên cứu tổng quan về: + Tổng quan về vật liệu: Than hoạt tính được chế tạo từ lá keo tai tượng. + Tổng quan về hiện trạng ô nhiễm phẩm màu trong nước.  - Chế tạo than hoạt tính từ lá keo tai tượng.  - Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế tạo vật liệu: Nhiệt độ nung, nồng độ axit.  - Phân tích cấu trúc thành phần của vật liệu : BET, IR, SEM-EDX, Xray.  - Khảo sát khả năng hấp phụ phẩm màu azo của vật liệu theo các điều kiện môi trường khác nhau: pH, thời gian cân bằng hấp phụ, nồng độ phẩm màu, dung lượng hấp phụ cực đại của vật liệu. |
| 93 | Đại học chính quy | Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ vỏ cà phê ứng dụng để xử lý phẩm màu azo trong nước | ĐH6M4 | Đào Thị Huyền | Trang | ThS. Phạm Phương Thảo | - Nghiên cứu tổng quan về: + Tổng quan về vật liệu : than hoạt tính được chế tạo từ vỏ cà phê + Tổng quan về hiện trạng ô nhiễm phẩm màu trong nước - Chế tạo than hoạt tính từ vỏ cà phê - Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tổng hợp vật liệu: nhiệt độ nung. - Phân tích cấu trúc thành phần của vật liệu : BET, IR, X-ray, SEM-EDX. -Khảo sát khả năng hấp phụ phẩm màu azo của vật liệu theo các điều kiện môi trường khác nhau: pH, thời gian cân bằng hấp phụ, nồng độ phẩm màu, dung lượng hấp phụ cực đại của vật liệu. - Đánh giá khả năng hấp phụ phẩm màu trong mẫu nước thải của vật liệu. |
| 94 | Đại học chính quy | Nghiên cứu tổng hợp chế phẩm oxy hóa phục vụ cho việc xử lý nước nuôi cá Chẽm (*Lates calcarifer*) vùng ven biển khu vực Thanh Hóa | ĐH6M4 | Đoàn Hồng | Hạnh | ThS. Phạm Phương Thảo | - Tổng quan các tài liệu về tình hình nghiên cứu chế tạo chế phẩm oxy hóa, ứng dụng để xử lý khử trùng nước nuôi trồng thủy hải sản. - Nghiên cứu, khảo sát các điều kiện tới quá trình tổng hợp chế phẩm oxy hóa (lựa chọn tỉ lệ hàm lượng các thành phần đơn phối liệu chế tạo chế phẩm oxy hóa để xử lý và khử trùng nước nuôi cá chẽm) - Thử nghiệm đánh giá khả năng ứng dụng để xử lý và khử trùng nước nuôi cá (khả năng làm sạch, khả năng khử trùng, các chỉ tiêu cơ bản: COD, pH, độ đục, DO, 〖PO〗\_4^(3-),….. ) - So sánh đánh giá hiệu quả của chế phẩm tổng hợp được với 1 số chế phẩm thực tế hiện nay trên thị trường ( Virkon-Bayer Đức ) |
| 95 | Đại học chính quy | Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá khả năng tạo phức của dimercaptosuccinic acid với kim loại As, Hg, Pb trong môi trường nước | ĐH6M4 | Nguyễn Thị Lan | Anh | TS. Nguyễn Thị Phương Mai | - Tổng quan tài liệu liên quan đến các việc tổng hợp và phân tích cấu trúc của dimercaptosuccinic acid; phương pháp đánh giá khả năng loại bỏ kim loại As, Hg, Pb ra khỏi môi trường nước của dimercaptosuccinic acid. - Nghiên cứu tổng hợp dimercaptosuccinic acid quy mô phòng thí nghiệm - Nghiên cứu đánh giá khả năng loại bỏ kim loại As, Hg, Pb ra khỏi môi trường nước của dimercaptosuccinic acid quy mô phòng thí nghiệm thông qua hiệu xuất xử lý |
| 96 | Đại học chính quy | Đánh giá mật độ của vi sinh vật trong không khí tại trường học trong điều kiện sử dụng vật liệu V2O5/TiO2 | ĐH6M4 | Cung Đức | Tài | TS. Nguyễn Thị Phương Mai | - Ứng dụng vật liệu V2O5/TIO2 trong xử lý vi sinh vật trong không khí, trước và sau khi đặt vật liệu vào máy lấy mẫu khí. - Đánh giá mật độ của Tổng VSV hiếu khí, Tổng nấm trong không khí trước và sau khi xử lý bằng vật liệu V2O5/TIO2 ở một số giảng đường tại Trường Đại học tài nguyên và Môi Trường Hà Nội. - So sánh sự thay đổi mật độ của Tổng VSV hiếu khí, Tổng nấm trong không khí khi xử lý ở từng vật liệu V2O5/TIO2 khác nhau. - Sử dụng tiêu chuẩn để Đánh giá mức độ sạch của không khí tại khu vực nghiên cứu. - Đề xuất một số giải pháp hạn chế mức độ nhiễm Tổng VSV hiếu khí, Tổng nấm tại khu vực nghiên cứu. |
| 97 | Đại học chính quy | Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn *Nitrobacter* sp trong nước thải chăn nuôi tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6M4 | Kim Thảo | Hương | TS. Nguyễn Thị Phương Mai | - Khảo sát hàm lượng nitrit trong nước thải chăn nuôi lợn tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. - phân lập các chủng VSV có khả năng phân giải nitrit trong nước thải chăn nuôi trên Môi Trường Winogradsky. - Tuyển chọn các VSV phân giải nitrit trên Môi Trường cơ chất đặc hiệu - quan sát hình thái và định danh các chủng vi sinh vật có khả năng phân giải nitrit - Đề xuất phương pháp xử lý Nitơ trong nước thải chăn nuôi lợn |
| 98 | Đại học chính quy | Phân lập và tuyển chọn các chủng vi sinh vật có hoạt tính enzyme từ nước sông Tô Lịch, thành phố Hà Nội | ĐH6M4 | Trần Thị Hồng | Mến | 1- TS. Nguyễn Thị Phương Mai 2- TS. Nguyễn Văn Hiếu | - Phân lập các chủng vi sinh vật từ nguồn nước sông Tô Lịch, thành phố Hà Nội. - Kiểm tra hoạt tính enzyme (amylase, protease, cellulase và photphatase) của các chủng vi sinh vật đã phân lập. - nghiên cứu các điều kiện ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật Tuyển chọn - quan sát qua đặc điểm hình thái của chủng vi sinh vật được Tuyển chọn. |
| 99 | Đại học chính quy | Nguyên cứu khả năng xử lý nước thải chăn nuôi lợn (sau biogass) của chủng vi khuẩn lam *Oscillatoria* sp | ĐH6M4 | Nguyễn Thị | Nhàn | TS. Nguyễn Thị Phương Mai | - Đánh giá thành phần và tính chất của nước thải chăn nuôi lợn (sau biogas) ở huyện Hoài Đức, Hà Nội. - Đánh giá ảnh hưởng của chất dinh dưỡng đến khả năng sinh trưởng và phát triển của chủng vi khuẩn lam Oscillatoria sp. - nghiên cứu ảnh hưởng của pH đến khả năng sinh trưởng và phát triển của chủng vi khuẩn lam Oscillatoria sp. - Đánh giá khả năng loại N, P của chủng vi khuẩn lam Oscillatoria sp ở các nồng độ nước thải khác nhau. - Đánh giá khả năng loại COD của chủng vi khuẩn lam Oscillatoria sp ở các nồng độ nước thải khác nhau. - Đưa ra một số giải pháp khắc phục giảm thiểu ô nhiễm Sử sụng vi khuẩn lam |
| 100 | Đại học chính quy | Phân lập và tuyển chọn nấm lớn có khả năng sinh tổng hợp enzim lacccaza từ gỗ mục và đề xuất biện pháp bảo tồn | ĐH6M4 | Tạ Thị Tuyết | Anh | TS. Lê Thanh Huyền | Đề tài khóa luận nghiên cứu sự phát triển của hệ sợi nấm ở các môi trường khác nhau là môi trường vô cơ và môi trường hữu cơ, đã chọn ra được môi trường tối ưu cho hệ sợi nấm phát triển đó là môi trường hữu cơ (MT CT 3), môi trường thích hợp cho việc lưu giữ giống là môi trường PGA (MT CT 2). - Tiến hành phân tích hình thái hệ sợi nấm sau khi nghiên cứu sự phát triển hệ sợi ở các môi trường khác nhau qua kính hiển vi, thì nhận diện, phân tích, đặc điểm hình thái hệ sợi của các mẫu nấm được cấy thuần trên các môi trường hữu cơ và môi trường vô cơ. Hệ sợi nấm đa phần là hình trụ, đường kính của các sợi đồng đều nhau. Mẫu nấm có kí hiệu XS19L003, XS19T005 hệ sợi có sự phân nhánh rõ; XS19T027 và LC hệ sợi chằng chịt khó nhìn ra sự phân nhánh của hệ sợi; các mẫu nấm còn lại HB19.01, HB19.06, HB19.08, XS19L013 hệ sợi không có sự phân nhánh. - Đánh giá khả năng sinh tổng hợp enzim laccaza của 8 mẫu nấm lớn, thì có 6 mẫu nấm lớn có khả năng sinh tổng hợp laccaza – có xuất hiện vòng oxy hóa axit tannic màu nâu đỏ, đó là các mẫu nấm HB19.01, HB19.06, HB19.08, XS19L003, XS19L013, XS19T005, XS19T027, LC. Mẫu nấm lớn XS19L003 sinh tổng hợp enzim laccaza mạnh nhất. Cụ thể như sau: • Mẫu nấm lớn HB19.01: Sau 5 ngày, đường kính vòng oxy hóa axit tannic là 32mm. • Mẫu nấm lớn XS19L013: Sau 5 ngày, đường kính vòng sinh laccaza là 56mm. • Mẫu nấm lớn XS19T005: Sau 3 ngày cấy, vòng màu nâu đỏ - thể hiện khả năng sinh lacccase kín bề mặt đĩa. • Mẫu nấm lớn LC: Sau 5 ngày cấy, đường kính vòng sinh enzim laccaza là 35mm. • Mẫu nấm lớn XS19L003: Sau 3 ngày cấy, vòng oxy hóa axit tannic – màu nâu đỏ kín bề mặt đĩa. - Định danh được 8 loài nghiên cứu bằng giải trình tự AND đó là các loài: Trametes elegans (HB19.01), Fomitopsis sp. (HB19.06), Fomitopsis ostreiformis (HB19.08); Lentinus sajor-caju (XS19T005, XS19L003, XS19L013); Marasmmius sp. (XS19T027); Ganoderma fulvellum (LC) |
| **Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường** | | | | | | | | |
| 1 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6QM1 | Bùi Thanh | Huyền | ThS. Nguyễn Thành Trung | - Đã tiến hành quan trắc, lấy mẫu 1 đợt tại 10 vị trí trên đoạn sông Đáy chảy qua huyện Hoài Đức và phân tích được 17 chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước mặt cơ bản, bao gồm: pH; nhiệt độ; độ đục; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); (DO), (COD), (BOD5), N-NH4+, N-NO3-, N-NO2-, P-PO43-; (Cl-); tổng sắt (Fe); chì (Pb); đồng (Cu), kẽm (Zn) và mật độ Coliform tổng số trong nước. - Đề tài đã tiến hành lập biểu đồ và so sánh đánh giá kết quả các chỉ tiêu với giá trị quy định trong QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT , KQ cho thấy có 9/17 chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép của toàn bộ các điểm lấy mẫu, bao gồm: pH, DO, N-NO3-, Cl-, tổng sắt (Fe), chì (Pb); đồng (Cu), kẽm ( - -Zn) và Coliform. Có 6/17 chỉ tiêu vượt quy chuẩn cột B1, cụ thể: TSS (vượt ở 8 vị trí), COD (vượt ở 7 vị trí), BOD5 (vượt ở 6 vị trí), N-NH4+ (vượt ở 1 vị trí), N-NO2- (vượt ở 10 vị trí) và chỉ tiêu P-PO43- (vượt ở 9 vị trí). - Đã tiến hành lập biểu đồ đánh giá chất lượng nước sông Đáy theo chỉ số WQI và vẽ bản đồ phân vùng chất lượng nước theo giá trị WQI tính toán được. - Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ và cải thiện chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua khu vực huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. |
| 2 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt (ao/hồ) tại một số phường thuộc quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020 | ĐH6QM1 | Nguyễn Lê Kim | Ngân | TS. Lưu Văn Huyền |  |
| 3 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại chi nhánh Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola Việt Nam, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Lê Ngọc | Bích | TS. Nguyễn Mai Lan | - Đánh giá hiện trạng thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội. - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại chi nhánh đối với 3 thủ tục: + Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất nước giải khát Coca-Cola từ 511 triệu lít/năm lên 711 triệu lít/năm”. + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. + Báo cáo giám sát môi trường định kỳ. - Đề xuất các biện pháp hoàn thiện và duy trì các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội |
| 4 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất gạch ốp lát cao cấp Tâm Vân tại xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6QM1 | Lê Thúy | Hiền | TS. Vũ Văn Doanh | - Tìm hiểu về hoạt động sản xuất của nhà máy sản xuất gạch ốp lát cao cấp Tâm Vân - Tìm hiểu các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường mà công ty phải thực hiện. - Tiến hành khảo sát hiện trạng công tác quản lý môi trường của nhà máy sản xuất gạch ốp lát cao cấp Tâm Vân. - Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo về môi trường đã thực hiện tại nhà máy đối với 3 thủ tục: báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo giám sát môi trường định kì, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.  - Đề xuất giải pháp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến môi trường. |
| 5 | Đại học chính quy | Kiểm kê phát thải của hoạt động tái chế nhựa tại làng nghề Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Vũ Ngọc | Trang | ThS. Tạ Thị Yến | - Tìm hiểu hiện H114 quy trình thu gom và tái chế nhựa tại làng nghề Triều Khúc.  - Định lượng nguyên nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất.  - Kiểm kê và đánh giá sự phát thải của hoạt động tái chế nhựa tại Triều Khúc. - Đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu chất thải trong hoạt động sản xuât tại làng nghề Triều Khúc |
| 6 | Đại học chính quy | Kiểm kê phát thải của hoạt động tái chế giấy tại làng nghề giấy Phong Khê, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh | ĐH6QM1 | Nguyễn Anh | Tú | ThS. Tạ Thị Yến | - Tìm hiểu hiện trạng, quy trình thu gom và tái chế giấy tại làng nghề Phong Khê.  - Định lượng nguyên nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất.  - Kiểm kê và đánh giá sự phát thải của hoạt động tái chế giấy tại Phong Khê  - Đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu chất thải trong hoạt động sản xuât tại làng nghề Phong Khê |
| 7 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng phát sinh chất thải nhựa của người dân trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất giải pháp giảm thiểu tiếp cận theo mô hình kinh tế tuần hoàn | ĐH6QM1 | Trịnh Thị Minh | Trang | TS. Hoàng Thị Huê TS. Nguyễn Hoàng Nam | Thứ nhất, đánh giá hiện trạng phát sinh chất thải nhựa tại huyện Thọ Xuân. Thứ hai, đánh giá nhận thức của người dân về hiện trạng phát sinh chất thải nhựa và hướng tiếp cận nền kinh tế tuần hoàn Thứ ba, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải nhựa tại huyện Thọ Xuân. Thứ tư, đề xuất giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu chất thải nhựa theo hướng tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn. |
| 8 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng phát sinh và đề xuất giải pháp quản lý rác thải nhựa hiệu quả tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng | ĐH6QM1 | Trần Thu | Hiền | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | 1) The current state of PTW generation at rubbish gathering sites in Cat Ba town, Cat Hai District, Hai Phong City. 2) The current state of the collecting, processing, recycling and reusing procedures of scrap purchasing households and local environmental workers in Cat Ba Town, Cat Hai District, Hai Phong City. 3) Large scale evaluation of the collecting, processing and managing procedures of PW in Cat Ba Town, Cat Hai District, Hai Phong City.  4) Assessment of people's knowledge and awareness of PW, focused on scrap purchasing households, local environmental workers, and local environmental officers.  5) Proposal of solutions to effectively reduce emissions and improve PW management in the studied area. |
| 9 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng phát sinh và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả rác thải nhựa tại quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng | ĐH6QM1 | Nguyễn Công | Sơn | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | 1. Assessing the actual situation of plastic waste generation in Le Chan district, Hai Phong city. 2. Assessing the plastic waste management currently employed by Le Chan district.  3. Assessing local people’s awareness on plastic waste. 4. Proposing solutions on improving the efficiency of plastic waste management. |
| 10 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc | ĐH6QM1 | Bùi Thu | Hà | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | 1. Đánh giá hiện trạng sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc 2. Đánh giá nhận thức của người dân về ảnh hưởng của hóa chất BVTV đối với sức khỏe con người 3. Đánh giá công tác quản lý của địa phương về hóa chất BVTV 4. Đề xuất biện pháp quản lý, giảm thiểu sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV sau sử dụng trên địa bàn xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc |
| 11 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hoá chất bảo vệ thực vật tại xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La | ĐH6QM1 | Cù Thị Phương | Thảo | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | 1. Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV tại xã Hoàng Lâu 2. Đánh giá hiện trạng công tác thu gom, xử lý hóa chất BVTV 3. Đánh giá nhận thức của người dân trong việc sử dụng thải bỏ hóa chất hóa chất BVTV và ảnh hưởng của hoá chất BVTV đến môi trường và sức khoẻ 4. Đề xuất, biện pháp giảm thiểu sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV |
| 12 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh | ĐH6QM1 | Đặng Thị Thu | Huệ | TS. Vũ Văn Doanh | - Tổng quan các văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường mà công ty phải tuân thủ. - Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường gồm các thủ tục: + Báo cáo đánh giá tác động môi trường; + Giấy phép xả thải vào nguồn nước; + Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại; + Báo cáo giám sát môi trường định kì. - Đề xuất giải pháp để duy trì, bổ sung và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của Công ty trong thời gian tới. |
| 13 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Vietnergy, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Phan Thị Phương | Linh | ThS. Nguyễn Hà Linh | - Tổng quan hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến môi trường mà công ty cần tuân thủ - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Vietnergy - Đề xuất các giải pháp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lí môi trường của công ty TNHH Vietnergy trong thời gian tới |
| 14 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Panasonic System Networks Việt Nam, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Nguyễn Thị Khánh | Ly | ThS. Nguyễn Hà Linh | Đề tài đã nghiên cứu các cơ sở pháp lý, hệ thống văn bản pháp lý về bảo vệ môi trường mà Công ty TNHH Panasonic System Networks Việt Nam cần tuân thủ; Đánh giá hiện trạng công tác bảo vệ môi trường của Công ty; Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Panasonic System Networks Việt Nam đối với các thủ tục sau: Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Sổ đăng kí chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Báo cáo giám sát môi trường định kỳ và đề xuất các giải pháp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của Công ty |
| 15 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH MTV Seyang Corporation Việt Nam, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam | ĐH6QM1 | Hoàng Thị Như | Quỳnh | ThS. Lê Đắc Trường | Nghiên cứu các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường mà công ty - Nghiên cứu thực trạng tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại công ty. - Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại công ty - Đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại công ty. Công ty TNHH MTV Seyang Corporation Việt Nam, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam |
| 16 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần sông Đà Cao Cường, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương | ĐH6QM1 | Nguyễn Thanh | Thảo | TS. Vũ Văn Doanh | - Kế thừa, thu thập các thông tin tài liệu liên quan đến Công ty về lịch sử hình thành phát triển, loại hình sản xuất; các hồ sơ môi trường; các văn bản pháp lý liên quan đến BVMT mà Công ty cần tuân thủ. - Khảo sát hiện trạng việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT của Công ty như các biện pháp giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường, công tác thực hiện an toàn về Phòng cháy chữa cháy... - Dựa trên những tài liệu kế thừa và những thông tin thực tế thu thập trong quá trình điều tra khảo sát để đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty. - Đề xuất các giải pháp nhằm duy trì và hoàn thiện việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT cho Công ty, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường. |
| 17 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ phần Pin Hà Nội, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Nguyễn Ngọc | Anh | PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 1. Tìm hiểu, đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường, quy trình sản xuất của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội 2. Đánh giá sự tuân thủ 4 thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường đã thực hiện tại Công ty Cổ phần Pin Hà Nội 3. Đề xuất giải pháp duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến môi trường nhằm |
| 18 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình | ĐH6QM1 | Trịnh Thị Quỳnh | Giang | PGS.TS. Vũ Thanh Ca | 1) Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện Quỳnh Phụ; 2) Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng chất thải rắn của huyện Quỳnh Phụ bao gồm chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, nông nghiệp, chất thải xây dựng và chất thải y tế, cụ thể:  - Thu thập số liệu, tính toán, ước tính khối lượng từng loại chất thải phát sinh trong năm;  - Khảo sát hiện trường, lấy mẫu phân tích, thống kê các thành phần của từng loại chất thải rắn tại một số khu vực điển hình trong huyện;  - Điều tra, phỏng vấn người dân nhận thức về vấn đề bảo vệ môi trường, thực trạng môi trường hiện nay cũng như cách thức xử lý chất thải của từng hộ dân; 3)Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ bao gồm:   - Cơ cấu tổ chức và nguồn lực quản lý;  - Công tác triển khai, thi hành các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chất thải rắn của huyện;  - Công tác chỉ đạo thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện; 4)Dự báo diễn biến phát sinh chất thải rắn giai đoạn 2020 - 2025: Dựa vào thực trạng hiện nay và tốc độ gia tăng dân số, tốc độ phát triển kinh tế- xã hội của toàn huyện để đưa ra dự báo trong các năm tới. 5)Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn của huyện. |
| 19 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Hoàng Thị Thuỳ | Linh | ThS. Nguyễn Hà Linh | Đề tài đã đánh giá được hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật của người dân xã Phương Trung đồng thời đánh giá được nhận thức của người dân về việc sử dụng và thải bỏ an toàn hóa chất BVT; Hiện trạng công tác quản lý hóa chất bảo vệ thực vật và đề xuất các giải pháp sử dụng và thải bỏ an toàn hóa chất bảo vệ thực vật |
| 20 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Đa khoa Đông Anh, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Ngô Thu | Trang | PGS.TS. Vũ Thanh Ca | - Điều tra khảo sát hiện trường, thu thập thông tin, thống kê, phân tích số liệu về chất thải rắn y tế và quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa Đông Anh: + Nguồn phát sinh chất thải rắn y tế; + Lượng chất thải rắn y tế; + Thành phần chất thải rắn y tế; + Phân loại chất thải rắn y tế; + Ảnh hưởng của chất thải rắn y tế đến môi trường và sức khỏe con người. - Phân tích, đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế và quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện Đa khoa Đông Anh, Hà Nội: + Hệ thống quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện; + Nguồn phát sinh chất thải rắn y tế; + Quá trình thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải; + Quá trình vận chuyển và xử lý chất thải; + Nhận thức về quản lý chất thải y tế của cán bộ, y bác sĩ tại bệnh viện. - Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng hiệu quả cao công tác quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện Đa khoa Đông Anh: + Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn y  + Giải pháp nâng cao nhận thức của cán bộ, y bác sĩ tại bệnh viện đối với vấn đề quản lý chất thải rắn y tế. |
| 21 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng phát sinh và đề xuất giải pháp quản lý chất thải nguy hại phù hợp tại thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá | ĐH6QM1 | Nguyễn Nam | Tuấn | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | 1. Đánh giá hiện trạng CTNH tại hộ gia đình, bệnh viện, KCN Lễ Môn 2. Đánh giá việc quản lý CTNH tại hộ gia đình, bệnh viện, KCN Lễ Môn 3. Đề xuất, biện pháp quản lý CTNH tại hộ gia đình, bệnh viện, KCN Lễ Môn |
| 22 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng không khí do các phương tiện giao thông tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất biện pháp giảm thiểu | ĐH6QM1 | Nguyễn Quang | Thắng | ThS. Phạm Thị Hồng Phương | - Khảo sát hiện trạng chất lượng không khí tại Thành phố Cẩm Phả (sử dụng máy đo Air Beam 2 – Máy đo cầm tay của Mỹ).  - Xác định các nút giao thông chính trên bản đồ.  - Nghiên cứu xác định loại và lượng phương tiện giao thông phổ biến tại 04 nút giao thông trọng điểm khu vực Thành phố Cẩm Phả: nút giao giữa đường Trong và đường Ngoài ở cuối thành phố tuyến Cửa Ông – Cẩm Phả, nút giao đầu giữa đường Trong và đường Ngoài ở đầu tuyến Cửa Ông – Cẩm Phả, tuyến đường Trong, tuyến đường Ngoài.  - Đánh giá được các tác động của hoạt động giao thông đến chất lượng.  - Đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông tại Thành phố Cẩm Phả, Thành phố Cẩm Phả. |
| 23 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa thành phần cơ giới của đất với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng hỗn giao trồng ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình | ĐH6QM1 | Hoàng Thị Diệp | Ngọc | ThS.Lê Đắc Trường | - Nghiên cứu một số đặc điểm cấu trúc của rừng hỗn giao trồng ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình: Mật độ cây rừng, đường kính thân cây và chiều cao cây.  - Nghiên cứu đặc điểm thành phần cơ giới đất của rừng hỗn giao trồng ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.  - Xác định mối quan hệ giữa thành phần cơ giới của đất với đặc điểm sinh trưởng của rừng hỗn giao trồng ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.  - Đề xuất giải giáp quản lý, bảo vệ rừng hỗn giao trồng ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. |
| 24 | Đại học chính quy | Đánh giá nhận thức và hành vi tiêu dùng xanh của người dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Vũ Minh | Anh | ThS. Mai Hương Lam | - Phân tích đặc điểm của đối tượng trong phạm vi khảo sát; - Đánh giá thực trạng hành vi và thói quen tiêu dùng của người dân tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; - Đề xuất các giải pháp cụ thể hướng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. |
| 25 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng phát sinh và nhận thức của cộng đồng về rác thải nhựa tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | ĐH6QM1 | Vũ Thị Kim | Chung | ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương | Khóa luận đã đánh giá về hiện trạng phát sinh và quản lý rác thải nhựa của người dân tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đánh giá được nhận thức cộng đồng về rác thải nhựa. Đòng thời nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức cộng đồng về rác thải nhựa và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định hạn chế rác thải nhựa. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng về hạn chế rác thải nhựa. |
| 26 | Đại học chính quy | Đánh giá việc duy trì và hoàn thiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định | ĐH6QM1 | Trần Thị Bích | Phương | ThS. Nguyễn Bích Ngọc | - Đánh giá việc duy trì và hoàn thiện các nội dung thuộc tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới của xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định - Đánh giá nhận thức người dân trong việc duy trì và hoàn thiện các tiêu trí môi trường trong chương trình nông thôn mới - Đánh giá hiệu quả công tác quản lý môi trường của cơ quan quản lý thực hiện tiêu chí về môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc duy trì và hoàn thiện các tiêu chí môi trường trong đề án nông thôn mới tại xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định |
| 27 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa thành phần cơ giới của đất với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng bần chua (*Sonneratia caseolaris*) trồng ven biển huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. | ĐH6QM1 | Trương Quang | Thịnh | PGS.TS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 1. Nghiên cứu một số đặc điểm cấu trúc của rừng ngập mặn thuần Bần chua tại khu vực huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình: Mật độ cây rừng, đường kính thân cây và chiều cao cây. 2. Nghiên cứu đặc điểm thành phần cơ giới đất ở rừng ngập mặn thuần Bần chua tại khu vực huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. 3. Xác định mối quan hệ giữa thực vật ngập mặn ở rừng ngập mặn thuần Bần chua với thành phần cơ giới đất tại khu vực huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. |
| 28 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa nhiệt đô, lượng mưa với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng trang (*Kandelia obovata*) trồng ven biển đồng bằng Bắc Bộ | ĐH6QM1 | Trịnh Thị Huyền | Trang | PGS.TS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 1. Nghiên cứu đặc điểm khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa) khu vực ven biển Đồng bằng Bắc Bộ. 2. Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng của rừng trang (Kandelia obovata) khu vực ven biển Đồng bằng Bắc Bộ 3. Đánh giá được mối quan hệ giữa nhiệt độ và lượng mưa với đặc điểm sinh trưởng của rừng Trang trồng ven biển đồng bằng Bắc Bộ |
| 29 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đa dạng hình thái của nấm Linh Chi *(Ganoderma)* tại Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình và Khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng, tỉnh Thái Nguyên | ĐH6QM1 | Nguyễn Mỹ | Linh | TS. Lê Thanh Huyền PGS.TS. Phạm Đình Sắc | Đề tài khóa luận đã thu thập được tổng số 193 mẫu nấm, 13 mẫu nấm Linh Chi tại cả 2 khu vực nghiên cứu, trong đó Khu BTTN Thượng Tiến có 9 mẫu, Khu BTTN Thần Sa – Phượng Hoàng có 4 mẫu.  - Nắm được các đặc điểm hình thái cũng như điều kiện sinh trưởng của các mẫu nấm Linh Chi tại 2 khu vực nghiên cứu. Các điều kiện sinh thái cũng tác động tới khả năng phát triển các loài thuộc chi Ganoderma. Rút ra kết luận độ cao từ 200- 800m so với mực nước biển là độ cao mà nấm Linh Chi phát triển tốt nhất. Khu vực thấp hơn có nhiệt độ cao, độ ẩm thấp không thích hợp cho sự phát triển của các loài trong chi Ganoderma. - Đánh giá được các tác động của điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội và con người lên đặc điểm hình thái chi nấm Linh Chi của 2 khu vực nghiên cứu. Không ghi nhận sự lặp mẫu ở khu vực nghiên cứu, giữa 2 KBT có duy nhất 1 trường hợp lặp mẫu. Sự khác biệt này là do tác động của yếu tố điều kiện tự nhiên và các tác nhân ngoại cảnh gây ô nhiễm môi trường và phá hủy cảnh quan. - Phân tích mẫu Linh Chi thu thập được: nắm được các thông tin về mẫu nấm (ảnh chụp, xử lý mẫu, bảo quản mẫu, kết quả hiển vi), đưa ra được kết luận của các yếu tố ngoại cảnh tác động lên hình thái từng loài. Xây dựng được sơ đồ phân bố các loài Ganoderma tại khu vực dựa trên các yếu tố sinh cảnh và nhiệt độ, độ ẩm. - Phân loại và định danh được đến loài các mẫu nấm Linh Chi lần lượt là: Ganoderma fulvellum, Ganoderma applanatum, Ganoderma mastoporum, Ganoderma australe. Phân tích được đặc điểm phân bố của từng loài.  - Đề xuất được biện pháp bảo tồn phù hợp với từng KBT với những loài quý hiếm và có giá trị dược liệu |
| 30 | Đại học chính quy | Nghiên cứu sự phân bố của chi Nấm Lỗ (*Polyporus*) tại khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa Phượng Hoàng, tỉnh Thái Nguyên | ĐH6QM1 | Nguyễn Thành | Long | TS. Lê Thanh Huyền | Khóa luận “Nghiên cứu sự phân bố của chi Nấm Lỗ (Polyporus) tại khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa Phượng Hoàng,tỉnh Thái Nguyên”, đã thu được tổng cộng 87 mẫu nấm, trong đó có 13 mẫu thuộc chi Polyporus bao gồm 6 loài. Định danh 6 loài lần lượt là: Polyporus badius, Polyporus Grammocephalus, Polyporus leptocephalus, Polyporus varius, Polyporus xanthopus, và Polyporus sp.. Thông qua quá trình khảo sát, nhận thấy sự phong phú của các loài thuộc chi Polyporus là cao, tuy vậy nếu xét về độ lặp mẫu thì lại rất thấp. Độ thường gặp cao nhất là 2 loài Polyporus varius (30,76%) và Polyporus xanthopus (23,07%). Các loài còn lại độ thường gặp dao động từ 7% - 15%. Qua các thống kê, có thể thấy chi nấm Polyporus xuất hiện rải rác dọc đường thu mẫu chứng tỏ đây là chi nấm có khả năng sinh trưởng cao, có thể sống với nhiều kiểu thời tiết, phát triển mạnh nhất trên các thân gỗ mục trong điều kiện không khí ẩm. Các đặc điểm sinh thái của các dạng sinh cảnh cũng ảnh hưởng nhiều tới khả năng phát triển của các loài nấm thuộc chi Polyporus. Có thể thấy, điều kiện ở độ cao 150 - 285m so với mực nước biển là độ cao mà chi Polyporus phát triển tốt nhất. Khu vực ở thấp hơn 150m thường ít xuất hiện nấm chi Polyporus. Vì các khu vực này chủ yếu là địa hình dốc đá, không có sự phát triển của các cây thân gỗ - giá thể hoàn hảo của nấm. Đề tài cũng đã xây dựng thành công bản đồ số đối với chi nấm Polyporus tại khu vực, mở ra tương lai có thể phát triển bản đồ số sinh thái học. Hiện trạng quản lý, bảo tồn chi nấm Polyporus (nói riêng) và nấm lớn (nói chung) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa- Phượng Hoàng chưa được quan tâm đúng mực. Chưa có một tài liệu nghiên cứu nào về các thành phần nấm tại khu vực, do đó kết quả khóa luận của em là tài liệu đầu tiên nghiên cứu đối tượng các loài thuộc chi nấm Polyporus ở khu vực này. Đề tài bổ sung thêm dữ liệu về các loài thuộc chi nấm Polyporus phục vụ cho việc bổ sung vào danh lục các loài nấm của Việt Nam, bên cạnh đó đặt trong bối cảnh những tiềm năng to lớn mà nấm lớn có thể mang lại. |
| 31 | Đại học chính quy | Xác định thành phần loài của chi nấm Polyporus tại khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình | ĐH6QM1 | Nguyễn Ngọc | Mai | TS. Lê Thanh Huyền | Đề tài nghiên cứu tại Khu BTTN Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình, thu được 105 mẫu nấm. Trong đó có 21 mẫu nấm thuộc chi nấm Polyporus thuộc 11 loài khác nhau. Sau quá trình phân tích em đã xác định được tên khoa học của 6 loài, bao gồm các loài: Polyporus aff. badius, Polyporus aff. squamosus, Polyporus aff. pinicola, Polyporus aff. arcularius, Polyporus aff. versicolor, Polyporus aff. perennis. Có 5 loài chưa phân loại được để tên là Polyporus sp.1, Polyporus sp.2, Polyporus sp.3, Polyporus sp.4 và Polyporus sp.5. Về độ phong phú của loài trong khu vực nghiên cứu: các loài thuộc chi Polyporus đều có độ phong phú thấp (dưới 4%). Trong đó loài Polyporus aff. arcularius có độ phong phú cao nhất là 3,81 %, được bắt gặp 4 lần trong hai đợt đi thu mẫu. Về phân bố chi nấm Polyporus phân bố chủ yếu tại sinh cảnh Rừng TXLR trên núi đất và sinh cảnh rừng nửa rụng lá ẩm nhiệt đới. Xuất hiện rất ít tại sinh cảnh trảng cỏ và cây bụi. Về hiện trạng bảo tồn đa dạng sinh học nấm lớn nói chung và chi nấm Polyporus nói riêng tại Khu BTTN Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình còn chưa được chú trọng, chưa có các biện pháp cụ thể và phù hợp. Hoạt động chính gây ảnh hưởng tới đa dạng sinh học nấm là hoạt động sinh hoạt, đặc biệt là hoạt động chăn thả gia súc bừa và khai thác củi đốt của người dân.  Trong đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển chi nấm Polyporus tại Khu bảo tồn. Trong đó, quan trọng nhất là việc công bố các quy định cụ thể về khai thác nấm và nâng cao đời sống cho người dân khu vực lõi và khu vực đệm |
| 32 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020 - 2030 | ĐH6QM2 | Trần Thị Thu | Hà | TS. Lê Ngọc Thuấn | Tính toán 2 phương án quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Phương án 1: Tiến hành thu gom riêng biệt chất thải rắn hữu cơ và chất thải rắn vô cơ bằng xe đẩy tay 480 lít (406 xe và 378 xe), sử dụng xe ép rác 9 m3 (10 xe) để thu gom. Kết hợp khu xử lý hợp vệ sinh gồm khu ủ Compost và bãi chôn lấp với tổng chi phí: 134.541,37 triệu đồng Phương án 2: Tiến hành thu gom chất thải rắn không phân loại bằng xe đẩy tay 660 lít (626 xe) và sử dụng xe ép rác 15 m3 (6 xe) để thu gom. Kết hợp bãi chôn lấp hợp vệ sinh với tổng chi phí: 116.382,60 triệu đồng - Đề xuất công nghệ xử lý nước rỉ rác - 6 Bản vẽ: tuyến thu gom, nhà ủ rác, mặt bằng khu vực xử lý, hố chôn lấp |
| 33 | Đại học chính quy | Nghiên cứu sử dụng cây khoai nước (C*olocasia esculenta*) trong bãi lọc trồng cây nhân tạo để xử lý nước thải làng nghề bún Đa Mai, tỉnh Bắc Giang | ĐH6QM2 | Nguyễn Thảo | Nguyên | TS. Vũ Thị Mai | Sử dụng TVTS trong xử lý ô nhiễm nước thải cần làm rõ hai yếu tố chính: khả năng thích nghi của loài TVTS với điều kiện môi trường ứng dụng (bao gồm điều kiện môi trường xung quanh và đặc tính nước thải); khả năng loại bỏ các chất ô nhiễm đặc thù trong nước thải được xử lý. Khoai nước là loài có khả năng thích nghi cao với điều kiện khí hậu, môi trường tại Việt Nam. Để xác định tiềm năng ứng dụng của Khoai nước trong xử lý nước thải làng nghề bún phụ thuộc vào khả năng thích nghi với nồng độ chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải làng nghề bún (pH, COD, NH4+) và khả năng xử lý chất ô nhiễm (pH, TSS, COD, TN, TP, NH4+). Ngoài ra, để ứng dụng các mô hình. Đối với nước thải làng nghề bún có đặc tính pH thấp, giàu chất hữu cơ và dinh dưỡng đòi hỏi cần lựa chọn loài TVTS phù hợp. Kết quả thí nghiệm cho thấy Khoai nước là loài cây sinh trưởng tốt có khả năng chống chịu với nồng độ ô nhiễm cao. Ở khoảng pH từ 5-8 sinh khối đều tăng ở các thí nghiệm, tuy nhiên khoảng pH lý tưởng cho sự phát triển của Khoai nước là từ 6 – 7, cây cho sinh khối cao nhất. Khả năng chống chịu COD cao, cây vẫn sinh trưởng tốt trong môi trường có nồng độ COD 1500 mg/l. Phù hợp ứng dụng trong xử lý nước thải làng nghề bún có nồng độ COD cao (COD = 1191,52 ± 88,02 mg/l). Trong ngưỡng N-NH4+ từ 50 mg/l đến 250 mg/l đều ghi nhận sự sinh trưởng của cây. Hiệu quả xử lý COD, tổng N, NH4+ của Khoai nước tương đối cao, sau 7 ngày hiệu suất xử lý COD đạt 88,02%, hiệu suất xử lý NH4+ đạt 88,97 %, hiệu suất xử lý tổng N đạt 79,94 %. Hiệu quả xử lý tổng P của Khoai nước đạt 81,36%. Đối với TSS và pH, hiệu quả xử lý của 2 thí nghiệm là tương đối cao (TSS đạt 70,42 %, pH đạt môi trường trung tính dao động 6,92~7,26) và chênh lệch không nhiều (giữa thí nghiệm có trồng cây khoai nước và mẫu đối chứng không trồng cây khoai nước), hiệu suất xử lý chủ yếu nhờ vào vật liệu lọc. Ngoài ra, thời gian lưu lý tưởng để loại bỏ chất ô nhiễm của Khoai nước là 7 ngày. Hiệu suất xử lý các chỉ số ô nhiễm đạt kết quả cao, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 40-MT:2011/BTNMT cột B. |
| 34 | Đại học chính quy | Đề xuất các giải pháp sản xuất sạch hơn cho Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam, Cụm công nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương | ĐH6QM2 | Đỗ Thị Thúy | Nga | TS. Vũ Thị Mai | Bể hiếu khí MBBRQua quá trình tìm hiểu, phân tích, đánh giá sản xuất sạch hơn cho Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam, khóa luận đưa ra một số kết luận sau: Tìm hiểu được công nghệ sản xuất, các nguyên liệu, nhiên liệu đưa vào của nhà máy.Đã hoàn thành quy trình đánh giá sản xuất sạch hơn cho công ty với 27 giải pháp sản sạch hơn. Trong đó có 9 giải pháp có thể thực hiện ngay. Nhìn chung các giải pháp SXSH được đề xuất để áp dụng cho nhà máy đều mang lại lợi ích về kinh tế, kỹ thuật và môi trường cho nhà máy. Trong số các giải pháp khả thi về mặt kinh tế. Tổng chi phí đầu tư là 73,670,000 vnđ và tổng chi phí lợi ích trong 1 năm là 7,336,000,000 vnđ. Vì vậy, việc áp dụng SXSH vào nhà máy là điều cần thiết. Điều này sẽ giúp nhà máy hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, tạo một thương hiệu sạch góp phần nâng cao uy tín của nhà máy trong thị trường sản xuất nhựa nguyên sinh trong và ngoài nước |
| 35 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6QM2 | Hoàng Thị Minh | Nguyệt | ThS. Đỗ Thị Hiền | Đề tài thực hiện lấy mẫu tại 10 vị trí của sông Đầm Hà và xác định các chỉ tiêu chất lượng nước mặt cơ bản như: nhiệt độ, pH, DO, độ đục, BOD7, TSS, NO2-, COD, Cl-, NH4+, PO43-, NO3-, kim loại nặng (Cu, Pb) và tổng Coliform. Kết quả phân tích so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A2 cho thấy 4/11 thông số vượt quy chuẩn cho phép. Cụ thể TSS tại 9/10 vị trí quan trắc vượt quy chuẩn, NO2- tại 5/10 vị trí vượt quy chuẩn. COD và Pb tại 5/10 và 3/10 vị trí vượt giới hạn của quy chuẩn cho phép. Giá trị WQI tại 05 điểm NM1, NM2, NM3, NM4, NM5 đều trên 91 (Chất lượng rất tốt – Màu xanh nước biển) phù hợp sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Tại các vị trí NM6 và NM8 giá trị WQI tính toán được là 76 và 77 (Chất lượng nước tốt – Màu xanh lá cây) phù hợp sự dụng cho các mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp. Các vị trí còn lại NM7, NM9 và NM10 có giá trị WQI tính được là 69,70 và 61 (Chất lượng nước trung bình – Màu vàng) phù hợp sử dụng cho các mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương. |
| 36 | Đại học chính quy | Đánh giá khả năng xử lý nước hồ bơi bằng phương pháp sử dụng chất keo tụ poly aluminium chloride silicate | ĐH6QM2 | Hoàng Thị | Dung | 1-ThS. Trịnh Kim Yến 2-ThS. Lê Văn Nhân | - Nghiên cứu khả năng xử lý một số thông số hóa lý: pH, độ đục, Cl-, NH4+; độ cứng Canxi; tổng Fe trong nước hồ bơi của chất keo tụ PASiC. - Đánh giá hiệu quả xử lý các chỉ tiêu của PASiC so với một số chất keo tụ truyền thống nhôm sunfat và sắt (II) sunfat. - Xác định lượng chất keo tụ poly aluminium chloride silicate tối ưu cho xử lý nước bằng thí nghiệm Jartest. |
| 37 | Đại học chính quy | Nghiên cứu các điều kiện sinh trưởng của vi tảo *Chlorella vulgaris* đến khả năng xử lý COD và tổng photpho trong nước thải sinh hoạt quy mô phòng thí nghiệm | ĐH6QM2 | Vũ Trà | Giang | TS. Nguyễn Thị Phương Mai | - Đánh giá ảnh hưởng của pH đến khả năng sinh trưởng và xử lý COD, tổng photpho trong nước thải sinh hoạt của vi tảo Chlorella vulgaris. - Đánh giá ảnh hưởng của mật độ tảo ban đầu đến khả năng sinh trưởng và xử lý COD, tổng photpho trong nước thải sinh hoạt của vi tảo Chlorella vulgaris. - Đánh giá ảnh hưởng của nồng độ nước thải đến khả năng sinh trưởng và xử lý COD, tổng photpho trong nước thải sinh hoạt của vi tảo Chlorella vulgaris. - Đưa ra một số giải pháp khắc phục giảm thiểu ô nhiễm COD và tổng photpho của vi tảo Chlorella vulgaris trong nước thải sinh hoạt. |
| 38 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ phần Thành Nông, tỉnh Thanh Hóa | ĐH6QM2 | Cao Thị Huyền | Trang | ThS. Phạm Thị Hồng Phương | • Nghiên cứu các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường mà công ty phải tuân thủ.  • Nghiên cứu thực trạng tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại công ty.  • Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại công ty  • Đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại công ty |
| 39 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường của công ty TNHH BanDai Việt Nam | ĐH6QM2 | Nguyễn Đức | Thuận | PGS.TS. Vũ Thanh Ca | - Nghiên cứu các thủ tục hành chính và các quy định pháp luật khác liên quan tới bảo vệ môi trường mà công ty phải tuân thủ. - Nghiên cứu thực trạng tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường tại công ty: + Đề án bảo vệ môi trường môi trường chi tiết. + Báo cáo giám sát môi trường định kỳ. + Báo cáo quản lý chất thải rắn nguy hại. - Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về công tác an toàn lao động – PCCC. - Đề xuất các giải pháp phù hợp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường của công ty. |
| 40 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM2 | Nguyễn Thành | Đạt | ThS. Kiều Thị Hòa | Đề tài đánh giá được hiện trạng phát sinh CTRSH trên địa bàn quận:   + Lượng phát thải phát sinh ước tính trên địa bàn quận khoảng 70,64 tấnCTRSH/năm;   + Hệ số phát sinh rác thải tại 03 phường Bười, Thụy Khuê, Nhật Tân lần lượt là 1,05 kg/người/ngày; 1,04 kg/người/ngày; 1,36 kg/người/ngày đa phần các hộ gia đình chưa tiến hành phân loại rác tại nguồn. - Đánh giá được công tác quản lý CTRSH: về hiệu suất thu gom khoảng 94%, lệ phí thu gom phù hợp. - Đánh giá được nhận thức của các đối tượng tham gia vào công tác quản lý CTRSH + 70.07% người dân cho rằng thỉnh thoảng công tác tuyên truyền mới được diễn ra và họ thấy chưa thực sự hài lòng  + 23,33% không thấy đề cập tới công tác tuyên truyền  + 15,56% tổng người dân tích cực tham gia vào môi trường - Đề tài dự báo được, khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn quận Tây Hồ đến năm 2030 khoảng 312,971 tấn/năm. - Đề tài đề xuất được một số biện pháp cụ thể cho nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH tại khu vực nghiên cứu |
| 41 | Đại học chính quy | Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong đánh giá biến động lớp phủ rừng tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2005 – 2018 | ĐH6QM2 | Vũ Văn | Thịnh | PGS.TS. Vũ Thanh Ca | - Đánh giá hiện trạng rừng tai tỉnh Đắc Nông từ các tài liệu, số liệu và nghiên cứu hiện có. - Nghiên cứu các đặc điểm điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội, các yếu tố ảnh hưởng tới biến động lớp phủ rừng tại tỉnh Đắk Nông - Đánh giá biến động lớp phủ rừng tại tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn 2005-2018 bằng cách ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS. - Phân tích, đánh giá xác định các nguyên nhân gây ra biến động lớp phủ rừng tại tỉnh Đắk Nông và đề xuất một số giải pháp quản lý phù hợp. |
| 42 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Trung tâm y tế huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên | ĐH6QM2 | Đỗ Thị | Hiền | ThS. Kiều Thị Hòa | (1) Khóa luận đánh giá được mức độ tuân thủ các thủ tục như sau: - Đối với quy định về đề án BVMT chi tiết: 76% các tiêu chí hoàn toàn tuân thủ, 14% các tiêu chí tuân thủ một phần, 10% các tiêu chí không tuân thủ. - Đối với quy định về quản lý chất thải y tế: 32% các tiêu chí hoàn toàn tuân thủ, 50% các tiêu chí tuân thủ một phần, 18% các tiêu chí không tuân thủ. - Đối với quy định về sổ chủ nguồn thải CTNH: 43% các tiêu chí hoàn toàn tuân thủ, 43% các tiêu chí tuân thủ một phần, 14% các tiêu chí không tuân thủ. - Đối với quy định về báo cáo giám sát môi trường định kì: 59% các tiêu chí hoàn toàn tuân thủ, 12% các tiêu chí tuân thủ một phần, 29% các tiêu chí không tuân thủ. - Đối với các quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống dịch covid 19 và PCCC: đã nhận thức đúng đắn để tuân thủ đảm bảo các quy định pháp luật về các vấn đề trên. (2) Đồng thời, qua nghiên cứu hiện trạng về sự tuân thủ, khóa luận đã đề xuất được các phương án/biện pháp duy trì và bổ sung, cải thiện nhằm loại bỏ/khắc phục nguyên nhân chưa tuân thủ hoặc chưa tuân thủ hoàn toàn đối với cả 7 nhóm quy định về Đề án BVMT chi tiết, quản lý chất thải y tế, sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại, báo cáo giám sát môi trường định kì, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống dịch Covid 19 và PCCC. |
| 43 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên | ĐH6QM2 | Ngô Thị Thu | Hiền | ThS. Kiều Thị Hòa | Khóa luận được thực hiện và thu được các kết quả như sau: - Về hiện trạng sử dụng khảo sát được lượng sử dụng hóa chất BVTV đối với 510 ha trồng lúa là 23375 kg, 22 ha trồng rau màu là 519.44 kg, 30 ha trồng cây ăn quả là 833.33kg. - Về hiện trạng thải bỏ qua nghiên cứu cho biết, lượng bao bì hóa chất BVTV thải bỏ là không nhỏ, bên cạnh đó người dân có thói quen cố gắng phun hết lượng hóa chất thừa trong bình và trong bao bì chiếm khoảng 67,7% - Về nhận thức của người dân tại khu vực nghiên cứu khảo sát cho biết: + 28,13% người dân có thói quen lạm dụng hóa chất BVTV, không tìm hiểu kỹ càng và sau sử dụng thải bỏ ngay tại đồng ruộng  + Đa số người dân sử dụng hóa chất BVTV theo sự chỉ dẫn của nhà sản xuất và người bán thuốc, chiếm khoảng 77,08%, tuy nhiên, còn tồn tại tỷ lệ không nhỏ người dân tự ý sử dụng theo bản thân, chiếm khoảng 15,63%. Qua khảo sát cũng cho biết khoảng 94,79% hộ sử dụng dụng cụ bảo hộ - Khóa luận có tiến hành khảo sát đánh giá về công tác quản lý hóa chất BVTV của địa phương, nhận thấy công tác này thực hiện tương đối đảm bảo - Từ những kết quả khảo trên được lấy làm cơ sở, khóa luận đã đề xuất được 03 nhóm giải pháp |
| 44 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM2 | Phạm Tiến | Đạt | ThS. Nguyễn Khánh Linh | - Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng hiệu quả cao công tác quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện Đa khoa Đông Anh - Đối với quy định về quản lý chất thải y tế: 32% các tiêu chí hoàn toàn tuân thủ, 50% các tiêu chí tuân thủ một phần, 18% các tiêu chí không tuân thủ. |
| 45 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM2 | Nguyễn Ngọc | Anh | ThS. Phạm Thị Hồng Phương | • Điều tra hiện trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.  • Đánh giá hiện trạng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.  • Đề xuất mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các quy định về Bảo vệ Môi trường và quy định của địa phương. |
| 46 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM2 | Lê Đức | Giang | ThS. Kiều Thị Hòa | Khóa luận đã đánh giá được tình hình phát sinh CTRSH trên địa bàn như sau: về nguồn gốc phát sinh CTRSH xác định đối với hộ gia đình chiếm tỉ trọng cao nhất; về thành phần chất thải hữu cơ chiếm 68.3%, chất thải vô cơ có thể tái chế chiếm 12.3%, chất thải vô cơ không thể tái chế chiếm 18%, chất thải nguy hại chiếm 1.4%; về khối lượng phát sinh CTRSH xác định được trên toàn huyện khoảng 54591.41 kg/ngày. Tiếp đến khóa luận đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTRSH như sau: Các tuyến thu gom tại thị trấn Kiện Khê và xã Thanh Phong đã hợp lý, thuận tiện, còn xã Thanh Hà có các điểm tập kết cách xa nhau gây khó khăn; Tần suất thu gom tại thị trấn Kiện Khê đạt 92.4%, xã Thanh Hà đạt 88.3%, xã Thanh Phong đạt 84.8% Khóa luận đánh giá được nhận thức cộng đồng về công tác quản lý CTRSH. Đối với cán bộ quản lý: chưa có chuyên môn về môi trường, ít quan tâm về CTRSH. Đối với nhân viên vệ sinh, họ cho rằng mức lương, trợ cấp không thỏa đáng. Đối với người dân, đã có ý thức BVMT, có hộ gia đình tiến hành hoạt động phân loại tại nguồn.  Đề tài dự báo được lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn khoảng 41684.095 tấn/năm vào năm 2030, đồng thời, đề xuất được 5 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH trên địa bàn. |
| 47 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Nhà máy sản xuất hàng may mặc của Công ty TNHH Việt Pan - Pacific Nam Định | ĐH6QM2 | Nguyễn Minh | Ngọc | ThS. Nguyễn Khắc Thành | - Khảo sát hiện trạng thực hiện các biện pháp BVMT của công ty. - Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan tới BVMT tại Nhà máy sản xuất hàng may mặc của Công ty TNHH Việt Pan - Pacific Nam Định. + Thủ tục về Đánh giá tác động môi trường. + Thủ tục về lập Giấy phép xả thải vào nguồn nước. + Thủ tục về lập báo cáo Quan trắc môi trường định kỳ. - Đề xuất các giải pháp cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường phù hợp với Nhà máy sản xuất hàng may mặc của Công ty TNHH Việt Pan - Pacific Nam Định trong thời gian tới. |
| 48 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ Phần than Vàng Danh - Vinacomin, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6QM2 | Hoàng Thị Thanh | Nga | ThS. Nguyễn Khắc Thành | - Nghiên cứu thực trạng tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin. - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin. - Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và duy trì các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin. |
| 49 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty La Vie - Chi nhánh sản xuất tại Hưng Yên | ĐH6QM2 | Hoàng Nguyễn Huyền | Mai | ThS. Nguyễn Khắc Thành | - Tìm hiểu đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường, quy trình sản xuất của Công ty La Vie - Chi nhánh sản xuất tại Hưng Yên - Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT đã thực hiện tại Công ty La Vie - Chi nhánh sản xuất tại Hưng Yên - Đề xuất giải pháp duy trì, hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường và nâng cao nhận thức về BVMT |
| 50 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM2 | Nguyễn Mạnh | Tuấn | ThS. Nguyễn Khánh Linh | - Hiện trạng phát sinh CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: + Nguồn gốc phát sinh CTRSH + Thành phần CTRSH + Khối lượng CTRSH. - Hiện trạng quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: + Tình hình thu gom, vận chuyển CTRSH: Tần suất, thời gian thu gom; điểm tập kết; trang thiết bị, phương tiện thu gom; phân lọai rác thải tại nguồn,… + Tình hình xử lý CTRSH trên địa bàn huyện + Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh đến năm 2030 của toàn huyện. - Đánh giá nhận thức của cộng đồng trong việc tham gia công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: + Đánh giá nhận thức của cộng đồng dân cư trong việc tham gia công tác quản lý CTRSH + Đánh giá nhận thức của công nhân thu gom và cán bộ quản lý môi trường trong việc tham gia công tác quản lý CTRSH. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: |
| 51 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Hoàng Lâu, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc | ĐH6QM2 | Nguyễn Quốc | Tuấn | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | 1. Đánh giá hiện trạng sử dụng hóa chất BVTV tại xã Hoàng Lâu  2. Đánh giá hiện trạng thải bỏ hóa chất BVTV tại xã Hoàng Lâu  3. Đánh giá hiện trạng công tác thu gom, xử lý hóa chất BVTV  4. Đánh giá nhận thức của người dân trong việc sử dụng hóa chất và ảnh hưởng của hóa chất BVTV đến môi trường và sức khỏe  5. Đề xuất, biện pháp giảm thiểu sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV |
| 52 | Đại học chính quy | Nghiên cứu xây dựng mô hình cộng đồng tham gia quản lý chất thải rắn tại xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam | ĐH6QM2 | Trần Thị | Luyến | ThS. Mai Hương Lam | - Hiện trạng phát sinh CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: + Nguồn gốc phát sinh CTRSH + Thành phần CTRSH + Khối lượng CTRSH. - Hiện trạng quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: + Tình hình thu gom, vận chuyển CTRSH: Tần suất, thời gian thu gom; điểm tập kết; trang thiết bị, phương tiện thu gom; phân lọai rác thải tại nguồn,… + Tình hình xử lý CTRSH trên địa bàn huyện + Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh đến năm 2030 của toàn huyện. - Đánh giá nhận thức của cộng đồng trong việc tham gia công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: + Đánh giá nhận thức của cộng đồng dân cư trong việc tham gia công tác quản lý CTRSH + Đánh giá nhận thức của công nhân thu gom và cán bộ quản lý môi trường trong việc tham gia công tác quản lý CTRSH. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Ứng Hòa: |
| 53 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa nhiệt độ, lượng mưa với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng bần chua *(Sonneratia caseolaris)* trồng ven biển đồng bằng Bắc Bộ | ĐH6QM2 | Hoàng Thị | Hà | ThS.Lê Đắc Trường | - Đặc điểm khí hậu (Nhiệt độ, lượng mưa) khu vực nghiên cứu;  - Đặc điểm sinh trưởng của rừng ngập mặn Bần Chua tại khu vực nghiên cứu:  + Đặc điểm về chiều cao, đường kính, mật độ của rừng Bần chua trồng ven biển huyện Tiên Lãng, tỉnh Hải Phòng;  + Đặc điểm về chiều cao, đường kính, mật độ của rừng Bần chua trồng ven biển huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;  + Đặc điểm về chiều cao, đường kính, mật độ của rừng Bần chua trồng ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;  + Đặc điểm về chiều cao, đường kính, mật độ của rừng Bần chua trồng ven biển huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;  - Mối quan hệ giữa nhiệt độ và lượng mưa với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng Bần chua trồng ven biển miền đồng bằng Bắc bộ. |
| 54 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa độ mặn với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng bần chua (*Sonneratia caseolaris*) trồng ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình | ĐH6QM2 | Hồ Thanh | Sang | ThS.Lê Đắc Trường | - Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng của rừng bần chua (Sonneratia caseolaris)  + Chiều cao trung bình của cây  + Đường kính trung bình thân cây  + Mật độ cây  - Đo độ mặn khu vực nghiên cứu  - Nghiên cứu mối quan hệ độ mặn với đặc điểm sinh trưởng của cây |
| 55 | Đại học chính quy | Đánh giá việc duy trì và hoàn thiện các tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ | ĐH6QM2 | Lý Ngọc | Ánh | ThS. Nguyễn Bích Ngọc | - Đánh giá việc duy trì và hoàn thiện các nội dung thuộc tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ - Đánh giá nhận thức người dân trong việc duy trì và hoàn thiện các tiêu trí môi trường trong chương trình nông thôn mới - Đánh giá hiệu quả công tác quản lý môi trường của cơ quan quản lý thực hiện tiêu chí về môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc duy trì và hoàn thiện các tiêu chí môi trường trong đề án nông thôn mới tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ |
| 56 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội | ĐH6QM2 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | ThS. Mai Hương Lam | - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý và công tác truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Gia Lâm, tỉnh Hà Nội.  - Đánh giá nhận thức và hoạt động bảo vệ môi trường của người dân tại huyện Gia Lâm, tỉnh Hà Nội. - Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại xã Bát Tràng và xã Kiêu Kỵ thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Hà Nội. |
| 57 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đa dạng sinh học thân mềm chân bụng trên cạn xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội | ĐH6QM2 | Đào Kim | Cương | PGS.TS Hoàng Ngọc Khắc | + Khảo sát, thu mẫu, phân tích, và xác định thành phần loài Thân mềm Chân bụng trên cạn ở khu vực nghiên cứu. + Xác định đặc điểm phân bố của các loài Thân mềm Chân bụng trên cạn theo sinh cảnh trong khu vực nghiên cứu. + Xác định về giá trị thực tiễn, hiện trạng khai thác, sử dụng Thân mềm Chân bụng trên cạn ở khu vực nghiên cứu. + Đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng và phát triển Thân mềm Chân bụng trên cạn ở khu vực nghiên cứu. |
| 58 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đa dạng sinh học thân mềm chân bụng trên cạn tại xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang | ĐH6QM2 | Nguyễn Ngọc | Long | PGS.TS Hoàng Ngọc Khắc | - Khảo sát, thu mẫu, phân tích xác định đa dạng thành phần loài TMCBTC tại KVNC. - Nghiên cứu xác định đặc điểm phân bố của các loài TMCBTC trong KVNC theo các sinh cảnh.  - Đề xuất các giải pháp bảo tồn đa dạng TMCBTC ở KVNC. |
| 59 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đa dạng sinh học thân mềm chân bụng trên cạn tại xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | ĐH6QM2 | Lâm Thị Ngọc | Ánh | PGS.TS Hoàng Ngọc Khắc | - Khảo sát, thu mẫu, phân tích xác định đa dạng thành phần loài TMCB trên cạn tại xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. - Nghiên cứu, xác định đặc điểm phân bố của TMCB tại xã Đồng Yên. - Đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng TMCB trên cạn tại địa bàn xã Đồng Yên. |
| 60 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đa dạng sinh học thân mềm chân bụng trên cạn tại xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang | ĐH6QM2 | Nguyễn Thùy | Dung | PGS.TS Hoàng Ngọc Khắc | - Khảo sát, thu mẫu, phân tích xác định đa dạng thành phần loài TMCB trên cạn ở xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang - Nghiên cứu, xác định đặc điểm phân bố của TMCB ở xã Lăng Can - Đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng TMCB trên cạn trên địa bàn xã Lăng Can. |
| 61 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa độ mặn với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng trang *(Kandelia obovata)* trồng ven biển huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6QM2 | Lê Thị Mai | Anh | ThS.Lê Đắc Trường | Nghiên cứu đường kính, chiều cao, mật độ của rừng trang ((Kandelia obovata) trồng tại huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh;  Nghiên cứu đặc điểm độ mặn đối với rừng trang (Kandelia obovata) trồng ven biển huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh;  Nghiên cứu mối quan hệ giữa độ mặn với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng Trang (Kandelia obovata) trồng ven biển huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. |
| 62 | Đại học chính quy | Xây dựng khoá định loại các loài thân mềm thuộc phân lớp Pteriomorphia vùng triều ven biển huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định | ĐH6QM2 | Nguyễn Minh | Chiến | PGS.TS Hoàng Ngọc Khắc | Mục đích đồ án này được áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững về mặt môi trường của TN nước LVS Srêpok và hỗ trợ người ra quyết định quản lý bền vững TNN LVS. Đồ án đã thành công và đạt được một số các kết quả chính sau đây. -Xây dựng được quy trình đánh giá tính bền vững về mặt môi trường TNN mặt LVS Srêpok với bốn bước chính tuân thủ theo quy trình chung của việc áp dụng phương pháp phân tích thức bậc AHP trong bài toán đánh giá tính bền vững. -Thiết lập được bộ chỉ thị gồm 11 vấn đề bền vững môi trường chính của ba phương diện Số lượng; Chất lượng và Quản lý dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng từ hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS Srêpok. Bộ chỉ thị này về cơ bản mô tả được bức tranh về hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS; Đánh giá được tính bền vững môi trường của TNN mặt LVS Srêpok với kết luận là: Phương diện Số lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “Chấp nhận được”; phương diện Chất lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “Nghèo”; phương diện Quản lý được đánh giá ở mức độ bền vững “Tốt”; và cuối cùng tổng hợp đánh giá tính bền vững về mặt môi trường của TNN LVS Srêpok được đánh giá ở mức độ “Chấp nhận được”. Đánh giá này cho thấy việc khai thác và sử dụng TNN mặt nơi đây còn chưa được cải thiện tốt, cũng như chất lượng nước cũng bị suy giảm một cách trầm trọng. Về việc quản lý TNN mặt LVS, nhà nước phải có các biện pháp xử lý nghiêm các hành vi xả thải bừa bãi, tuyên truyền tới người dân địa phương chung tay bảo vệ nguồn nước mặt và cuối cùng nhà nước cần phải có những chính sách hỗ trợ để hướng đến phát triển bền vững TNN LVS. |
| 63 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa tần suất ngập triều với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng trang (*Kandelia obovata*) trồng ven biển huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định | ĐH6QM2 | Trần Anh | Đức | TS. Phạm Hồng Tính | Mục đích đồ án này được áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững về mặt môi trường của TN nước LVS Srêpok và hỗ trợ người ra quyết định quản lý bền vững TNN LVS. Đồ án đã thành công và đạt được một số các kết quả chính sau đây. -Xây dựng được quy trình đánh giá tính bền vững về mặt môi trường TNN mặt LVS Srêpok với bốn bước chính tuân thủ theo quy trình chung của việc áp dụng phương pháp phân tích thức bậc AHP trong bài toán đánh giá tính bền vững. -Thiết lập được bộ chỉ thị gồm 11 vấn đề bền vững môi trường chính của ba phương diện Số lượng; Chất lượng và Quản lý dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng từ hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS Srêpok. Bộ chỉ thị này về cơ bản mô tả được bức tranh về hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS; Đánh giá được tính bền vững môi trường của TNN mặt LVS Srêpok với kết luận là: Phương diện Số lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “Chấp nhận được”; phương diện Chất lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “Nghèo”; phương diện Quản lý được đánh giá ở mức độ bền vững “Tốt”; và cuối cùng tổng hợp đánh giá tính bền vững về mặt môi trường của TNN LVS Srêpok được đánh giá ở mức độ “Chấp nhận được”. Đánh giá này cho thấy việc khai thác và sử dụng TNN mặt nơi đây còn chưa được cải thiện tốt, cũng như chất lượng nước cũng bị suy giảm một cách trầm trọng. Về việc quản lý TNN mặt LVS, nhà nước phải có các biện pháp xử lý nghiêm các hành vi xả thải bừa bãi, tuyên truyền tới người dân địa phương chung tay bảo vệ nguồn nước mặt và cuối cùng nhà nước cần phải có những chính sách hỗ trợ để hướng đến phát triển bền vững TNN LVS. |
| 64 | Đại học chính quy | Nghiên cứu chế tạo mô hình sinh học sử dụng vi tảo Chlorella vulgaris CNK xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư An Phú, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội | ĐH6QM3 | Nguyễn Thị Kiều | Oanh | TS. Đoàn Thị Oanh | Sau một thời gian nghiên cứu, khóa luận: “Nghiên cứu chế tạo mô hình sinh học sử dụng vi tảo Chlorella vulgaris CNK xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư An Phú, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội” đã thu được các kết quả sau: + Đã khảo sát được các thông số đầu vào nước thải sinh hoạt của khu dân cư An Phú và đề xuất được mô hình sinh học sử dụng vi tảo Chlorella vulgaris CNK xử lý nước thải: hàm lượng TSS là 145 mg/l, NH4+ là 53,25mg/l, tổng P là 5,2 mg/l, COD là 193,24 mg/l và các thông số đo nhanh như pH, nhiệt độ, độ đục, độ dẫn điện, DO, TDS. + Chế tạo được mô hình sinh học sử dụng vi tảo Chlorella vulgaris CNK xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư An Phú quy mô phòng thí nghiệm. Kết quả xử lý nước thải của mô hình đem lại hiệu suất cao, trong đó: + Khả năng xử lý Amoni đạt hiệu suất 82,84%, đầu ra đạt giá trị cho phép cột B, QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt. + Khả năng xử lý COD đạt 55,98%, đạt giá trị cho phép cột A, Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp. + Khả năng xử lý tổng P đạt 33,7% đạt giá trị cho phép cột B, Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp. + Đã đề xuất được dây chuyền công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt bằng phương pháp sinh học sử dụng vi tảo Chlorella vulgaris CNK. |
| 65 | Đại học chính quy | Kiểm toán chất thải nguy hại tại khu công nghiệp Tràng Duệ-khu A, thành phố Hải Phòng | ĐH6QM3 | Vũ Thanh | Hưng | ThS. Tạ Thị Yến | - Điều tra, khảo sát hoạt động sản xuất và quản lý các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Tràng Duệ- Hải Phòng - Kiểm toán chất thải nguy hại cho các doanh nghiệp tại KCN Tràng Duệ- Khu A. - Đánh giá hiện trạng quản lý và xử lý chất thải nguy hại của các nhà máy được điều tra. - Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả và giảm thiểu chất thải nguy hại |
| 66 | Đại học chính quy | Ứng dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP xây dựng bộ tiêu chí và đánh giá tính bền vững về mặt môi trường của tài nguyên nước Lưu vực sông Srepok | ĐH6QM3 | Nguyễn Mạnh | Hùng | TS. Bùi Thị Nương | Mục đích đồ án này được áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững về mặt môi trường của TN nước LVS Srêpok và hỗ trợ người ra quyết định quản lý bền vững TNN LVS. Đồ án đã thành công và đạt được một số các kết quả chính sau đây. -Xây dựng được quy trình đánh giá tính bền vững về mặt môi trường TNN mặt LVS Srêpok với bốn bước chính tuân thủ theo quy trình chung của việc áp dụng phương pháp phân tích thức bậc AHP trong bài toán đánh giá tính bền vững. -Thiết lập được bộ chỉ thị gồm 11 vấn đề bền vững môi trường chính của ba phương diện Số lượng; Chất lượng và Quản lý dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng từ hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS Srêpok. Bộ chỉ thị này về cơ bản mô tả được bức tranh về hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS; Đánh giá được tính bền vững môi trường của TNN mặt LVS Srêpok với kết luận là: Phương diện Số lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “Chấp nhận được”; phương diện Chất lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “Nghèo”; phương diện Quản lý được đánh giá ở mức độ bền vững “Tốt”; và cuối cùng tổng hợp đánh giá tính bền vững về mặt môi trường của TNN LVS Srêpok được đánh giá ở mức độ “Chấp nhận được”. Đánh giá này cho thấy việc khai thác và sử dụng TNN mặt nơi đây còn chưa được cải thiện tốt, cũng như chất lượng nước cũng bị suy giảm một cách trầm trọng. Về việc quản lý TNN mặt LVS, nhà nước phải có các biện pháp xử lý nghiêm các hành vi xả thải bừa bãi, tuyên truyền tới người dân địa phương chung tay bảo vệ nguồn nước mặt và cuối cùng nhà nước cần phải có những chính sách hỗ trợ để hướng đến phát triển bền vững TNN LVS. |
| 67 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng Chất thải rắn Y tế tại bệnh viện Tầm thần TW I và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM3 | Nguyễn Tuấn | Anh | ThS. Nguyễn Khắc Thành | Điều tra khảo, khảo sát, đánh giá về tình hình phát sinh CTRYT tại bệnh viện Tâm thần Trung ương I. - Nguồn phát sinh CTRYT - Khối lượng phát sinh CTRYT - Thành phần phát sinh CTRYT - Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng công tác quản lý CTRYT bệnh viện Tâm thần Trung ương I Đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTRYT: - Cơ cấu tổ chức khá chặt chẽ, tuy chưa thành lập được phòng môi trường nhưng sự phối hợp công tác của bộ phận lãnh đạo lãnh đạo bệnh viện đến công tác thực hiện phòng kiểm soát nhiễm trùng và các phòng ban/khoa khác đã hoạt động rất hiệu quả, đồng thời đã có sự tham mưu về chuyên môn đề lãnh đạo khoa kiểm soát nhiễm trùng thực hiện tốt chức năng quản lý CTRYTT của mình; - Các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý CTRYT đảm bảo số lượng và 95% các thiết bị phân loại, thu gom, lưu trữ và xử lý CTRYT được thực hiện đạt theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch 58/2015/TTUT-BYT-BTNMT; - Đã xây dựng, thực hiện quy trình quản lí CTRYTT tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương I, đồng thời đảm bảo tính khoa học, chặt chẽ và hiệu quả khi tuân thủ nghiêm ngặt thực hiện qua trình đó.  + Phân loại CTRYT; + Hiện với đơn vị thực hiện chức năng thu gom, vận chuyển. + Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng vận chuyển CTRYT: phương tiện, dụng cụ (số lượng, chủng loại...) vận chuyển; phương pháp vận chuyển; thời gian, tần suất vận chuyền...; lộ trình vận chuyển. + Trạng về công tác phân loại CTRYT + Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng thu gom CTRYT: phương tiện, dụng cụ (số lượng, chủng loại...) thu gom; phương pháp thu gom; vạch tuyến thu gom; nhận thức tuân thủ quy định pháp luật bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viện tại cơ sở y tế; đánh giá hiệu quả công tác thu gom đối  + Điều tra, khảo sát, đánh giá xử lý CTRYT: phương tiện, dụng cụ (số lượng, chủng loại...) xử lý; phương pháp xử lý; địa điểm xử lý; số lượng công nhân tại địa điểm xử lý. - Đề xuất được giải pháp quản lý hiệu quả trong công tác quản lý CTRYT tại bệnh viện Tâm thần Trung ương I: + Giải pháp về luật pháp, chính sách + Giải pháp về kĩ thuật + Giải pháp khác |
| 68 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Bảo Hưng, tỉnh Hưng Yên. | ĐH6QM3 | Nguyễn Thị Thu | Hương | TS. Vũ Văn Doanh | - Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT đã thực hiện tại Công ty cổ phần Bảo Hưng: Cam kết bảo vệ môi trường, Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, Báo cáo giám sát môi trường định kỳ, Giấy phép xả thải vào nguồn. - Đề xuất giải pháp duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của công ty trong thời gian tới. |
| 69 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của Nhà máy tái chế sản phẩm phụ ngành luyện kim tại KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiến Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng | ĐH6QM3 | Trương Thế | Anh | PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 1. Đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường, quy trình sản xuất của Nhà máy tái chế sản phẩm phụ ngành luyện kim tại xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng 2. Đánh giá sự tuân thủ 3 thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường đã thực hiện tại Nhà máy tái chế sản phẩm phụ ngành  luyện kim tại KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiến Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng 3. Đề xuất giải pháp duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến môi trường |
| 70 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Phúc Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | ĐH6QM3 | Nguyễn Hồng | Nhung | TS. Hoàng Thị Huê | - Tổng quan các hồ sơ môi trường công ty có liên quan đến bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Phúc Hương. - Đánh giá hiện trạng việc tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường tại công ty - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Phúc Hương. - Đề xuất các giải pháp phù hợp để duy trì và hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường của công ty cũng như sự tuân thủ của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường |
| 71 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Trung Tuấn Phong, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa | ĐH6QM3 | Nguyễn Thị Hồng | Vân | TS. Hoàng Thị Huê | - Tổng quan các hồ sơ môi trường Công ty Cổ phần Trung Tuấn Phong có; - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT đã thực hiện tại Công ty Cổ phần Trung Tuấn Phong; - Đề xuất giải pháp duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến môi trường nhằm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của Công ty Cổ phần Trung Tuấn Phong. |
| 72 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của Công ty Than Quang Hanh -TKV, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. | ĐH6QM3 | Phạm Mạnh | Tùng | TS. Vũ Văn Doanh TS. Trần Thị Thu Hường | • Nghiên cứu các cơ sở pháp lý liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Công ty than Quang Hanh\_TKV phải tuân thủ • Khảo sát hiện trạng việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại Công ty than Quang Hanh\_TKV. • Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại Công ty than Quang Hanh\_TKV. • Đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện và duy trì các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại Công ty than Quang Hanh\_TKV |
| 73 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ bao bì hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc | ĐH6QM3 | Nguyễn Minh | Phương | TS. Hoàng Thị Huê | - Đánh giá hiện trạng sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. - Đánh giá hiện trạng thải bỏ bao bì của hóa chất bảo vệ thực vật tại Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. - Đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý và thải bỏ hóa chất BVTV theo đúng hướng dẫn và quy định hiện hành. |
| 74 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Văn Phú, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái | ĐH6QM3 | Phạm Thị Thu | Hiền | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | 1. Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Văn Phú 2. Đánh giá nhận thức của người dân về việc sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV 3. Đánh giá công tác quản lý của địa phương về hóa chất BVTV 4. Đề xuất biện pháp giảm thiểu sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV |
| 75 | Đại học chính quy | Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động khai thác và chế biến đá tới môi trường tại xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh | ĐH6QM3 | Phan Mạnh | Hùng | ThS. Tạ Thị Yến | \_Điều tra khảo sát hoạt động khai thác và chế biến đá tại mỏ đá Núi Nấy, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. - Xác định đặc điểm, quy trình, công nghệ khai thác và chế biến đá tại mỏ đá Núi Nấy. - Kiểm kê và đánh giá nguy cơ ảnh hưởng của hoạt động khai thác và chế biến đá tại mỏ đá Núi Nấy. - Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động trong hoạt động khai thác và chế biến đá đến môi trường   - Kết quả khảo sát về công tác quản lý cho biết số lượng trang thiết bị và nguồn nhân lực còn hạn chế, từ đó hiệu suất thu gom chưa cao, đặc biệt là xã Hữu Khánh (<1 lần/ngày). |
| 76 | Đại học chính quy | Đánh giá ảnh hưởng của thiên tai bão, lũ quét, hạn hán tại tỉnh Quảng Bình và đề xuất giải pháp ứng phó | ĐH6QM3 | Trần | Nguyên | ThS. Lê Đắc Trường TS. Vũ Văn Doanh | Thu thập số liệu về các loại hình thiên tai như: Bão, lũ quét, hạn hán tại tỉnh Quảng Bình trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2019: + Thiệt hại về người + Thiệt hại về tài sản + Thiệt hại về nền kinh tế Thực hiện phỏng vấn người dân, thực địa hiện trường: + Xây dựng phiếu phỏng vấn người dân + Chụp ảnh, ghi âm quá trình phỏng vấn người dân và thực địa hiện trường Đánh giá và xác định diễn biến của các loại hình thiên tai: + Tần suất xuất hiện + Địa điểm xuất hiện Xem xét công tác phòng chống thiên tai tại địa phương và đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những thiếu sót và phát huy những thế mạnh trong công tác phòng chống thiên tai tại tỉnh Quảng Bình. - Về ý thức, nhận thức của người dân trong vấn đề phân loại rác, kết quả khảo sát cho biết 33/45 hộ gia đình (tức 73,33%) tiến hành công việc này nhưng với tần suất là thỉnh thoảng |
| 77 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh | ĐH6QM3 | Lê Thị Thu | Uyên | PGS.TS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 1. Đánh giá nhận thức của người dân về môi trường và công tác bảo vệ môi trường Thị xã Từ Sơn 2. Đánh giá hiện trạng công tác quản lý môi trường tại Thị xã Từ Sơn 3. Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại Thị xã Từ Sơn |
| 78 | Đại học chính quy | Đánh giá việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh | ĐH6QM3 | Nguyễn Thị | Hiền | ThS. Nguyễn Bích Ngọc | - Đánh giá việc thực hiện các nội dung thuộc tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới của xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh  - Đánh giá công tác quản lý môi trường của cơ quan quản lý thực hiện tiêu chí về môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh  - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các tiêu chí môi trường trong đề án nông thôn mới tại xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh |
| 79 | Đại học chính quy | Đánh giá việc duy trì và hoàn thiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | ĐH6QM3 | Thiều La Tú | Anh | ThS. Nguyễn Bích Ngọc | - Đánh giá việc duy trì và hoàn thiện các nội dung thuộc tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới của xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đánh giá nhận thức người dân trong việc duy trì và hoàn thiện các tiêu trí môi trường trong chương trình nông thôn mới - Đánh giá hiệu quả công tác quản lý môi trường của cơ quan quản lý thực hiện tiêu chí về môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc duy trì và hoàn thiện các tiêu chí môi trường trong đề án nông thôn mới tại xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá |
| 80 | Đại học chính quy | Ước tính mức sẵn lòng chi trả cho việc cải thiện dịch vụ nước sạch của người dân tại thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | ĐH6QM3 | Lê Thị | Phương | ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương | Khóa luận đánh giá hiện trạng sử dụng nước sạch và nhận thức của người dân dịch vụ cấp nước tại thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đồng thời ước tính được mức sẵn lòng chi trả và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tri trả của người tiêu dùng tại thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; |
| 81 | Đại học chính quy | Ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân để bảo tồn đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa | ĐH6QM3 | Nguyễn Thị | Phượng | TS. Hoàng Thị Huê | (1) Đánh giá hiện trạng công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (2) Ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân sẵn để bảo tồn đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông. (3) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chi trả cho việc bảo tồn đa dạng sinh học của người dân. (4) Đề xuất một số giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học nhằm nâng cao công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông. |
| 82 | Đại học chính quy | Đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh Trường Tiểu học Thị Trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình | ĐH6QM3 | Hoàng Thị | Huệ | ThS. Bùi Thị Thu Trang | - Đánh giá hiện trạng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tại trường Tiểu học Thị Trấn Chi Nê. - Đánh giá nhận thức của học sinh trường Tiểu học Thị Trấn Chi Nê về môi trường. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình giáo dục bảo vệ môi trường tại trường Tiểu học Thị Trấn Chi Nê. |
| 83 | Đại học chính quy | Đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh Trường Tiểu học Vân Côn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội | ĐH6QM3 | Nguyễn Thị | Hường | ThS. Bùi Thị Thu Trang | - Đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh Trường Tiểu học Vân Côn - Đánh giá được nhận thức của học sinh Trường Tiểu học Sao Đỏ 1 về môi trường và bảo vệ môi trường - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh Trường Tiểu học Vân Côn |
| 84 | Đại học chính quy | Đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trường mầm non công lập trên địa bàn phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. | ĐH6QM3 | Nguyễn Như | Quỳnh | ThS. Bùi Thị Thu Trang | - Đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh một số trường mầm non công lập trên địa bàn phường Phú Diễn quận Bắc Từ Liêm– thành phố Hà Nội - Đánh giá nhận thức học sinh tại trường mầm non Hồ Tùng Mậu về việc bảo vệ môi trường - Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tại trường mầm non Hồ Tùng Mậu. |
| 85 | Đại học chính quy | Đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trường mầm non tư thục trên địa bàn phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. | ĐH6QM3 | Vũ Thị | Tấp | ThS. Bùi Thị Thu Trang | - Đánh giá hiện trạng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trường mầm non tư thục tại phường Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. - Đánh giá nhận thức học sinh tại trường mầm non tư thục tại khu vực nghiên cứu - Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho một số trường mầm non tư |
| 86 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa tần suất ngập triều với đặc điểm sinh trưởng (mật độ, đường kính, chiều cao) của rừng hỗn giao trồng ven biển huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định | ĐH6QM3 | Trịnh Thị | Vân | TS. Phạm Hồng Tính | Đề tài khóa luận đã được thực hiện với những kết quả chính bao gồm:  1. Rừng hỗn giao tại xã Giao Thiện và xã Nam Hưng, sinh trưởng và phát triển tốt. Có mật độ tương đối đồng đều nhau và lớn dao động từ 2.667- 4.067 cây/ha . Ở cả 2 xã Trang là loài chiếm ưu thế. Về chiều cao và đường kính trung bình cây thể hiện ở cả 2 xã của khu vực nghiên cứu chủ yếu là những cây trưởng thành, có thân to và chiều cao trung bình từ 4,0 đến 5,5 m. Khi so sánh chiều cao và đường kính cây Trang trong rừng hỗn giao các giá trị đều nhỏ hơn đường kính và chiều cao của cây trong rừng trồng thuần Trang. Tương tự, đương kính và chiều cao cây Bần chua cũng nhỏ hơn giá trị của cây Bần chua trong rừng trồng thuần Bần 2. Tần suất ngập triều ở mức trung bình từ 56,7 đến 79,7%. Tần suất ngập triều tại khu vực có sự chênh lệch nhưng không lớn. Tại xã Giao Thiện có tàn suất ngập triều thấp hơn tần suất ngập triều tại xã Nam Hưng. 3. Tần suất ngập triều có mối quan hệ tương quan đến đặc điểm sinh trưởng của cây RNM (mật độ, đường kính và chiều cao). Khi tần suất ngập triều tăng thì đường kính và chiều cao sẽ tỷ lệ thuận với nó nhưng có sự thay đổi không lớn. Còn mật độ cây sẽ giảm đi khi thường xuyên bị ngập triều. |
| 87 | Đại học chính quy | Nghiên cứu tác động của hoạt động phát triển du lịch tới môi trường tại Vườn Quốc gia Ba Vì theo mô hình DPSIR | ĐH6QM3 | Vũ Thị | Hiền | ThS. Bùi Thị Thu Trang | - Xác định sức ép của hoạt động phát triển du lịch tới môi trường tại Vườn quốc gia Ba Vì (D). - Xác định áp lực từ hoạt động phát triển du lịch tới môi trường tại Vườn quốc gia Ba Vì (P). - Đánh giá hiện trạng dịch vụ du lịch và các vấn đề môi trường chính tại Vườn quốc gia Ba Vì (S). - Phân tích các tác động của hoạt động phát triển du lịch đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, thảm thực vật tại Vườn quốc gia Ba Vì (I). - Đề xuất giải pháp phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường tại Vườn quốc gia Ba Vì (R). |
| 88 | Đại học chính quy | Nghiên cứu đa dạng sinh học thân mềm chân bụng trên cạn tại xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | ĐH6QM3 | Nguyễn Nhật | Phương | PGS.TS Hoàng Ngọc Khắc | - Khảo sát, thu mẫu, phân tích xác định đa dạng thành phần loài thân mềm chân bụng trên cạn tại xã Đông Thọ, Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. - Nghiên cứu, xác định đặc điểm phân bố thân mềm chân bụng trên cạn tại xã Đông Thọ, Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. - Đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng thân mềm chân bụng trên cạn tại xã Đông Thọ, Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. |
| 89 | Đại học chính quy | Nghiên cứu ứng dụng công cụ TESSA đánh giá nhanh giá trị kinh tế của dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6QM3 | Vũ Thị Phương | Nhi | TS. Phạm Hồng Tính | Kết quả nghiên cứu của đề tài khóa luận cho thấy: - Rừng ngập mặn xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đã đem lại những giá trị to lớn đối với người dân nơi đây như cung cấp nguồn thủy hải sản dồi dào, môi trường nuôi trồng thủy sản thuận lợi, rừng ngập mặn giúp bảo vệ bờ biển, đê biển chống xói lở và tác động của bão, gió biển. Rừng ngập mặn còn là bể hấp thụ CO2 đem lại không khí trong lành cho người dân nơi đây và giảm một lượng lớn khí nhà kính. Ngoài ra rừng ngập mặn còn có những vai trò như hỗ trợ nuôi trồng gia cầm gia súc, lưu trữ sự đa dạng sinh học của các loài trong rừng ngập mặn, tiềm năng kinh tế du lịch, chống xâm nhập mặn,… - Một số giá trị trực tiếp và gián tiếp sử dụng của rừng ngập mặn xã Đồng Rui đã được tính toán và ước lượng. Trong đó giá trị tích lũy cacbon và bảo vệ bờ biển, đê biển chống xói lở và tác động của bão, gió là 762 tỷ đồng. Ngoài ra, mỗi năm hệ sinh thái rừng ngập mặn còn cung cấp và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản với giá trị khoảng 28,6 tỷ đồng.  - Kết quả nghiên cứu của đề tài khóa luận có ý nghĩa trong việc giúp các nhà quản lý lựa chọn được các chính sach, cơ chế quản lý rừng ngập mặn nhằm duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng xã hội. |
| 90 | Đại học chính quy | Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các hộ gia đình trồng Cam tại huyện Cao Phong tỉnh Hòa Bình ạ. | ĐH6QM3 | Kim Lê | Quyên | ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương | Khóa luận đã đánh giá nhận thức của các hộ gia đình trồng cam về biểu hiện và tác động của BĐKH đến hoạt động sản xuất nông nghiệp tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Cung cấp hiện trạng sản xuất cam tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Xây dựng được bộ chỉ số đánh giá khả năng thích ứng với BĐKH của hộ gia đình trồng cam tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Đồng thời sử dụng bộ tiêu chí để đánh giá khả năng thích ứng với BĐKH cho các hộ gia đình trồng cam tại huyên Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Khóa luận đã đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng thích ứng với BĐKH cho các hộ gia đình trồng cam tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. |
| 91 | Đại học chính quy | Thiết kế hệ thống xử lý nước thải dây chuyền mạ điện Công ty Sen vòi Viglacera, Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội công suất 35m3/ca | ĐH6QM4 | Tạ Ngọc | Lan | ThS. Lương Thanh Tâm | Đã nghiên cứu thiết kế được 02 hệ thống xử lý nước thải dây chuyền mạ điện Công ty Sen vòi Viglacera, Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội công suất 35m3/ca theo hai phương án. Đã đề xuất lựa chọn phương án phù hợp + 07 bản vẽ |
| 92 | Đại học chính quy | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020-2030 | ĐH6QM4 | Nguyễn Thị Quỳnh | Thắm | TS. Lê Ngọc Thuấn | Huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum có vị trí địa lý, diều kiện tự nhiên, khí hậu, thủy văn chưa thực sự thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là các vùng xã nông thôn. Vì vậy việc thu gom, xử lý còn gặp nhiều khó khăn, dân cư thưa thớt, tập trung nhỏ lẻ ở các xã, bản. Tuy nhiên, chính vì thế mà vấn đề chất thải rắn phát sinh cần được quan tâm ưu tiên giải quyết để góp phần bảo vệ môi trường. Vì vậy, cần phải có công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt một cách phù hợp. Từ những ưu nhược, điểm đã nghiên cứu, tôi lựa chọn phương án 1 để tiến hành quy hoạch hệ thống chất thải rắn cho huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020-2030. |
| 93 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại xã Phú Cát, huyện Quốc Qai, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6QM4 | Nguyễn Tiến | Dũng | ThS. Đỗ Thị Hiền | Khóa luận tốt nghiệp đã đánh giá được chất lượng nước mặt xã Phú Cát, huyện Quốc Qai, thành phố Hà Nội theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT và theo chỉ số chất lượng nước WQI. Từ kết quả cho thấy nguồn nước mặt của xã tại một số nơi đang có dấu hiệu ô nhiễm bởi các chất lơ lửng, các chất hữu cơ và các hợp chất nitơ. Được thể hiện qua hàm lượng TSS. COD, NO2- tại một số điểm quan trắc đều vượt quy chuẩn. Chỉ số chất lượng nước mặt xã Phú Cát nằm trong mức 38,69 – 68,55, chất lượng nước mặt của xã có thể sử dụng cho mục đích tưới tiêu và giao thông thủy lợi và các mục đích tương đương khác. Bước đầu nhận diện được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước mặt tại xã Phú Cát là do 3 nguyên nhân chính: do hoạt động sinh hoạt của người dân, do hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản thông qua khảo sát thực địa. |
| 94 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước biển ven bờ tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6QM4 | Đoàn Minh | Gia | ThS. Trịnh Kim Yến | - Thu thập tài liệu về: điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng môi trường nước biển ven bờ thành phố Hạ Long. + Vị trí lấy mẫu: 10 vị trí + Tần suất quan trắc: 1 đợt. + Các thông số đo nhanh: DO, nhiệt độ, pH, Độ muối, Độ đục + Các thông số phân tích trong phòng thí nghiệm: PO43-, NH4+, Tổng Fe, TSS, Pb, Zn, Cd, Cu, Mn, Coliform. - Xác định độ lặp lại và phương pháp đo tiêu chuẩn. - Đánh giá chất lượng môi trường nước biển ven bờ thành phố Hạ Long dựa trên kết quả thu thập được và đối chiếu với QCVN 10:2015/BTNMT. - Luận giải nguyên nhân ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ thành phố Hạ Long. - Đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm khắc phục, hạn chế ô nhiễm nước biển ven bờ thành phố Hạ Long. |
| 95 | Đại học chính quy | Đánh giá chất lượng nước sông Công đoạn chảy qua thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên 6 tháng đầu năm 2020 | ĐH6QM4 | Linh Sỹ | Hải | ThS. Nguyễn Thành Trung | - Đã tiến hành quan trắc, lấy mẫu 1 đợt tại 10 vị trí trên đoạn sông Đánh giá chất lượng nước sông Công đoạn chảy qua thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên 6 tháng đầu năm 2020” chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước mặt cơ bản, bao gồm: pH; nhiệt độ; độ đục; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); (DO), (COD), (BOD5), N-NH4+, N-NO3-, N-NO2-, P-PO43-; (Cl-); tổng sắt (Fe); chì (Pb); đồng (Cu), kẽm (Zn) và mật độ Coliform tổng số trong nước. - Đề tài đã tiến hành lập biểu đồ và so sánh đánh giá kết quả các chỉ tiêu với giá trị quy định trong QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT , Tại thời điểm quan trắc, chất lượng nước từ trung bình đến chất lượng nước rất tốt tùy thuộc theo đoạn chảy. Sông Công đoạn chảy qua phường Mỏ Chè và phường Thắng lợi có chất lượng nước trung bình, sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương khác. Đoạn chảy qua các vị trí còn lại, chất lượng nước đáp ứng được mục đích cấp nước sinh hoạt và và các mục đích khác của người dân. - Đã tiến hành lập biểu đồ đánh giá chất lượng nước sông Đáy theo chỉ số WQI và vẽ bản đồ phân vùng chất lượng nước theo giá trị WQI tính toán được.  - Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ và cải thiện chất lượng nước sông Công đoạn chảy qua khu vực huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. |
| 96 | Đại học chính quy | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano - catazone xử lý thuốc diệt cỏ atrazine | ĐH6QM4 | Dương Tuấn | Mạnh | TS. Lê Thu Thủy TS. Đặng Thị Thơm | - Nghiên cứu ảnh hưởng của các pH khác nhau (pH = 3, pH = 7 và pH = 10) tới việc xử lý thuốc diệt cỏ atrazine. - Nghiên cứu ảnh hưởng của các nồng độ chất xúc tác ban đầu (nano ZnO2 hoặc nano Ti/Zr với nồng độ ban đầu 100 ppm, 200ppm, 300ppm) để xử lý thuốc diệt cỏ atrazine. - Nghiên cứu động học của quá trình xử lý thuốc diệt cỏ atrazine bằng công nghệ nano-catazone. |
| 97 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại chi nhánh tập đoàn Công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam - Công ty than Nam Mẫu-TKV, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6QM4 | Lưu Thùy | Linh | ThS. Nguyễn Hà Linh | Đề tài được thực hiện với nội dung: - Nghiên cứu các cơ sở, hệ thống văn bản pháp lý về bảo vệ môi trường mà Công ty than Nam Mẫu-TKV phải tuân thủ. - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại Công ty than Nam Mẫu-TKV với các thủ tục : Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư khai thác phần lò giếng mỏ than Nam Mẫu – Công ty than Uông Bí”; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại; Báo cáo giám sát môi trường định kì. - Đề xuất các giải pháp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của Công ty Than Nam Mẫu-TKV trong thời gian tới. |
| 98 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải chăn nuôi lợn tại phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Nguyễn Thị | Huyền | ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng | Tìm hiểu thực trạng phát sinh chất thải rắn và nước thải từ chăn nuôi lợn tại phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn và nước thải từ hoạt động chăn nuôi lợn tại địa phương nghiên cứu Đề xuất 1 số giải pháp quản lý chất thải chăn nuôi lợn phù hợp với hiện trạng tại phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh |
| 99 | Đại học chính quy | Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 tại Công ty TNHH MTV đô thị Hà Nội-Chi nhánh Nam Sơn-URENCO8 | ĐH6QM4 | Đặng Thị Hồng | Khải | ThS. Nguyễn Khánh Linh | - Tổng quan bộ tiêu chuẩn ISO 14000 và Hệ thống quản lý môi trường. - Xây dựng Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 tại công ty. - Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp khi áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. - Đưa ra những giải pháp phù hợp khắc phục những khó khăn để áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo TCVN ISO 14001: 2015 tại công ty TNHH MTV đô thị Hà Nội-Chi nhánh Nam Sơn-URENCO8. |
| 100 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối tương quan giữa chất lượng không khí và sức khoẻ cộng đồng tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | ĐH6QM4 | Trần Đình | Lâm | ThS. Phạm Thị Hồng Phương ThS. Nguyễn Thế Đức Hạnh | - Tổng quan tài liệu về địa điểm, đối tượng nghiên cứu và hiện trạng đốt rơm rạ tại khu vực nghiên cứu; - Xác định hàm lượng các chất thải phát sinh vào khí quyển do đốt rơm rạ tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; - Xác định mối liên hệ giữa ô nhiễm không khí do đốt rơm rạ và sức khỏe cộng đồng tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;  - Đề xuất các biện pháp giảm thiểu tình trạng đốt rơm rạ và các biện pháp bảo vệ tới sức khỏe con người khu vực đốt rơm rạ. |
| 101 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất giải pháp quản lí phù hợp trên địa bàn huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | ĐH6QM4 | Nguyễn Khánh | Linh | ThS. Nguyễn Hà Linh | Đề tài đã nghiên cứu được các nội dung sau: + Đánh giá hiện trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoằng Hóa: + Hiện trạng công tác quản lí chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoằng Hóa: + Đánh giá nhận thức của cộng đồng về công tác quản lí chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoằng Hóa. + Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lí chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa |
| 102 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Nguyễn Thị Hương | Ly | ThS. Phạm Thị Hồng Phương | - Điều tra hiện trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Đánh giá hiện trạng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Nghiên cứu, tính toán, dự báo lượng CTRSH phát sinh theo xu hướng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Đề xuất mô hình quản lý CTRSH phù hợp với các quy định về BVMT và nguồn kinh phí của địa phương |
| 103 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ bao bì hoá chất bảo vệ thực vật trên địa bàn xã Bình Văn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. | ĐH6QM4 | Nguyễn Thị | Uyên | ThS. Nguyễn Như Yến | - Đánh giá hiện trạng sử dụng hóa chất BVTV tại xã Bình Văn (các loại cây trồng chính, các sâu bệnh thường gặp và hiện trạng sử dụng thuốc BVTV của người dân) và tính khối lượng thuốc BVTV sử dụng và lượng vỏ bao bì thải bỏ trong 1 vụ của người dân; - Đánh giá hiện trạng thải bỏ chất thải hóa chất BVTV của người dân: + Hiện trạng thải bỏ chất thải hóa chất BVTV của người dân (vỏ bao bì hóa chất BVTV và hóa chất còn dư trong bình phun, hóa chất còn trong bao bì). + Hiện trạng công tác quản lý, xử lý chất thải hóa chất BVTV của địa phương. - Đánh giá nhận thức của người dân về trang bị đồ bảo hộ lao động và ảnh hưởng của hóa chất BVTV đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh; - Đề xuất giải pháp pháp giảm thiểu chất thải hóa chất BVTV và thu gom, xử lý bao bì an toàn. |
| 104 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Dương Thị | Yến | ThS. Nguyễn Như Yến | - Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc: + Tình hình thu gom: thiết bị và phương tiện thu gom, vận chuyển đến các điểm tập kết, thời gian thu gom, phương pháp, tần suất thu gom, các điểm tập kết. + Tình hình phân loại, lưu trữ và xử lý chất thải rắn y tế + Nguồn nhân lực thực hiện + Công tác quản lý hồ sơ về chất thải rắn y tế + Đánh giá ý thức và nhận thức thực hành của các đối tượng có thể bị ảnh hưởng bởi chất thải rắn y tế - Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc: Nguồn phát sinh, thành phần và khối lượng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa vĩnh phúc tỉnh Vĩnh Phúc. |
| 105 | Đại học chính quy | Ứng dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP xây dựng bộ tiêu chí và đánh giá tính bền vững về mặt kinh tế của tài nguyên nước Lưu vực sông Srepok | ĐH6QM4 | Trần Ngọc | Khánh | TS. Bùi Thị Nương | Mục đích của khóa luận này là nhằm xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá tính bền vững về mặt kinh tế TNN LVS Srepok và hỗ trợ cho quá trình ra quyết định giúp quản lý bền vững TNN LVS. Khóa luận đã thành công và đạt được một số kết quả chính dưới đây: + Xây dựng được quy trình đánh giá tính bền vững về mặt kinh tế TNN mặt LVS Srêpok với 4 bước chính tuân thủ theo quy trình chung của việc áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP trong bài toán đánh giá tính bền vững. + Thiết lập được bộ gồm 15 chỉ thị bền vững kinh tế chính của ba phương diện Số lượng, Chất lượng và Quản lý dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS Srêpok. Bộ chỉ thị này về cơ bản mô tả được bức tranh về hiện trạng khai thác và sử dụng TNN mặt LVS. + Đánh giá được tính bền vững kinh tế của TNN mặt LVS Srêpok với kết luận là: phương diện Số lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “chấp nhận được”; phương diện Chất lượng được đánh giá ở mức độ bền vững “xuất sắc”; phương diện Quản lý được đánh giá ở mức độ bền vững “xuất sắc”; và cuối cùng tổng hợp đánh giá tính bền vững về mặt kinh tế của TNN LVS Srepok được đánh giá ở mức độ “tốt”. Đánh giá này cho thấy việc khai thác và sử dụng TNN tốt, không đáng ngại nhưng vẫn cần có những biện pháp bảo vệ TNN. |
| 106 | Đại học chính quy | Ứng dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP xây dựng bộ tiêu chí và đánh giá tính bền vững về mặt xã hội của tài nguyên nước Lưu vực sông Srepok | ĐH6QM4 | Phan Quỳnh | Trang | TS. Bùi Thị Nương | - Tìm hiểu hiện trạng TNN mặt LVS Srêpok, xây dựng bản đồ vùng nghiên cứu. - Áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP để xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững về mặt xã hội của TNN mặt LVS Srêpok, xuất phát từ thực trạng TNN LVS. - Xây dựng quy trình đánh giá bền vững xã hội đối với TNN mặt LVS Srêpok. - Đánh giá tính bền vững về mặt xã hội và đề xuất giải pháp khai thác và sử dụng bền vững TNN mặt LVS Srêpok. |
| 107 | Đại học chính quy | Ứng dụng mô hình động học hệ thống (System Dynamics Modelling) mô phỏng tài nguyên nước thành phố Hà Nội | ĐH6QM4 | Nguyễn Tiến | Thành | TS. Bùi Thị Nương | Mục đích của đồ án này nhằm xây dựng mô hình động học hệ thống SDM bao gồm các thành phần cơ bản của hệ thống TNN TP. Hà Nội, mô phỏng được một số mối quan hệ nội tại giữa các thành phần cơ bản của hệ thống TNN TP. Hà Nội, mô phỏng diễn biến của các yếu tố theo thời gian và hỗ trợ nhà quản lí đưa ra quyết định để khai thác, sử dụng và quản lý bền vững TNN TP. Hà Nội. Đồ án đã thành công và đạt được một số kết quả chính dưới đây:  - Xây dựng được mô hình động học hệ thống SDM bao gồm các thành phần cơ bản của hệ thống TNN TP. Hà Nội dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng hiện trạng khai thác và sử dụng TNN TP. Hà Nội. Mô hình động học hệ thống SDM này về cơ bản mô tả được bức tranh về khai thác và sử dụng TNN của TP. Hà Nội ở thời điểm hiện tại và trong cả tương lai. - Mô phỏng được một số mối quan hệ nội tại giữa các thành phần cơ bản của hệ thống TNN TP. Hà Nội. Từ đó xác định được sự tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau của các yếu tố trong hệ thống tài nguyên nước TP. Hà Nội. - Mô phỏng được diễn biến các yếu tố theo thời gian. Từ đó xác định được yếu tố tác động chính với hệ thống tài nguyên nước TP. Hà Nội. - Đánh giá được diễn biến cung – cầu của thành phố Hà Nội đến năm 2050 |
| 108 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Nông Đức | Nam | ThS. Kiều Thị Hòa | Khóa luận thực hiện đã thu được các kết quả chính như sau: - Xác định được nguồn phát sinh CTRSH nhiều nhất là bởi khu dân cư, trong đó CTRSH gồm có 03 loại chính là hữu cơ, vô cơ, tái chế; Qua thực nghiệm tính toán được hệ số phát sinh rác thải tại thị trấn Lộc Bình, Na Dương, xã Hữu Khánh lần lượt là 0,46; 0,44; 0,24 kg/người/ngày. - Kết quả khảo sát về công tác quản lý cho biết số lượng trang thiết bị và nguồn nhân lực còn hạn chế, từ đó hiệu suất thu gom chưa cao, đặc biệt là xã Hữu Khánh (<1 lần/ngày). - Về ý thức, nhận thức của người dân trong vấn đề phân loại rác, kết quả khảo sát cho biết 33/45 hộ gia đình (tức 73,33%) tiến hành công việc này nhưng với tần suất là thỉnh thoảng - Khóa luận đã dự báo khối lượng CTRSH đến năm 2030 là 15045,83 tấn/năm và bố trí được vạch tuyến thu gom CTRSH quy hoạch phù hợp. - Đồng thời, khóa luận đã đề xuất được 05 nhóm giảm pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH trên địa bàn nghiên cứu. |
| 109 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Nguyễn Thị | Phượng | ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng | - Đánh giá hiện trạng phát sinh CTRSH và công tác quản lý loại chất thải này trên địa bàn huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk . - Tính toán, xác định mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện hệ thống thu gom, vận chuyển CTRSH tại huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk. - Đề xuất các giải pháp quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk. |
| 110 | Đại học chính quy | Nghiên cứu xác định mức sẵn lòng chi trả của hộ gia đình cho việc cải thiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang | ĐH6QM4 | Lê Hoài | Thu | PGS.TS. Vũ Thanh Ca | - Đánh giá hiện trạng phát sinh, hiện trạng quản lý và các vẫn đề môi trường do CTRSH tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang  - Dư báo khối lượng CTRSH phát sinh đến năm 2030. - Đánh giá mức sẵn lòng chi trả (WTP) của hộ gia đình cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý CTRSH. - Đề xuất giải pháp tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. |
| 111 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại Bệnh viện 71 Trung ương tỉnh Thanh Hóa và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Lê Chí | Tiến | TS. Nguyễn Mai Lan | - Đánh giá hiện trạng thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội. - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại chi nhánh đối với 3 thủ tục: + Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất nước giải khát Coca-Cola từ 511 triệu lít/năm lên 711 triệu lít/năm”. + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. + Báo cáo giám sát môi trường định kỳ. - Đề xuất các biện pháp hoàn thiện và duy trì các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội |
| 112 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp trên địa bản huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang | ĐH6QM4 | Vũ Trí | Trọng | TS. Lưu Văn Huyền |  |
| 113 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải nguy hại tại thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Nguyễn Thị Thu | Thảo | TS. Vũ Văn Doanh | - Xác định nguồn phát sinh, lượng, chủng loại, công tác đăng ký số chủ nguồn thải... CTNH trên địa bàn thành phố Nam Định. - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Nam Định (cấp phép xử lý, lưu trữ, vân chuyển, thu gom và xử lý theo các nguồn thải). - Đề xuất các giải pháp và các công cụ quản lý phù hợp cho quá trình quản lý chất thải nguy hại của thành phố Nam Định. |
| 114 | Đại học chính quy | Đánh giá nhận thức và thói quen của người dân về hành vi tiêu dùng xanh trên địa bàn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. | ĐH6QM4 | Vũ Kim | Lương | ThS. Nguyễn Hà Linh | - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Nam Định (cấp phép xử lý, lưu trữ, vân chuyển, thu gom và xử lý theo các nguồn thải). |
| 115 | Đại học chính quy | Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Nhà máy Xi măng Hạ Long thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | ĐH6QM4 | Nguyễn Hoàng | Sơn | ThS. Nguyễn Khắc Thành | - Đề xuất các giải pháp và các công cụ quản lý phù hợp cho quá trình quản lý chất thải nguy hại của thành phố Nam Định. |
| 116 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | ĐH6QM4 | Lương Thị Thúy | Hằng | ThS. Nguyễn Khánh Linh | -Xác định nguồn phát sinh chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Việt Trì(theo Loại hình sản xuất). -Đánh giá hiện trạng chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Việt Trì: + Hiện trạng phát sinh CTNH + Hiện trạng vận chuyển, thu gom, xử lý CTNH + Hiện trạng quản lý CTNH - Đánh giá về nhận thức của cán bộ, công nhân viên và người dân về công tác quản lý CTNH trên địa bàn thành phố Việt Trì - Đánh giá hiệu quả của chính sách trong công tác quản lý CTNH. -Đề xuất các giải pháp và công cụ quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Việt Trì. |
| 117 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | ĐH6QM4 | Đặng Thu | Huyền | ThS. Mai Hương Lam | - Đánh giá được hiện trạng công tác quản lý và công tác truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ  - Đánh giá nhận thức và hoạt động bảo vệ môi trường của người dân ở huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ  - Xác định vấn đề môi trường tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ  - Xây dựng chương trình truyền thông về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức của người dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ |
| 118 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | ĐH6QM4 | Nguyễn Quỳnh | Hương | PGS.TS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 1. Đánh giá nhận thức về môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường của người dân tại địa bàn nghiên cứu. 2. Đánh giá hiện trạng quản lý và công tác truyền thông bảo vệ môi trường trên địa bàn nghiên cứu. 3. Xây dựng chương hình truyền thông bảo vệ môi trường tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. |
| 119 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên | ĐH6QM4 | Quản Công | Văn | TS. Nguyễn Thị Thu Nhạn | Khóa luận nhằm mục đích Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên nhằm thực hiện công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường. Nội dung nghiên cứu gồm:  - Đánh giá nhận thức của người dân về môi trường và công tác bảo vệ môi trường tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý môi trường tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; - Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Kết quả cho thấy Hiện nay môi trường địa phương đang trong tình trạng ô nhiễm, nguyên nhân chủ yếu là do chất thải sinh hoạt. Nhận thức về môi trường, người dân đã có sự quan tâm và hiểu biết về môi trường tại địa phương, tuy nhiên vẫn chưa sâu và chưa nắm được đầy đủ. Công tác BVMT tại địa phương, chính quyền vẫn còn hạn chế trong việc tổ chức các buổi họp hay tọa đàm với chủ đề về môi trường, các buổi tập huấn kỹ năng về bảo vệ môi trường, các câu lạc bộ, các buổi sinh hoạt liên quan. Đề xuất xây dựng chương trình truyền thông; “Tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng kết hợp mô hình tự quản lý và phân loại chất thải rắn tại nguồn cho huyện Văn Giang” |
| 120 | Đại học chính quy | Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động trồng hồng Gia Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và đề xuất giải pháp nâng cao khả năng thích ứng | ĐH6QM4 | Hà Phương | Thảo | ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương | Khóa luận đã đánh giá nhận thức về BĐKH và biểu hiện của BĐKH tại huyện Phù Ninh. Đánh giá được ảnh hưởng của BĐKH đến hoạt động trồng Hồng Gia Thanh tại huyện Phù Ninh. Từ đó đã đề xuất giải pháp nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH. |
| 121 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình | ĐH6QM4 | Hoàng Hoa | Mỹ | TS. Nguyễn Thị Thu Nhạn | Khóa luận nhằm mục đích Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nhằm thực hiện công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường. Nội dung nghiên cứu bao gồm: - Đánh giá nhận thức của người dân về môi trường và công tác bảo vệ môi trường tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý môi trường tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; - Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Kết quả cho thấy Nhận thức của người dân về các kiến thức cơ bản về môi trường đã có sự quan tâm, tìm hiểu, nắm được những kiến thức nhất định. Môi trường của huyện Vũ Thư được đánh giá ở mức độ “ít ô nhiễm”, nguyên nhân chính là do hoạt động sản xuất nông nghiệp. Điển hình là vấn đề môi trường đất và chất thải rắn do hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trong đó tác động của ô nhiễm đất và nước do hoạt động sản xuất nông nghiệp trở thành vấn đề được quan tâm và chú trọng. Mô hình truyền thông được đề xuất là Thành lập câu lạc bộ truyền thông môi trường kết hợp tập huấn nâng cao nhận thức. |
| 122 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương | ĐH6QM4 | Đỗ Thị Minh | Phượng | TS. Nguyễn Thị Thu Nhạn | Khóa luận nhằm mục đích Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nhằm thực hiện công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường. Nội dung nghiên cứu bao gồm: - Đánh giá nhận thức của người dân về vấn đề môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường của người dân tại thành phố Chí Linh. - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý môi trường tại thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. - Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương Kết quả cho thấy Môi trường của thành phố Chí Linh đang được đánh giá ở mức độ ít ô nhiễm, vấn đề đáng lo ngại nhất của thành phố là vấn đề về chất thải rắn, nhất là chất thải rắn sinh hoạt, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống người dân. Công tác bảo vệ môi trường và công tác truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Chí Linh đã nhận được sự quan tâm nhưng chưa thực sự chú trọng. Mô hình truyền thông được đề xuất là “Ra quân hành động kết hợp tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phân loại rác tại nguồn tại thành phố Chí Linh”. |
| 123 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ | ĐH6QM4 | Nguyễn Thị Thu | Thảo | TS. Nguyễn Thị Thu Nhạn | Khóa luận nhằm mục đích Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ nhằm thực hiện công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường. Nội dung nghiên cứu bao gồm: - Đánh giá nhận thức của người dân về môi trường và công tác bảo vệ môi trường tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý môi trường tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. - Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Kết quả cho thấy vấn đề môi trường đáng lo ngại nhất tại địa phương là môi trường nước (thiếu nước sạch, ô nhiễm nước mặt,…) và vấn đề vệ sinh môi trường. Công tác truyền thông trên địa bàn chủ yếu được tuyên truyền thông qua phương tiện thông tin đại chúng đài phát thanh, việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền còn gặp nhiều khó khăn do nguồn lực, kinh phí và sự phối hợp của người dân. Đề tài đã xây dựng được mô hình truyền thông bảo vệ môi trường là “Ra quân vệ sinh môi trường kết hợp tập huấn nâng cao nhận thức người dân về đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường”. |
| 124 | Đại học chính quy | Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương | ĐH6QM4 | Vũ Phương | Thảo | ThS. Mai Hương Lam | - Đánh giá hiện trạng công tác quản lý và công tác truyền thông bảo vệ môi trường tại TP Hải Dương - Đánh giá nhận thức và hoạt động BVMT của người dân tại TP Hải Dương - Xác định vấn đề môi trường tại TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Xây dựng mô hình truyền thông bảo vệ môi trường tại phường Trần Hưng Đạo (THĐ) và phường Tân Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. |
| 125 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa giữa tần suất ngập triều với đặc điểm sinh trưởng của rừng bần chua (*Sonneratia caseolaris*) trồng ven biển huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định | ĐH6QM4 | Hoàng Thị Huyền | Trang | TS. Phạm Hồng Tính | Các kết quả nghiên cứu của đề tài khóa luận được tóm tắt như sau:  1. Tần suất ngập triều đo được tại khu vực ven biển rừng ngập mặn xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy và xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải tương đối lớn, nhưng có sự khác nhau giữa các tuyến nghiên cứu và dao động từ 65%- 92%. Do vị trí càng xa đất liền thì độ cao nền đáy càng thấp nên càng gần biển thì thời gian ngập triều càng cao và ngược lại. 2. Rừng thuần loài Bần chua trồng trên đất bãi bồi ven biển xã Nam Hưng và Giao Thiện đều là loài trưởng thành có chiều cao trung bình từ 7-12m, thân cây to, chắc khỏe và phát triển tốt với đường kính thân trung bình từ 17- 24 cm, hầu như cây không bị gãy ngọn, mật độ cây từ 1400 - 2000 cây/ha. 3. Tại khu vực nghiên cứu các đặc điểm về đường kính, chiều cao cây có mối quan hệ tương quan tương đối chặt chẽ với tần suất ngập triều (R = 0,482 - 0,65). Khi tần suất ngập triều tăng lên có nghĩa là ở những nơi thường xuyên bị ngập triều hơn thì đường kính thân cây và chiều cao cây có xu hướng giảm đi. Tuy nhiên mật độ lại không có mối quan hệ chặt chẽ với tần suất ngập triều (R = 0,292). |
| 126 | Đại học chính quy | Nghiên cứu mối quan hệ giữa thành phần cơ giới của đất với đặc điểm sinh trưởng (chiều cao, đường kính, mật độ) của rừng trang (*Kandelia obovata*) trồng tại ven biển huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định | ĐH6QM4 | Đồng Tố Hà | My | TS. Phạm Hồng Tính | Các kết quả nghiên cứu của đề tài khóa luận được tóm tắt như sau:  1. Rừng thuần trang có chiều cao, đường kính lớn và tương đối đồng đều. Chiều cao trung bình từ 3,15-3,45cm, đường kính trung bình từ 6,65 – 7.78cm. Mật độ cây tại đây khá dày, dao động từ 5800 – 7767 cây/ha, tuy nhiên mật độ cây không đồng đều, mật độ thưa nhất là ở xã Giao Thiện, có thể giải thích do trong quá trình sinh trưởng và phát triển của cây, khi có sự cạnh tranh về không gian sinh sống, hàm lượng chất dinh dưỡng từ môi trường giữa các cá thể sẽ dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt, hiện tượng tỉa thưa tự nhiên xuất hiện. 2. Đất rừng trồng thuần loài Trang ven biển huyện Giao Thủy phổ biến nhất là loại đất sét, thành phần sét chiếm lớn nhất, tiếp theo là cát và cuối cùng là thịt. So sánh giữa các xã thì tỉ lệ các cấp hạt không có sự biến động nhiều, đất ở đây đều là đất sét nên rừng ngập mặn có thể phân bố, sinh trưởng và phát triển tốt. 3. Thành phần cát và thịt với đường kính của cây có mối tương quan tương đối chặt chẽ. Trong đó, thành phần sét tỷ lệ thuận với chiều cao và đường kính của cây, tức là thành phần càng cao thì cây phát triển về đường kính và chiều cao càng tốt. Đất có nhiều sét, hàm lượng dinh dưỡng cao tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển, sinh trưởng của cây. Mối quan hệ giữa các biến từ ít đến khá chặt chẽ(R²=007- 0,5), điều đó có thể do khuôn khổ đồ án này nghiên cứu chỉ tập chung vào ảnh hưởng của thành phần cơ giới nhưng trên thực tế các yếu tố môi trường khác như nhiệt độ, tần suất ngập triều ..cũng có thể ảnh hưởng tới đặc điểm sinh trưởng phát triển và mật độ của rừng ngập mặn. |
| 127 | Đại học chính quy | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng cho việc cải thiện chất lượng dịch vụ nước sạch tại thành phố Nam định | ĐH6QM4 | Trần Ngọc | Mai | ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương | Khóa luận đã đánh giá hiện trạng sử dụng và nhận thức về dịch vụ nước sạch tại TP Nam Định;Đồng thời đưa ra đoán nhu cầu sử dụng nước sạch của NTD tại TP Nam Định; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến WTP của NTD tại TP Nam Định từ đó xuất giải pháp nâng cao WTP cho dịch vụ nước sạch tại TP Nam Định. |
| 128 | Liên thông Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn trên địa bàn Thành Phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa | LĐH7QM1 | Đỗ Duy | Nhất | ThS. Lê Đắc Trường | Đánh giá được nguồn phát sinh, thành phần, tính chất, phân loại, hiện trạng thu gom vận chuyển, công tác xử lý, công tác quản lý. Đề xuất quy hoạch CTRSH trên địa bàn Thành Phố Sầm Sơn. Đề xuất giải pháp xử lý, tái chế, chôn lấp thích hợp với điều kiện của Thành Phố Sầm Sơn. |
| 129 | Liên thông Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp | LĐH7QM2 | Dương Thành | Công | TS.Hoàng Thị Huê | - Đánh giá hiện trạng phát sinh CTRSH trên địa bàn huyện Bắc Quang. - Đánh giá hiện trạng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn huyện Bắc Quang - Đánh giá nhận thức của cộng đồng về công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Bắc Quang. - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Bắc Quang |
| 130 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | song bằng | Đỗ Thị Lan | Anh | ThS. Kiều Thị Hòa | Khóa luận xác định được rác thải sinh hoạt từ các nguồn hộ gia đình là chiếm nhiều nhất. - Thành phần CTRSH rất đa dạng bao gồm: chất hữu cơ là chủ yếu chiếm gần 80%, các hợp chất khác: túi nilon, nhựa, giấy, vải, sành sứ, kim loại và các chất khác.  - Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tương đối cao, trung bình mỗi ngày khoảng 73,6 tấn rác Đa số tại các địa phương lượng rác thải phát sinh đều lớn hơn khả năng thu gom, xe 3 gác còn thiếu và phân bổ chưa hợp lý, các điểm tập kết còn ít khiến công tác thu gom gặp nhiều khó khăn. - Đánh giá được hiệu quả công tác quản lý CTRSH nhận thấy: Lượng trang thiết bị và đồ bảo hộ cho các công nhân nhìn chung đều thiếu, tất cả các xã, thị trấn đều không được trang bị đầy đủ cho công nhân. Sự quan tâm đến tính chất công việc còn rất thấp. - Nhận thức và quan tâm đến vấn đề quản lý BVMT nói chung và CTRSH nói riêng tại địa bàn huyện còn yếu kém. Người dân cũng như cán bộ quản lý vẫn chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này, môi trường vẫn chưa được bảo vệ tốt, rác thải chưa được phân loại tại nguồn.  - Dự báo được kết quả về chất thải rắn được phát sinh định hướng năm 2030, vào năm 2030 tổng lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn khoảng 168,02 tấn/năm - Đề xuất được các nhóm biện pháp để cải thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Xuân Trường. |
| 131 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn tại khu công nghiệp Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | song bằng | Vũ Lan | Anh | TS. Lưu Văn Huyền ThS. Bùi Hồng Long |  |
| 132 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, Tỉnh Lào Cai | song bằng | Vũ Văn | Quân | ThS. Nguyễn Hà Linh | Đề tài được thực hiện với các nội dung chính sau: - Hiện trạng sử dụng và thải bỏ HCBVTV của thị trấn Mường Khương. - Đánh giá được nhận thức của người dân thị trấn Mường Khương về việc sử dụng và thải bỏ an toàn HCBVTV. - Hiện trạng công tác quản lý HCBVTV của chính quyền thị trấn Mường Khương. - Đề xuất các giải pháp giảm thiểu và sử dụng an toàn HCBVTV. |
| 133 | Đại học chính quy | Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa Hợp Lực thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp | ĐH2QM4 | Nguyễn Lê Huyền | Thương | ThS. Nguyễn Hà Linh | Đề tài được thực hiện với hai nội dung chính là: Đánh giá hiện trạng CTRYT tại bệnh viện đa khoa Hợp Lực, thành phố Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý CTRYT tại bệnh viện đa khoa Hợp Lực, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |